



Andrea Bozzolo

**GIẤC MƠ CHÍN TUỔI
CỦA DON BOSCO**

LỜI ĐỌC THẦN HỌC

LAS

Andrea Bozzolo

Don Bosco's
childhood dream

THEOLOGICAL READING

LAS

Chuyển ngữ: Giuse Nguyễn Văn Am, SDB

Translated by the Australia-Pacific SDon Bosco province from A. Bozzolo ,
“Sogno dei nove anni. Questioni ermeneutiche e lettura teologica,”
I sogni di don Bosco. Esperienza spirituale e sapienza educativa,
ed. A. Bozzolo (Rome: LAS, 2017) 209-268.

© 2023 by LAS - Libreria Ateneo Salesiano
Piazza dell'Ateneo Salesiano, 1 - 00139 ROMA
Tel. 06 87290626 - e-mail: las@unisal.it - <https://www.editricelas.it>
ISBN 978-88-213-1586-2

GIẤC MƠ CHÍN TUỔI CỦA DON BOSCO

LỐI ĐỌC THẦN HỌC

NỘI DUNG

Lời trình bày.....	2
Bảng viết tắt	4
Giấc mơ thời niên thiếu của Don Bosco – những vấn nạn về thông diễn học và một lối đọc mang tính thần học	5
1. Những nguồn liệu	8
2. Những vấn đề thông diễn học	15
2.1. Ký ức, câu chuyện và lịch sử	18
2.2. Kinh nghiệm giấc mơ	24
2.3. Hiện tượng ngoại thường	31
3. Đọc giấc mơ theo thần học.....	41
3.1. Cấu trúc thuật trình và chuyển động của giấc mơ	41
3.1.1. Những nhân vật và cấu trúc	44
3.1.2. Thế căng thẳng trong thuật trình	47
3.1.3. Chuyển động có ý hướng	53
3.2. Bối cảnh Kinh thánh	56
3.3. Những chủ đề thiêng liêng	65
3.3.1. Sứ mệnh Nguyễn xá	65
3.3.2. Tiếng gọi để làm điều bất khả thể	72
3.3.3. Tôn Danh màu nhiệm	78
3.3.4. Sự trung gian hiền mẫu	82
3.3.5. Sức mạnh của sự hiền dụ	86

LỜI TRÌNH BÀY

Năm 2024 sẽ đánh dấu – với một mức độ gần đúng nào đó – kỷ niệm hai trăm năm “giấc mơ chín tuổi” của Don Bosco. Sự kỷ niệm này qui chiếu tới một trong những biến cố mà Don Bosco coi là quan trọng nhất trong kinh nghiệm hữu vị và quyết định nhất cho sứ mệnh của ngài. Trong *Hồi ký Nguyễn xá* chính ngài nói rằng giấc mơ này luôn ghi ấn tượng sâu xa trong tâm trí ngài suốt đời; ngài gán cho nó một giá trị tiên trưng cho sự phát triển của công cuộc ngài. Nhưng đó không là tất cả. Năm 1858 khi Don Bosco đi Roma để đối thoại với Đức Piô IX về việc thành lập Tu hội, và Đức Piô IX yêu cầu ngài thuật lại “mọi sự mà cảnh giới siêu nhiên đã gọi lên về điều này”, ngài kể cho Đức Giáo hoàng cùng giấc mơ này. Đức Giáo hoàng ra lệnh cho ngài “viết chi tiết giấc mơ đó ra và để lại như một lời khích lệ con cái mình rằng việc thành lập Tu hội là chính lý do cho cuộc thăm viếng Roma này.”

Thực vậy, con cái nam nữ của Don Bosco luôn coi trình thuật này là một trang “linh thánh”, đầy những đề xuất đoàn sủng và có sức mạnh linh ứng. Tuy nhiên, kinh nghiệm giấc mơ thật khó nắm bắt, điều ấy quả là đúng; khoảng thời gian xa cách rất lớn (khoảng 50 năm) giữa thời khắc của giấc mơ và việc viết nó; việc lượng giá tính chất “siêu nhiên” cũng gặp khó khăn, điều ấy nêu lên những vấn nạn nghiêm trọng về tính nhất quán của biến cố được vị thánh thuật lại. Tôi tin không né tránh những câu hỏi này quả là quan trọng, hầu làm cho một bản văn có giá trị ngoại thường không bị hạn giới vào lãnh vực lãng mạn hay văn chương xây dựng.

Ít năm trước, tôi cố gắng đối diện với những câu hỏi này; dựa trên suy tư lý luận, tôi nỗ lực đưa ra những câu trả lời khá thể mà tôi vẫn thấy là thuyết phục. Kết quả là một nghiên cứu bàn đến những vấn đề mang tính thông diễn (phức tạp hơn); nó đề xướng nên đọc giấc mơ ấy một cách thần học-thiên học (đơn giản hơn). Bài viết đã được LAS xuất bản năm 2017 như phần của

một nghiên cứu gồm nhiều tập sách về những giấc mơ của Don Bosco. Tôi qui chiếu nó cho độc giả muốn nghiên cứu thêm.¹ Kỷ niệm 200 năm xem ra là một cơ hội đúng lúc để làm cho bài viết này có sẵn đây theo một hình thức độc lập và dễ đến gần hơn.

Tôi chân thành cảm ơn Tỉnh dòng Úc-Châu Đại dương vì bản dịch này.

Tôi hy vọng bài viết này giúp chúng ta chăm chú lắng nghe những lời mà với chúng Don Bosco đã cho chúng ta cái biến cố thân thiết này vốn ở tận cội nguồn đoàn sủng của chúng ta.

Don Andrea Bozzolo

Vice-Chancellor of the Pontifical Salesian University

¹ A. Bozzolo (ed.), *I sogni di don Bosco. Esperienza spirituale e sapienza educativa*, LAS, Roma 2017.

BẢNG VIẾT TẮT

ACG / AGC	<i>Atti del Consiglio Generale / Acts of the General Council</i>
BM	<i>The Biographical Memoirs of St John Bosco</i> , English (American) edition published by Salesiana Publishers, New Rochelle, New York from 1965 onwards.
MB	<i>Memorie biografiche di Don Bosco (del Beato ...di San) Giovanni Bosco</i> , 19 voll, (da 1 a 9: G.B. Lemoyne; 10: A. Amadei; da 11 a 19: E. Ceria) + 1 vol. di Indici (E. Foglio). San Benigno Canavese - Torino 1898-1939 (Indici, 1948). See BM above for English.
MO-it	G. Bosco, <i>Memorie dell'Oratorio di san Francesco di Sales</i> . Introduzione, note e testo critico a cura di A. da Silva Ferreira, LAS, Roma 1991.
MO-en	J. Bosco, <i>Memoirs of the Oratory of St Francis de Sales</i> , (Translation by Daniel Lyons from the E. Ceria 1946 version), Salesiana Publishers New Rochelle, New York, 2010.
PST1	P. Stella, <i>Don Bosco nella storia della religiosità cattolica. I. Vita e opere</i> , LAS, Roma 1979.
PST2	P. Stella, <i>Don Bosco nella storia della religiosità cattolica. II Mentalità religiosa e spiritualità</i> , Pas-Verlag, Zurich 1969.
RSS	<i>Ricerche Storiche Salesiane</i> , Rome, 1982 onwards.

GIẤC MƠ THỜI NIÊN THIẾU CỦA DON BOSCO NHỮNG VẤN NẠN VỀ THÔNG ĐIỂN HỌC VÀ MỘT LỐI ĐỌC MANG TÍNH THẦN HỌC

Andrea Bozzolo

Trong *Hồi ký Nguyễn xứ*, thuật trình Don Bosco kể cho ta về giấc mơ lúc ngài chín tuổi là một trong những bản văn đáng chú ý nhất của truyền thống Salêdiêng. Việc kể lại giấc mơ này đã đồng hành với việc chuyển giao đoàn sủng cách năng động, trở thành một trong những biểu tượng hiệu quả nhất và là một trong những hợp đề hùng biện nhất của nó. Chính vì thế bản văn đó kêu nài các độc giả, vốn nhận biết chính mình trong một truyền thống thiêng liêng với những đặc tính của một bản văn “kinh thánh” vốn tuyên bố thẩm quyền đặc sủng không thông thường và thực thi một năng lực thực hiện nhất quán, chạm đến những tình cảm, chuyển động tới hành động và sinh ra căn tính. Thực vậy, ở đây những yếu tố cấu thành ơn gọi Salêdiêng được thiết lập cách có thẩm quyền, như một chúc thư được truyền lại cho những thế hệ tương lai, và qua kinh nghiệm huyền nhiệm của giấc mơ đó, quay về lại cội nguồn siêu việt của họ. Giống như thế đối với những trang Kinh thánh vĩ đại, thì trong thuật trình đó chuyển động đi tới nhằm đến sự hoàn thành và sự qui chiếu tới những cội nguồn tương tác lẫn nhau không thể tách biệt.

Sự thật là trình thuật này sản sinh một lịch sử phong phú của những hiệu quả khi những kẻ đã thừa hưởng tiếp nhận nó và khai sinh một *communitas/cộng đoàn* chân thật gồm những độc giả đã đồng nhất hoá với sứ điệp của nó. Có vô số những người nam nữ, được thánh hiến và giáo dân, tìm được sự hứng khởi trong nó để phân định ơn gọi hữu vị của họ và để thực thi sự phục vụ giáo dục và mục vụ của họ. Từ ban đầu, chiều rộng lịch sử của những hệ quả này dạy cho những người sẵn sàng phân tích bản

vấn đó về sự tinh tế của công việc thông diễn họ sắp đảm trách. Học hỏi giấc mơ này không chỉ có nghĩa là khảo sát một biến cố đã từng xảy ra trong đời sống của một thiếu niên cách xa khoảng 200 năm trước, nhưng còn tham gia một cách phê phán vào điều vốn mang chở một sứ điệp thiêng liêng, và đó là một biểu tượng nhằm nhận diện căn tính, một câu chuyện mà đối với thế giới Salêdiêng có giá trị của một ‘huyền thoại sáng lập’. Một câu chuyện không thể đạt được một sức mạnh khai sinh mà không có một lý lẽ sâu xa để biện chính nó, và người học giả không thể không tự hỏi hầu nắm bắt bản chất của nó.

Ngay cả trước khi ta xem xét ấn tượng của giấc mơ đó trên kinh nghiệm của những hậu duệ thiêng liêng của ngài thì ta phải xem xét lịch sử của giấc mơ đã tác động trên chính kinh nghiệm của Đấng Sáng lập. Don Bosco thuật lại rằng từ cái đêm xảy ra đó,² “giấc mơ này suốt đời vẫn gây ấn tượng sâu xa trên tâm trí cha”, và còn hơn thế nữa, bởi vì nó “đã lặp lại vài lần với những hạn từ rõ ràng hơn,”³ mỗi lần đề xướng cho ngài chính định hướng mà cuộc đời ngài sẽ đảm nhận và hướng dẫn ngài chu toàn sứ mệnh của mình. Hơn nữa, trong *Hồi ký Nguyện xá*, ngài gọi nhắc tình trạng tâm trí của mình; vào ngày lễ trọng Mình Máu Thánh Chúa, nay là linh mục, ngài trở về lại ngôi nhà tầm thường, nơi chôn nhau cắt rốn của ngài, để cử hành thánh lễ đầu tiên:

Khi đến gần ngôi nhà xưa, cha nhìn thấy nơi cha đã có giấc mơ lúc 9 tuổi; cha không thể ngăn nổi dòng lệ. cha nói: “Đường lối Chúa quan phòng diệu kỳ biết bao! Thiên Chúa thật sự đã nâng một đứa trẻ nghèo hèn từ bùn đất lên và đặt ngài giữa những hoàng tử của dân ngài.”⁴

² MO-en 34ff.

³ MO-en 72. Bản văn đầy đủ như sau: “Như thế cuối năm hùng biện đến gần, lúc mà các học sinh thường cân nhắc ơn gọi của mình. Giấc mơ cha đã có ở Morialdo in khác sâu xa vào tâm trí cha; thực thể, nó đã xảy ra vài lần nữa với những hạn từ rõ ràng hơn, đề nêu cha muốn tin vào nó cha đã có thể chọn đời linh mục mà cha thực sự cảm thấy có hướng chiều tới đó. Nhưng cha không muốn tin các mộng mị, và chính lối sống của cha, một số thói quen của tâm hồn cha, và tuyệt đối thiếu các nhân đức cần cho bậc sống ấy khiến cha rất nghi ngờ và thật khó khăn lấy quyết định đó.”

⁴ MO-en 96.

Khi Don Bosco đến Roma năm 1858 để bàn về thành lập Tu hội và Đức Piô IX “yêu cầu cha kể cho ngài mọi sự mà siêu nhiên đã đề xướng điều ấy”, thì ngài kể cho Đức Giáo hoàng giấc mơ đó và ngài nhận được lệnh “phải viết thật chi tiết giấc mơ đó ra và trời nó lại để khích lệ con cái của Tu hội.”⁵ Ta còn tìm thấy trong giai thoại có chứng cứ của vị thánh lúc về già một xác quyết nữa về sự kiện mà kinh nghiệm ban đêm này vẫn là điểm qui chiếu cốt yếu.⁶ Don Bosco ở Roma để dự lễ cung hiến Thánh Đường Thánh Tâm, mà ngài đã đảm trách việc xây cất như Đức Leo XIII yêu cầu. Vào sáng ngày 16 tháng Năm 1887, ngài cử hành Thánh lễ tại bàn thờ Mẹ Phù hộ các Giáo hữu. Suốt buổi lễ, ngài phải dừng lại vài lần, vì cảm xúc mạnh đến nỗi ngài không thể đọc được. Khi ngài trở lại phòng thánh và lấy lại sự trầm lắng quen thuộc, cha Viglietti đã giúp lễ cho ngài, hỏi vị linh mục cao niên đó lý do ngài khóc, ngài trả lời: “cha đã thấy trước mắt cha quang cảnh lúc lên mười tuổi cách sống động khi cha mơ về Tu hội; cha thấy và nghe rõ mồn một mẹ và các anh cha bàn luận và hỏi cha về giấc mơ ấy.”⁷ Lúc này Don Bosco đã vào tuổi xế chiều; ngài đã hiểu trọn vẹn ý nghĩa của sứ điệp đã được thông tri cho ngài trong giấc mơ đó như một sứ điệp mở, nhìn tới phía trước: “Vào đúng lúc con sẽ hiểu mọi sự.” Khi thuật lại giai thoại đó, Lemoyne ghi nhận: “Đã qua rồi 62 năm vất vả, hy sinh, gian khổ. Một tia chớp bất chợt đã cho ngài thấy hết khi xây Thánh đường Thánh Tâm ở Roma, triều

⁵ MO-en 36. Don Bosco viếng thăm Roma lần đầu tiên xây ra giữa 21 tháng Hai và 14 tháng Tư năm 1858. Ngài gặp lại Đức Giáo hoàng vào những dịp khác nữa, ngày 9, 21 (hoặc 23) tháng Ba và ngày 6 tháng Tư cùng năm đó. Theo Lemoyne chính vào lần gặp gỡ thứ hai, (ngày 21 tháng Ba) mà Đức Giáo hoàng nghe thuật trình giấc mơ đó và đã ra lệnh cho Don Bosco viết xuống. Về hành trình này, xem Braido, *Don Bosco prete dei giovani nel secolo delle libertà* (LAS, Roma 2003) 1, 378-390.

⁶ Stella nói rằng chúng ta có những chứng cứ vững chắc, *solide testimonianze*, (PST1, 32).

⁷ C.M. Viglietti, *Cronaca di don Bosco. Prima redazione (1885-1888). Introduccióin, texto crítico y notas por Pablo Marín Sánchez* (LAS, Roma 2009) 207.).

thiên của sứ mệnh được phác hoạ nhiệm mầu cho ngài vào chính ngưỡng cửa cuộc đời.”⁸

Tuy nhiên chúng ta hiểu những diễn biến của kinh nghiệm giấc mơ đó trong thời niên thiếu và những chi tiết khi kể lại; chúng ta hoàn toàn đồng ý với cha Stella xác quyết tầm quan trọng của nó trên ý thức của Don Bosco:

Giấc mơ chín tuổi này không phải là một trong nhiều giấc mơ khác mà Don Bosco hẳn đã có trong thời niên thiếu. Tách khỏi những vấn đề buộc chặt vào đó, nghĩa là, việc giấc mơ đó được lặp lại cũng như những bản văn được truyền lại cho chúng ta, cũng thế, tách khỏi vấn đề mà nay chẳng thể giải quyết nổi là khi nào giấc mơ đó thực sự xảy ra, cũng như vấn đề về những hoàn cảnh mà có thể đã gọi lên nó và tức thời cung cấp những đề xướng tưởng tượng – tách khỏi mọi thứ này, giấc mơ đó tác động mạnh mẽ, [điều đó] quả là rõ ràng; thực vậy, nó cho thấy rằng ngài đã phải cảm nhận nó như một sự thông giao thần linh, như một điều vốn có dáng vẻ của siêu nhiên, như chính ngài nói thế. Đối với ngài nó như một ấn dấu mới Chúa đóng vào đời ngài.⁹

Tóm lại, giấc mơ lúc chín tuổi “điều kiện hoá toàn cách thức Don Bosco sống và suy nghĩ. Và cách riêng, chính cách thức ngài cảm nhận Thiên Chúa hiện diện trong cuộc đời của từng người và trong lịch sử của thế giới.”¹⁰

1. Những nguồn liệu

Giấc mơ lúc chín tuổi được chuyển giao cho chúng ta trong nhiều phiên bản. Khi bàn đến vấn đề các nguồn mà Lemoyne đã rút lấy khi viết bộ *Hồi Ký Tiểu Sử*, Desramaut tìm thấy sáu phiên bản khác nhau.¹¹ Phiên bản đầu tiên (A) là phiên bản

⁸ MB XVIII, 341 (BM XVIII 289).

⁹ PST1, 30.

¹⁰ PSTI, 31ff.

¹¹ F. Desramaut, *Les Memorie I de Giovanni Battista Lemoyne. Étude d'un ouvrage fondamental sur la jeunesse de saint Jean Bosco* (Maison d'études Saint Jean Bosco, Lyon 1962) 250-256. Nghiên cứu này được A. Lenti sử dụng và khai triển, “Don Bosco’s Vocation-Mission Dream. Its Recurrence and Significance,” *Journal of*

Don Bosco viết trong *Hồi ký Nguyễn xá* của ngài.¹² Phiên bản thứ hai (B) chứa đựng trong lời Cagliariero khai trong tiến trình thông thường của việc tuyên thánh. Cagliariero nói ngài đã nghe giấc mơ này từ Don Bosco trong năm 1858-59, sau khi Don Bosco thăm viếng Roma đã nhận từ Đức Piô IX mệnh lệnh phải viết lại giấc mơ ấy.¹³ Phiên bản thứ ba (C) là do cha Barberis, cốt yếu lặp lại Don Bosco.¹⁴ Phiên bản thứ (D) tư đến từ Giuse Turco, người bạn của Don Bosco thời niên thiếu. Do một người trung gian không được xác định trao lại, nó được cha Lemoyne sưu tập lại.¹⁵ Phiên bản thứ năm (E) là bản lời khai của cha Rua, trong tiến trình thông thường [của sự tuyên thánh] về trình thuật ngài biết được từ Lucia Turco, chị của Giuse Turco.¹⁶ Phiên bản thứ sáu (F) là tường trình rất ngắn của Giuse Turco mang đến trong tiến trình phong

Salesian Studies 2 (1991) 45-156. Cf. also Idem., *Don Bosco storia e spirito. I. Dai Becchi alla Casa dell'Oratorio* (1815-1858) (LAS, Roma 2017) 211-225.

¹² Ấn bản có tính phê bình được tìm thấy trong MO-it 34-37. Cha Berto, thư ký của Don Bosco, ghi lại tường trình này từng chữ, hiển nhiên khi trình bày nó ở ngôi thứ ba trong lời cung khai của mình trong tiến trình phong thánh thông thường, như ta có thể đọc ở *Copia Publica Transumpti Processus Ordinaria 1080v (= verso) - 1081r. auctoritate constructi in Curia Ecclesiastica Taurinensi super fama sanctitatis vitae, virtutum et miracolorum Servi Dei Ioannis Bosco Sacerdotis Fundatoris Piae Societatis Salesianae*, 277r (= retto) - 279r.

¹³ Ibid. 1080v (= verso) - 1081r.

¹⁴ Trong hình thức cổ xưa nhất của nó, nó được tìm thấy, mà không chỉ tới từ chỗ nào nó tới, trong G.B. Lemoyne, *Documenti per scrivere la storia di D. Giovanni Bosco, dell'Oratorio di S. Francesco di Sales e della Congregazione Salesiana*, I, 153.

¹⁵ 4 Ibid. I, 68-69.

¹⁶ “Lucia Turco, thuộc về một gia đình mà Don Bosco thường tới ở lại với anh chị em của Lucia, bảo tôi rằng một buổi sáng họ thấy ngài tới vui vẻ hơn bình thường. Khi được hỏi nguyên nhân là gì, ngài trả lời ngài có một giấc mơ vào đêm hôm trước vốn làm cho ngài vui lên. Được yêu cầu kể lại, ngài nói rằng ngài đã thấy một Bà cao cả đến với mình; Bà có cả đàn vật rất đông theo sau; bà đến gần mình, gọi đích danh mình và nói: Này Gioan: Ta trao phó đàn vật này cho con coi sóc.’ Rồi tôi nghe những người khác nói rằng ngài đã hỏi ‘làm sao con chăm sóc nổi nhiều chiên cừu như thế? Con tìm đâu đồng cỏ để giữ chúng?’ Bà trả lời cậu, “Đừng sợ, Ta sẽ giúp con, và rồi bà biến mất.” (*Copia Publica*, 2476v).

thánh.¹⁷ Desramaut cho thấy các phiên bản A, B và C có chính Don Bosco là nguồn trực tiếp như thế nào, đang khi phiên bản D, E và F lệ thuộc vào những hoài niệm được chuyển lại qua gia đình Turco.

Dựa trên chính lời Don Bosco xác quyết rằng giấc mơ đó đã được lặp lại vài lần và với xu hướng say mê giữ tất cả các nguồn tùy ý mình, Lemoyne tường trình những phiên bản khác nhau, song lại đồng qui, của giấc mơ đó trong bộ *Hồi Sử*, gán cho chúng những tuổi khác nhau.¹⁸ Trong bài nghiên cứu được trích ở trên, Desramaut bàn luận về tính đáng tin trong sự chọn lựa của Lemoyne. Desramaut coi nó hầu như là kết quả của một sự nổi kết nhân tạo, trừ phi có lẽ trong trường hợp của phiên bản D. Thực thế, dù không thể minh chứng với những lý luận lịch sử vững chắc, việc Gioan Bosco kể cho người bạn Giuse Turco về giấc mơ đó quả là đáng tin theo một trong những lần mà nó tái diễn.

Dù sao chẳng nữa, phiên bản chúng ta qui chiếu để làm việc dứt khoát là phiên bản mà chính tay Don Bosco viết trong *Hồi ký Nguyễn xá*. Như chúng ta đã nói, năm 1858 Đức Piô IX đã yêu cầu Don Bosco viết lại giấc mơ này và tất cả những biến cố liên kết với cội nguồn của Nguyễn xá. Tuy nhiên, Don Bosco trì hoãn viết bởi ngài quá nhiều việc và cũng bởi ngài ngại nói về chính mình. Chính vì thế, năm 1867 trong cuộc triều yết khác, Đức Thánh Cha lại thúc bách ngài viết xuống những ký ức của mình. Sau khi trì hoãn sáu năm nữa, cuối cùng năm 1873, Don Bosco bắt

¹⁷ “Khi còn là một thầy tư giáo, một ngày nọ ngài cũng bảo tôi rằng ngài đã có một giấc mơ, rằng ngài sẽ sống ở nơi nào đó, tại đó ngài sẽ thu nạp rất đông người trẻ để dạy dỗ chúng.” (*Copia Publica...*, 768v).

¹⁸ Trong tập I của bộ *Biographical Memoirs*, Lemoyne trung thành tường trình giấc mơ lúc chín tuổi mà Don Bosco công hiến trong bộ *Hồi ký Nguyễn xá* (MB I, 123-126 or BM I 95-96); khi tham khảo chéo mảng thông tin khác nhau tùy ý mình, ngài gán phiên bản được Turco truyền lại (D) cho một sự lặp lại giấc mơ xảy ra năm 1831, khi Don Bosco được 16 tuổi (MB I, 243ff or BM 182ff); phiên bản của Barberis (C) cho một sự lặp lại sau này xảy ra năm 1834 khi Gioan được 19 tuổi (MB I, 305ff or BM 229ff); và cuối cùng phiên bản của Cagliero (B) cho lúc Gioan là một tư giáo (MB I, 424 or BM 315ff).

đầu bản thảo của *Hồi ký* đó và kết thúc vào năm 1875. Được vị thư ký, cha Gioakim Berto, sao chép rất đẹp, bản văn được chính tác giả hiệu đính và sửa chữa trong một vài dịp mãi tới năm 1879.¹⁹

Dựa trên dữ liệu này, chúng ta có thể nói rằng giấc mơ đó, xảy ra khoảng năm 1824 (chúng ta không thể xác định chính xác hơn về ngày tháng) và nó tái hiện vài lần nữa trong các năm theo sau “theo những hạn từ rõ ràng hơn”, được Don Bosco viết xuống vào khoảng 50 năm sau biến cố đó. Lúc ấy, ngài đã có thể hiểu ý nghĩa sứ điệp của giấc mơ cách phong phú và sâu xa hơn trước kia ngài đã hiểu nó khi còn là một thiếu niên; hẳn nhiên ngài càng hiểu giấc mơ đó qua nhiều kinh nghiệm đời sống; hiểu biết đó khai sinh sự tăng trưởng trong cả những hạn từ có tính trình thuật lẫn giải thích. Sự tiến hoá này đặt ra một thách đố phức tạp về thông điệp học mà chúng ta cần phải biết đến. Thực tế, những chân trời thời gian khác nhau hoà nhập và tương tác lẫn nhau trong bản văn chúng ta đang đọc: thời gian của sự hoàn thành giấc mơ (ít nhất phần nào đó), vốn tương ứng với thời gian Don Bosco cố định nó trong thủ bản của *Hồi ký* đó, thời gian ngài hiểu biết giấc mơ hơn vốn bắt đầu trước tiên bằng việc kể lại cho những người trong gia đình và dần dần triển nở trong ý thức của ngài, thời gian có tính niên biểu mà trong đó giấc mơ đã xảy ra và thời gian giấc mơ (oneiric), một loại thời gian ‘bị treo’ hay ‘khác’ vốn ở bên trong kinh nghiệm ban đêm. Những chân trời thời gian khác nhau này được trộn lẫn với nhau trong bài kể chuyện của Don Bosco, đến lượt mình lại tương tác với thời gian của độc giả, những kỳ vọng, vấn nạn và những tiền khái niệm (preconceptions) của độc giả trong một truyền thống mang tính chất giải thích đã chuyển giao nó cho chúng ta. Không thể nói đến việc nghiêm chỉnh học hỏi giấc mơ này mà không ý thức đến

¹⁹ Đối với những vấn đề liên hệ tới ngày giờ soạn thảo của bản gốc chép tay, bản sao chép của cha Berto và những chỉnh sửa của DB, xem bài giới thiệu ấn bản in của tài liệu này do cha E. Ceria viết. G. (san) Bosco, *Memorie dell'Oratorio di S. Francesco di Sales dal 1815 al 1855* (SEI, Torino 1946) 6; F. Desramaut, *Les Memorie I de Giovanni Battista Lemoyne*, 116-119; Dẫn nhập vào ấn bản phê bình MO 18-19.

những bình diện đa dạng này, mà những vấn nạn thông diễn học quan trọng rút ra từ đó; những vấn nạn ấy, chúng ta sẽ cố tập trung vào phần kế tiếp. Tuy nhiên, trước khi bàn đến những vấn đề như thế, thì trước tiên chúng ta phải đặt trình thuật giấc mơ ấy vào trong bối cảnh thuật trình của nó, nghĩa là, trong toàn bộ tác phẩm mà đã chuyển trao nó cho chúng ta.²⁰

Hồi ký Nguyễn xá là một bản văn tự thuật trong đó Don Bosco hòa trộn với nhau lịch sử của Nguyễn xá Thánh Phanxicô Salê và câu chuyện đời ngài, nhằm để lại một bài học giá trị cho tương lai đối với những kẻ thừa tự thiêng liêng của ngài.²¹ Tác giả đã làm rõ những ý định của mình ngay từ những dòng đầu tiên của bản thảo này:

Vậy, cuốn sử biên niên này phục vụ mục đích nào? Nó sẽ là một hồ sơ giúp người ta vượt thắng những vấn đề có thể xảy đến trong tương lai bằng cách học hỏi từ quá khứ. Nó dùng để làm cho biết chính Thiên Chúa đã luôn hướng dẫn chúng ta ra sao. Nó sẽ cho con cái của cha được giải trí đôi chút hầu có thể đọc biết những cuộc phiêu lưu của cha mình. Hẳn nhiên chúng sẽ say sưa đọc nó khi Thiên Chúa gọi cha để đến tính sổ đời mình, khi cha không còn ở giữa chúng nữa.²²

Vậy *Hồi ký* là một câu chuyện xây dựng; qua sự lọc lựa và nối kết các sự kiện với nhau, nó nhằm chuyển giao không chỉ những biến cố nền tảng vốn ghi dấu Nguyễn xá được sinh ra,

²⁰ Để hiểu luận lý thuật truyện trong *Hồi ký*, xem bài viết hay của A. Giraud, “L’importanza storica e pedagogico-spirituale delle Memorie dell’Oratorio,” trong G. Bosco, *Memorie dell’oratorio di S. Francesco di Sales dal 1815 al 1855* (LAS, Roma 2011) 5-49.

²¹ Được ngỏ cho các Salêdiêng hiện tại và tương lai, *Hồi ký* rõ ràng có thể được phân biệt với những bản văn khác trước kia về lịch sử được Don Bosco viết: Lá thư gửi cho vị Đại diện Thành phố năm 1846; Bản *The Outline and Historical Outlines of 1854 and 1862*, vốn tập trung vào những biến cố liên quan đến những bài giáo lý tại nhà thờ Thánh Phanxicô Assisi, và rồi được chuyển tới Viện Nương Náu của bà Barolo, v.v, cho tới lúc đến Nhà Pinardi. Những bản văn này được nhắm đến những vị có thẩm quyền hay công chúng, hay những ân nhân và những người mạnh thường quân mà Don Bosco muốn cống hiến cho họ một bài ngắn gọn về sự khai sinh và mục đích của cơ sở của ngài, cũng như trình bày những hoạt động xảy ra ở đó và những kết quả giáo dục gặt hái được.

²² MO-en 30.

nhưng cả cái bí quyết sâu xa vốn nằm sau kinh nghiệm này, làm cho nó thành có thể được và đặc trưng hoá nó một cách cốt yếu. Tuy nhiên, công trình/tác phẩm đó không là một sử biên niên suông về các biến cố; nó cũng rõ ràng nhằm làm cho người đọc can dự vào cuộc phiêu lưu được kể lại tới độ khiến họ tham gia vào nó như một câu chuyện vốn can dự đến họ và, họ được kêu gọi tiếp tục, khi họ bị câu chuyện chụp bắt.²³ Nét này, Pietro Braido nhấn mạnh rất hiệu quả; ngài tạo ra lối diễn đạt rất hay “*những hồi ký về tương lai*” để nêu bật đặc tính chúc thư vốn đặc trưng hoá sự thuật truyện của Don Bosco, ngay cả trước khi nó là một tài liệu.²⁴

Trong khi tái cấu trúc lời giải thích về quá khứ vốn liên kết sự khai sinh của Nguyễn xá với một biến cố thiêng liêng chính xác của người thuật chuyện, giấc mơ chín tuổi đóng vai trò có tính “chiến lược” (strategic). Thực thế, chính nhờ nó, ta có được cái chìa khoá để giải thích toàn câu chuyện, và ta nhận diện được sự kiện diệu kỳ vốn tạo nên cội nguồn siêu nhiên. Giấc mơ đó là một nét hiển nhiên nhất rằng về Nguyễn xá thánh Phanxicô Salê và Tu hội vốn hiện hữu ở đó, không phải chỉ có sáng kiến của một linh mục quảng đại, nhưng thật sự là có Thiên Chúa sáng kiến. Ghi nhận chỗ đứng của giấc mơ này trong cấu trúc trình thuật của *Hồi ký*, Giraudó nói:

Biến cố này trở nên thiết thân với dàn bài của bản văn như là khởi đầu của “Hồi ký” về Nguyễn xá, khi xác định nó được phân thành ba thập niên. Thực thế, *Mười năm tuổi thơ* (1815-1824) được biểu thị là một khúc dạo đầu quan trọng, nhưng không “có tính nguyện xá” đúng thực.

²³ “Đỉnh cao của chiến lược lôi kéo độc giả được đạt đến với giấc mơ về người nữ mục tử, được đặt trong vận chuyển từ *Convitto* tới Valdocco, nghĩa là, từ giai đoạn của những kinh nghiệm ban đầu hầu như có tính chất cá nhân, tới sự hiện thực sau cùng của Nguyễn xá, mà có một tính chất cộng đoàn [...] trong những con chiên được biến thành những mục tử [...] những trẻ của Don Bosco [đã] được mời để nhìn nhận chính mình là những người tiếp nối sứ mệnh của Chúa Quan phòng được thấy trước từ ban đầu trong kinh nghiệm tiên tri của giấc mơ đó, như một phần sống động của lịch sử”. (A. Giraudó, “L’importanza storica,” 19).

²⁴ P. Braido, “Scrivere ‘memorie’ del futuro,” *RSS* 11 (1992) 97-127.

Trái lại, thập niên từ 1825-1835, Thập Niên Đầu Tiên, chính xác bắt đầu với người kể chuyện miêu tả mình lúc mười tuổi, cố ý chăm sóc các trẻ em bằng cách làm “điều cha có thể làm vào tuổi của cha lúc đó và tạo nên một thứ nguyện xá ngày lễ.” Bằng cách này, việc bắt đầu giấc mơ, được gọi lên qua những dụng cụ văn chương được vay mượn từ tưởng tượng (fiction), mặc lấy một giá trị đặc biệt: nó trở thành báo trước một bản văn mang tính lịch sử-văn chương (historico-literary) mà nó tiền dự những ý nghĩa, dàn bài và cấu trúc của nó; nói tắt, nó trở thành một dấu vết có thể nhận diện được về một phổ khúc hùng biện được nhắm vào những ý hướng của tác giả. Trong truyền thống Salêdiêng nó được giải thích theo một ý nghĩa ngôn sứ và hình dung trước, điều ấy quả thật quan trọng.²⁵

Vậy, giấc mơ đó được đặt vào trong cấu trúc của *Hồi ký* như chính cột trụ từ đó những cái vòm của thuật trình bắt đầu. Trong phẩm chất của việc xảy ra diệu kỳ, một cách nào đó, nó là chính cái tiền đề dứt khoát để hiểu cái luận lý siêu nhiên của mọi sự tiếp theo. Chắc chắn, Don Bosco không gán bất kỳ đặc tính định mệnh nào cho tiền đề này, như thế ngài đã tìm thấy định mệnh của mình được định sẵn một cách rõ ràng. Khi khai triển câu chuyện, ngài không chút dấu diếm con đường phức tạp và trắc trở của sự phân định ơn gọi mà giấc mơ đó chẳng miễn cho ngài chút xíu nào cả. Nhưng, đọc lại giấc mơ từ vị trí của ngài như linh mục và đáng sáng lập, ngài không thể không hiểu nó như một mặc khải tiền dự và ngôn sứ. Những lời ngài đóng ấn cho câu chuyện – “những điều cha sẽ phải nói sau đây sẽ mang lại một ý nghĩa nào đó cho tất cả điều này” – rõ ràng làm chứng điều này.²⁶

Một khi ta nhìn nhận những điều này thì câu hỏi mà học giả về Don Bosco và kinh nghiệm thiêng liêng của ngài nhất thiết phải hỏi chỉ có thể là như sau mà thôi: Tầm quan trọng ngoại thường mà Don Bosco gán cho giấc mơ này quá nhiều hầu đặt nó thành chìa khoá để đọc *Hồi ký*, cốt yếu có phải là kết quả của một khí cụ có tính thuật trình được động lực bởi những ý hướng xây dựng không, hay có phải nó diễn tả một xác tín cá nhân được đậm rữ

²⁵ A. Giraudo, “L’importanza storica,” 21ff.

²⁶ MO-en 36.

nghiêm chỉnh trong thực tại sự kiện không? Nói cách khác và thẳng thừng hơn: Có phải Don Bosco phóng đại những chi tiết khác nhau của câu chuyện, khi nhấn mạnh tầm quan trọng của biến cố đó hầu như lôi kéo tốt đẹp hơn những độc giả của mình vào thiên sử ca của Nguyễn xá, hay có phải ngài làm sống lại những chi tiết nguyên thủy của một biến cố vốn là ngoại thường *trong chính nó* hay không? Có một sự vĩ đại nguyên thủy trong *sự kiện* lịch sử không? Hoặc có phải điều này chỉ là có thể gán cho cách thức nó được kể ra thôi?

Ta phải làm rõ rằng chính cách thức mà ta hiểu công việc giải thích có tính phê bình đó tùy thuộc vào câu trả lời trước những câu hỏi này: Hoặc nó nên mặc lấy hình thức của một sự giải trừ cấu trúc mang tính khử huyền thoại hoá như một cách đến gần chân lý lịch sử hiện thực *vượt quá* thuật trình, hoặc nó phải mặc lấy hình thức của một sự tiếp nhận tin tưởng (nhưng không ấu trĩ) bản thuật trình như một cách tìm thấy chiều sâu lịch sử của biến cố *qua nó*.

2. Những vấn đề thông diễn học

Trả lời cho những câu hỏi mà trình thuật giấc mơ đặt ra thì thiết yếu nhưng lại rất thách đố. Thiết yếu, bởi vì chúng ảnh hưởng sâu xa cách thức chúng ta hiểu kinh nghiệm thiêng liêng và đoàn sủng của Don Bosco vốn đến từ nó. Mặc dù sự vĩ đại của Don Bosco được dựa trên đời sống thánh thiện của ngài, chứ không phải trên những hiện tượng ngoại thường vốn đi kèm theo đó, thì điều sau [những hiện tượng] không thể bị coi là không đáng kể và tùy phụ, hoặc theo diện lịch sử hoặc theo diện thần học. Thực thể, cùng lối tiếp cận phê bình ấy áp dụng cho những điều kỳ diệu trong đời sống các thánh – hiển nhiên trên bình diện rút tĩa hay loại suy – mà thần học áp dụng cho những cử chỉ lạ lùng của Đức Giêsu được các Tin mừng thuật lại. Những cử chỉ như thế không thể bị giản lược vào những yếu tố ngoài rìa, nhưng “là một thời khắc cốt yếu của mặc khải về Vương quốc, mà Đức

Giêsu mình nhiên nối kết với lời ngài công bố như những dấu chỉ về Vương quốc đã ở đây rồi (Mt 12:28). Những phép lạ của Đức Giêsu chỉ là một khía cạnh của lời ngài: người ta nói rằng lời Đức Giêsu không phải là giáo thuyết nhưng là một hành động, một hành động chữa lành.”²⁷ Vì vậy, chúng là một loại “chữ ký” mà Chúa Cha đặt trên những công cuộc của Chúa Con nhập thể, để tỏ rằng những công việc của ngài làm cho Thiên Chúa hiện diện và hoạt động trong lịch sử và bắt đầu thời cánh chung cho nhân loại.

Vì vậy, người môn đệ được gọi để chiêm ngắm Thiên Chúa hoạt động giải phóng trong những cử chỉ của Đức Giêsu như người làm phép lạ - Thiên Chúa chăm sóc cho con người - và để nhận lấy một lời vốn thách đố họ bằng đức tin. Vậy, trong những cử chỉ có tính phép lạ của Đức Giêsu, người môn đệ được mời chiêm ngắm Thiên Chúa hành động giải phóng và chăm sóc con người cũng như đón nhận một lời vốn thách đố họ bằng đức tin. Câu hỏi xem trình thuật Phúc âm có nói về những biến cố thật sự hay không, hầu khôi phục ý nghĩa thách đố của chúng, hoặc chỉ cho những sự tái thiết muộn màng và mạnh mẽ mà sau cùng xa khỏi thực tại lịch sử, hiển nhiên không phải là một câu hỏi mà có thể chẳng tác động gì đến chúng ta. Căn cứ vào sự tỉ lệ thuận thích đáng, câu hỏi mà ta phải tự hỏi về những điều ngoại thường trong cuộc đời Don Bosco và cách riêng về giấc mơ khi ngài lên chín, thuộc vào cùng trật tự của những nhận xét này.

²⁷ A. Bertuletti, *Dio, il mistero dell'unico* (Queriniana, Brescia 2014) 395ff. “Họ can thiệp chống lại những hình thức bệnh tật vốn trao ban một hình thức cụ thể cho sự xấu vốn đe dọa toàn thể đời sống. Họ hiện thực hoá sự cam kết của TC cho con người và đạt đến hiệu quả của chúng khi họ xác quyết dự thể triệt để mà Đức Giêsu gọi là ‘tin’: sự xác tín mật thiết rằng ý muốn TC hướng đến con người được xác quyết không chút hàm hồ tán trợ ơn cứu độ của ngài. [...] Điều này giải thích tính loại suy, được nhấn mạnh bởi các thánh sử, giữa phép lạ và dụ ngôn. Như các phép lạ, dụ ngôn nối kết chiều kích phán xét với chiều kích xây dựng. Chúng được nhắm để vượt thắng sự chống cưỡng mà con người đối nghịch với sự chấp nhận Lời Chúa bởi vì họ thiếu tin tưởng rõ ràng. Một biến cố xảy ra trong hiện tại vốn thay đổi bộ mặt trái đất, nhưng phải được tìm kiếm để được hiểu rõ” (396).

Tuy nhiên, trình bày câu trả lời quả rất đòi hỏi, bởi vì ít nhất nó hàm ý bàn đến ba trật tự của những vấn đề mà bây giờ chúng ta sẽ cố gắng đối diện, biết rõ tính phức tạp của chúng cũng như những giới hạn khảo cứu của chúng ta. Chúng liên hệ đến mối tương quan giữa ký ức, câu chuyện và lịch sử (§ 2.1.), tính chất của kinh nghiệm giấc mơ (§ 2.2.) và những tiêu chuẩn thần học cho phép chúng ta tiếp cận những hiện tượng ngoại thường trong đời sống thiêng liêng và giải thích ý nghĩa của chúng (§ 2.3.). Một trình thuật xây dựng, được soạn thảo năm mươi năm sau biến cố đó, có thể có tính khả tín nào khi đánh giá phẩm chất hiện thực của kinh nghiệm đó? Khi giả định rằng trình thuật đó khả tín, thì một kinh nghiệm “hàm hồ” như kinh nghiệm của giấc mơ đó có thể có một sự thích đáng mạnh mẽ như nó có thể được đề xuất, trong ánh sáng của những biến cố theo sau và lời giải thích chúng từ một viễn cảnh của người tin, như một chìa khoá cho lời giải thích về câu chuyện cuộc đời của Don Bosco không? Sau khi cũng thủ đắc những dữ liệu này, người ta có thể hợp lý tin rằng giấc mơ lúc chín tuổi đó là một hiện tượng siêu nhiên mang tính chất ngôn sứ không?

Hiển nhiên, ba câu hỏi này được xoắn kết chặt chẽ, bởi vì đặc tính siêu nhiên khả thể của giấc mơ không thể không có một sự nổi bật (quan trọng) đặc biệt hợp theo cách thức mà trong đó người kể chuyện lưu giữ ký ức về nó, và đối với những bên lề của sự tự do thuật trình mà nhờ đó ngài diễn bày sứ điệp. Vậy, ta nhận biết sự nhất quán nhân học trong kinh nghiệm giấc mơ đó; sự nhất quán này hiển nhiên cũng tác động/ảnh hưởng đến việc nó có thể có một sự thích ứng hiện sinh mạnh mẽ và có thể là một không gian để Thiên Chúa thông giao. Ba vấn đề này theo một nghĩa phải được xét cùng nhau; nhưng tính phức tạp của chúng và ước muốn phải sao cho rõ ràng, bao có thể trong loại câu hỏi này (!) đề xuất nên tiến từng phần (*per partes*). Độc giả mà thấy khó để chấp nhận cách lý luận này có thể bỏ qua nỗ lực đó và đi trực tiếp tới lời bình giải giấc mơ.

2.1. Ký ức, câu chuyện và lịch sử

Suy tư trưởng thành nhất về vấn nạn của sự thuật truyện có lẽ là suy tư được nhà triết gia Pháp Paul Ricoeur đặt ra với ý tưởng của ông về *căn tính thuật truyện*, mà thoạt tiên ông trình bày trong cuốn sách *Time and Narrative*, trong một lý thuyết về kể chuyện, rồi được lấy lại trong cuốn sách *Oneself as Another*, trong khung của một lý thuyết về chủ thể.²⁸ Sự giao thoa giữa hai viễn cảnh – của thuật truyện và của căn tính hữu vị – thì tỏ lộ, bởi vì luận đề của Ricoeur hệ tại ở việc chủ trương rằng ta không thể hiểu thế giới của chủ thể và thế giới của bản văn như hai thế giới tách biệt và tự quản, mà cái trước (câu chuyện) của nó chỉ là dấu chỉ (luôn thiếu sót so với nguyên bản) của cái sau mà thôi (thực tại lịch sử, rốt cục không thể đạt đến trong tính sự kiện /factualness của nó). Trái lại, lý thuyết về căn tính thuật truyện xác quyết rằng chủ thể và câu chuyện chỉ cùng hiện hữu mà thôi: con người không thể đến gần chính mình khác hơn bằng cách kể chuyện của mình, và ta không thể hiểu câu chuyện đó trừ phi qua sự sẵn lòng cho phép căn tính của ta được biến đổi.²⁹

²⁸ P. Ricoeur, *Tempo e racconto. I* (Jaca Book, Milano 1986); *Tempo e racconto II. La configurazione del racconto di finzione* (Jaca Book, Milano 1987); *Tempo e racconto III. Il tempo raccontato* (Jaca Book, Milano 1988); Id., *Dal testo all'azione. Saggi di ermeneutica* (Jaca Book, Milano 1989); Id., *Sé come un altro* (Jaca Book Milano, 1993); Id., "L'identité narrative," *Revue des sciences humaines* 95 (1991) 35-47. [Chúng tôi ghi nhận rằng tất cả điều này có trong tiếng Anh trong nhiều ấn bản khác nhau mà có thể được tìm thấy trên mạng: *Time and Narrative and Oneself as Another*.]

²⁹ Vì vậy, luôn có một chuyển động vòng tròn giữa bản văn và hành động: chúng là cực khách thể và chủ thể của cùng một sự hoàn thành. Bản văn bày tỏ hành động bởi vì nó cung cấp khuôn mẫu cho việc giải thích nó. Hành động thì như một bản văn bởi vì nó có một dự phóng, một ý định, một tác nhân (cai gì, tại sao, ai). Vì lẽ này, câu truyện cho thấy những nét biệt loại của hoạt động con người: cấu trúc phẩm trật của những hoạt động phức tạp; đặc tính lịch sử của chúng; cấu trúc viễn đích của chúng, nghĩa làm sự qui chiếu tới chân trời sự sống toàn thể. Nhưng đáng khác, ngôn ngữ không được hiểu cách triệt để trừ phi như một hành động: nó chỉ diễn đạt một cái gì đã được thiết lập, nhưng đóng góp vào việc thiết lập nó.

Nền tảng của lý thuyết này là hiểu biết/ý thức về cái biện chứng vốn ở bên trong với điều mà theo một từ ngữ đơn giản, ngôn ngữ gọi là *căn tính* của con người. Theo hạn từ này, hai ý nghĩa được đặt chồng lên nhau, những ý nghĩa mà tiếng Latinh diễn đạt với hai bổ trợ khác nhau: *idem* và *ipse*. Chữ thứ nhất chỉ đến căn tính như “sự giống như nhau” và hàm ẩn ý tưởng về một điều mà vẫn còn và không thay đổi, còn chữ thứ hai chỉ về căn tính như “căn tính cá vị” (*ipseity*) và chỉ tới điều gì là riêng, hữu vị, chứ không xa lạ. Qua sự phân biệt này, Ricoeur cho thấy rằng người ta không thể hiểu căn tính của một người chỉ như một thực tại vĩnh viễn trong thời gian tương đương với chính mình (*idem*) khác hơn với giá là đánh mất cái căn tính cá vị không thể giản lược được của họ. Thực thể, căn tính hữu vị được hiện thực trong cái biện chứng của điều còn lại và điều liên tục thay đổi và vì thế giống một câu chuyện hơn là một đối vật. Việc dùng cùng một tên để chỉ một người từ khi sinh đến lúc chết không xoá đi sự kiện rằng con người này liên lý kinh nghiệm sự thay đổi thể xác và tâm thần. Thực vậy, thời gian được kinh nghiệm bởi cái *ipse* thì không bao giờ có thể giản lược vào thời gian thể lý-vũ trụ, mặc dù không thể tách khỏi nó. Vì vậy, theo Ricoeur, khái niệm về sự thuật truyện có thể cung cấp một mô hình tốt để đến gần được *căn tính hữu vị (ipseity)* bởi vì tiến trình của sự thiết lập chính mình tổ chức một sự tiếp diễn (sequence) của những biến cố tách biệt, đối kháng và dị thể thành một tính duy nhất. Hiểu đời sống con người như một tính duy nhất thuật truyện làm cho việc tổng hợp hoá sự vĩnh viễn (permanence) và thay đổi thành có thể được, mà cái này không chiếm lĩnh cái kia.³⁰

³⁰ Như Ricoeur nói, “tính chủ thể không phải là một sự tiếp diễn không nhất quán của các biến cố cũng không phải là một tính bản thể (substantiality) bất biến, không thể đến gần việc tiến thân/becoming. Chính loại căn tính này mà chỉ sự cấu thành thuật truyện có thể tạo dựng với tính năng động của nó. Căn tính thuật truyện nằm ở giữa [...] giữa sự thay đổi thuần khiết và căn tính tuyệt đối” (P. Ricoeur, “La vita: un racconto in busca di narratore,” trong ID., *Filosofia e lingua*, ed. D. Jervolino [Guerini e Associati, Milan] 169-185, 184ff.).

Vì vậy, lý thuyết về căn tính thuật trình đặt vấn nạn về căn tính hữu vị vượt quá cái khác giữa một 'cái tôi' vốn đến gần ngay tức khắc với chính căn tính của nó, trong suốt với chính mình, và một "cái hẳn" vốn được nắm bắt từ bên ngoài với những dụng cụ là sự kiến tạo có phân tích, nghĩa là, một tác nhân lịch sử được giản lược vào sự biểu thị khách quan. Căn tính hữu vị thì không phải là căn tính của 'cái Tôi' theo Descartes cũng chẳng phải 'cái hẳn' lịch sử, nhưng là căn tính của một 'bản ngã' (*Self*), chỉ được đến gần qua hình thức thuật truyện. Ta không thể trở về lại trong hình thức một khái niệm (không ai có thể nói bản ngã (*Self*) chỉ trong hình thức trừu tượng của một ý tưởng), hay qua cái khuôn mẫu (model) thô thiển (heuristic) của các khoa học tự nhiên (Bản ngã (*Self*) do định nghĩa không bao giờ có thể khách thể hoá như một sự kiện). Tính phức tạp của kinh nghiệm sống chỉ có thể được khôi phục qua sự bắt chước (*mimesis*) của thuật trình vốn qui tụ những biến cố của hiện hữu vào trong một mạng lưới. Sự trung gian thuật trình cho thấy rằng *biết mình* là một *giải thích của bản ngã*.

Ta phải thêm hai giải thích nữa vào những yếu tố lý thuyết được gọi nhắc vấn nạn này. Lý lẽ sâu xa tại sao con người chỉ biết chính mình bằng cách giải thích chính mình phải được tìm thấy trong sự kiện rằng chính các biến cố đời sống, chứ không chỉ ngôn ngữ thuật lại chúng từ đằng xa, có một sự xuất chúng biểu tượng độc đáo (nguyên thủy/original) vốn làm cho chúng không thể giản lược vào sự kiện thường nghiệm thông thường. Bản ngã (*Self*) xảy ra trong chúng, chứ không chỉ tỏ lộ chính mình. Chính vì thế ký ức vốn nối kết chúng trong câu chuyện là chìa khoá độc nhất để đến gần phẩm chất có ý hướng mà chúng có và nó tạo thành hình thức sử tính độc đáo của chúng, vượt qua bất kỳ chủ thuyết giản lược thực chứng nào.³¹

³¹ Vì lẽ này, ngay cả công trình lý thuyết một cách khoa học nhất của sử gia một cách tối hậu có hình thức của một câu chuyện, vốn xác định khởi điểm và điểm tới, được đạt đến qua một việc đan xen mà trong đó những vai chính và những tác nhân khác

Thứ đến, hành vi nhờ đó người kể đồng hình dạng với những *truyện ngụ ngôn* của diễn từ họ nói không chỉ kết thúc với bản văn nhưng được nhắm đến cho độc giả. Đọc là thời khắc quan trọng, vì khả năng của thuật trình để biến hình kinh nghiệm của người nhận nằm ở “sự hoà trộn (*fusion*) của những chân trời”. Bản văn luôn mời độc giả nhìn thế giới một cách khác và, vì sự thuật truyện không bao giờ là trung lập theo luân lý (*ethically neutral*), nó cũng mời độc giả hành động cách khác biệt. Vì vậy, người ta không thể đến gần ý nghĩa của bản văn mà không phát huy (thực hiện) sự đồng hình dạng của chính căn tính mình, chân trời biểu tượng mà chính câu chuyện của họ được đặt vào trong đó.

Đối với vấn đề chúng ta đang bàn luận, nghĩa là, mối liên kết giữa ký ức, thuật trình và lịch sử trong thuật trình của giấc mơ chín tuổi, lý thuyết của Ricoeur cố gắng hiển những yếu tố lợi ích hiển nhiên về lý thuyết. Nó cho phép chúng ta hiểu rõ hơn rằng thuật trình mà Don Bosco cho chúng ta về kinh nghiệm của ngài không thể chỉ được hiểu (nắm bắt) như một thuật trình chất thể suông về biến cố đó, nhưng phải được hiểu như là cách thức bắt chước (*mimesis*) qua đó Don Bosco làm cho cái *Ngã* của mình đến gần với chúng ta trong một hình thức mà sẽ không thể đạt được chỉ qua sự tái thiết có tính tài liệu mà thôi.

Sự kiện rằng giai thoại giấc mơ đó xuất hiện như một yếu tố sáng lập trong kiến trúc trình thuật của *Hồi ký* chỉ tới tầm quan trọng mà người thuật truyện nhận biết khi cấu trúc căn tính của mình. Don Bosco vẽ những vòng cung (*arches*) của câu chuyện bằng cách làm cho giấc mơ đó thành sự tiền dự về bức tranh lịch sử tổng quát, *bởi vì*, trong sự lặp lại (*reprise*) *hậu nghiệm* (*a posteriori*), ngài làm về cuộc đời mình, ngài tìm thấy ở đó biến cố

được bắt trong sự tương tác của một cốt truyện được tác động. Lịch sử không thể được tóm tắt trong lý thuyết; nó chỉ có thể được hiểu bởi vì nó được kể, nghĩa là làm nó có một tính khả tri mang tính thuật truyện.

vốn làm cho việc thấu hợp nó thành sự duy nhất thành *có thể được*.

Theo nghĩa này, sự kiện là trình thuật được viết 50 năm sau khi xảy ra không giản lược tính khả tín của nó. Một trình thuật được gom lại khi tỉnh dậy hay thậm chí việc ghi lại cách thường nghiệm (không thể được) hiện tượng tâm thần sẽ không cho chúng ta bất kỳ sự đến gần chân chính hơn với điều Gioan Bosco như một đứa trẻ kinh nghiệm trong chính cá tính (*ipseity*) của mình. Lý luận như thế sẽ phản bội một khoé nhìn về bản ngã như ý thức trong suốt đối với chính mình và sẽ giản lược những đường nét của kinh nghiệm nhân loại vào những giới hạn của một sự tức thời mà không có chiều sâu nào. Kinh nghiệm đời sống hằng ngày của chúng ta không trùng hợp với mức độ ý thức vốn đi theo nó và với sự hồi phục chúng ta có thể làm từ nó trong thời khắc đó. Nhiều sự xảy ra (hành động, chọn lựa, thái độ, gặp gỡ) chỉ trở nên rõ ràng cho chúng ta trong những hàm ý của chúng ở đằng xa, qua sự hồi phục mà chúng ta làm từ chúng khi đối thoại với một người bạn hay một vị linh hướng. Vậy thuật trình và sự so sánh với những người khác làm chúng ta có thể nhận biết điều mà tính đương thời sát nghĩa của các sự kiện ngăn cản ta không thấy. Nói cách dễ tiếp cận nhất, ý nghĩa của kinh nghiệm thì như hạt giống tăng trưởng (lớn lên) trong mảnh đất của ý thức và chỉ triển khai những năng lực của nó qua những nguồn 'văn hoá' vốn cho phép giải thích nó. Vì vậy, ký ức không chỉ là một cái lọc vốn chọn lựa và giữ lấy những kỷ niệm, được dành để càng bị lu mờ hơn; nó là chỗ của sự phiền phức có tính thuật truyện về chiều sâu biểu tượng của kinh nghiệm mà chính *bản ngã* chúng ta kinh nghiệm. Đây là lý lẽ sau cùng (tối hậu) tại sao không có ký ức không có căn tính.

Đọc giấc mơ chín tuổi như một loại biên niên sử về các sự kiện, khi bàn đến những lời của giấc mơ đó như thể chúng là những *ipsissima verba* sẽ là một sự *thông diễn ấu trĩ*. Có lẽ việc đọc như thế có thể xem như một diễn đạt của sự tin tưởng tối cao

(utmost) vào tính thực tại của bản văn, nhưng trong thực tế nó hàm ẩn một sự coi thường cốt yếu đối với cái cốt truyện phức tạp với chính ảo tưởng là có thể đạt tới tính chất thể của một dữ liệu không thể tranh cãi được. Sự “tăng trưởng” mà biến cố 50 năm trước trải qua trong ý thức của Don Bosco không phải là một yếu tố bị bỏ quên hay lấy đi, bởi vì chính qua sự tăng trưởng này mà ý nghĩa của kinh nghiệm giấc mơ chín muồi tới độ tìm ra chính thời gian, bối cảnh và những lời thích hợp nhất để được trở lại trong hình thức tra hỏi mà nó đã có.³²

Đọc giấc mơ này như một “kiến thiết nhân tạo” suông mà thôi, kết quả của một sự nhấn mạnh có ý hướng vốn đã làm đầy những khoảng cách của ký ức, sẽ là một *thông điệp học của nghi ngờ* mà, một cách thẳng thắn, dường như không biện chính được. Thực thể, nó tạo nghi vấn không chỉ lời đề xướng lại của một biến cố, nhưng tính khả tín toàn vẹn của bức tranh đầy đủ mà Don Bosco cố hiển cho chúng ta về căn tính trình thuật của ngài. Thực thể, vai trò cấu trúc mà câu chuyện của giấc mơ đó có trong cốt truyện của *Hồi ký* thì tương đương với tầm quan trọng nó có trong hình thể (configuration) mà người kể gán cho đời mình. Lời giải thích giấc mơ đó như sự tỏ lộ của một sáng kiến thần linh, hiển nhiên xuyên qua những dòng của câu chuyện và hiện diện minh nhiên trình bày nó, nêu nghi ngờ những xác tín sâu xa nhất đi kèm với Don Bosco trong việc thực thi sứ mệnh và trong sự chuyển giao đoàn sủng: như một cái gì không đến từ ngài, nhưng có một nguồn gốc khác. Giấc mơ đó là một biểu tượng của nguồn cội này trong *những hạn từ thuật truyện* – và như vậy trong ý thức của Don Bosco *thật sự như thế*. Chính vì thế, một sự nghi ngờ triết để của một vị thánh vốn kể cho ta chính câu chuyện của mình qui chiếu hơn tới một sự chứng thực về một chân trời hiện sinh của

³² Những sửa chữa được tìm thấy trong thủ bản, và ấn bản có tính phê bình của Antonio Da Silva Ferreira làm nên sẵn đây, chứng thực cho phẩm chất chính xác qua sự chọn lựa ngôn ngữ học.

độc giả, nghĩa là, một sự chứng thực của độc giả sẵn lòng cho phép mình được định hình lại bởi biến cố của lời được ban cho mình.

Tóm lại, chúng ta tin rằng việc đọc trình thuật giấc mơ chín tuổi như sự *mimesis* thuật trình vốn một cách ngay thật quay trở lại tầm quan trọng mà kinh nghiệm giấc mơ đã có trong việc tạo thành cái *bản ngã* của Don Bosco là *thông diễn học nhất quán nhất*: vừa phê bình vừa tin tưởng. Vì vậy, điều này khiến ta có thể xác quyết rằng sự vĩ đại nguyên thủy thuộc về chính sự kiện chân thật (lich sử) nhưng chỉ qua sự tăng trưởng trong ý thức (ký ức) ta có thể tìm thấy những lời để được trở lại bằng sự thuật truyện (câu chuyện).

2.2. Kinh nghiệm giấc mơ

Nhưng một *giấc mơ* có thể có ý nghĩa như thế không? Lý luận của người phương Tây tân thời lập tức dẫn chúng ta tới câu trả lời ‘không’. Tuy nhiên, sự tức thời này đơn giản không phải là một sự tự phát, nhưng bởi vì những khuôn mẫu văn hoá vốn đã ổn định trong văn hoá chúng ta suốt bao thế kỷ của thời Khai sáng.

Đang khi đối với người thượng cổ, với luật trừ là Aristote và một số môn đệ của ông, giấc mơ qui chiếu tới một cái gì khách quan, thật sự và cụ thể, dù được liên kết với thần linh, ma thuật hay cái thông thường,³³ thì đối với người tân thời, vốn có khuynh hướng làm cho những không gian của ý thức thiêng liêng trùng khớp với những không gian của sự nhận biết lúc tỉnh táo, chúng trình bày mình như một thứ kinh nghiệm được giảm thiểu mà chỉ

³³ Đối với thế giới cổ điển, xem E. Dodds, *I Greci e l'Irrazionale* (La Nuova Italia, Firenze 1959) (cách riêng chương *Schema onirico e schema di civiltà*) [có sẵn trong tiếng Anh ở archive.org như *The Greeks and the Irrational*]; L. Binswanger, *Il sogno. Mutamenti nella concezione e interpretazione dai greci al presente* (1928) (Quodlibet, Macerta, 2009); Đối với thế giới Kinh thánh, xem J.M. Husser, “Songe,” in *Supplement au Dictionnaire de la Bible* 12 (1996) 1439-1543; E.R. Hayes - L.-S. Tiemeyer (eds.), “*I Lifted my Eyes and Saw*”. *Reading Dream and Vision Reports in the Hebrew Bible* (Bloomsbury, London 2014).

một thực tại đồng tác thành rất khiêm tốn có thể được giao cho nó. Lịch sử triết học cho thấy rằng với lời Descartes xác quyết về *Cogito*, có một việc trục xuất mang tính tỷ lệ tương ứng của giấc mơ ra khỏi những biên cương của sự thật và một khuynh hướng đẩy nó ra bên lề trong lãnh vực ảo tưởng/giấc. Điều mà không thể gán cho lãnh vực ý tưởng rõ ràng và phân minh, điều mà không thuộc vào thế giới của ý nghĩa dễ hiểu và thuộc lý (rational), đều được coi là thời khắc yếu kém của ý thức.

Luisa De Paula viết rõ ràng:

Trong thời kỳ từ những suy niệm về triết học đệ nhất đến Traumdeutung (giải thích giấc mơ), con người thức tỉnh đặt chính mình xa cách với cái bản ngã đêm tối bằng cách nhốt nó vào chốn hư ảo. Sự tách chia có tính nhị nguyên giữa tâm trí thức tỉnh và lý trí giấc mơ ngay tức khắc cũng là một độc quyền của cái trước trong lãnh vực của cái thực. Vì vậy, ta không thể hiểu sự lý tán của ý thức tỉnh thức khỏi cái *Cogito* ban đêm và tính tối cao (ưu đẳng/supremacy) của cái trước trên cái sau hoặc như một dữ liệu sinh học và cấu thành của con người, hoặc như một biến thể (variable) độc lập của tiến trình lịch sử, nhưng đúng hơn ta nên đóng khung nó trong lối đường rộng hơn của văn minh phương Tây vốn dẫn tới sự ly tách giữa bản ngã (ego) và thế giới, thân xác và linh hồn, giác quan và lý trí, cùng với hạn từ đó chầm chậm bị gạt ra bên lề khỏi chân trời của thực tại.³⁴

Cuốn *The Interpretation of Dreams* của Freud tới một mức rộng lớn là tột đỉnh của tiến trình này. Thực thể, cha đẻ của lý thuyết phân tâm mang câu hỏi của giấc mơ tới trung tâm chú ý của văn hoá với cái giá là hiểu biết nó không như một kinh nghiệm nguyên thủy để được ta hiểu vì chính giá trị của nó, nhưng như một thực tại được rút tía, một *trị liệu chứng*, một phần sót lại. Trong khái niệm của Freud, “nội dung rõ rệt” của giấc mơ thì như một mặt tiền ảo giác (illusory) che dấu một chân lý bị ẩn kín, là “tư tưởng ngầm” mà ta phải đạt đến. Vì vậy, kinh nghiệm hình ảnh của giấc mơ không có giá trị cho chính mình, không có ý nghĩa của

³⁴ L. De Paula, *Il sogno tra radicalismo scettico e realismo onirico*, <http://www.uniurb.it/Filosofia/isonomia/2008depaula.pdf>, 3.

chính mình, nhưng chỉ là tiếng dội méo mó của một cái gì vốn ở chỗ khác, trong vô thức. Vì vậy, nó chỉ có lợi theo mức độ nó qui chiếu tới ý nghĩa tiền-hiện hữu, mà nó không là gì khác hơn một sự diễn đạt của ý nghĩa đó. Để cho giấc mơ lại nên dễ hiểu, tâm lý học tân thời đã giả định cái vô thức, một phi chỗ (non-place) ở đó những kiến tạo ban đêm qui chiếu tới những ao ước vỡ mộng (frustrated) và những tưởng tượng bị dòi đi.³⁵

Tuy nhiên, lối tiếp cận này cho thấy sự bất xứng hợp (inadequacy) của nó theo thời gian và nay phân tâm học tách mình khỏi lối tiếp cận của Freud. Thực thể, ý thức “sống những cuộc phiêu lưu của đêm tối với cùng một sự mãnh liệt của ban ngày; những hình ảnh của giấc mơ trình bày mình cho chúng ta với một sự hiển nhiên không kém những hình ảnh khi ta thức.”³⁶ Tri giác không trùng hợp với ý thức: chúng ta liên lý bị chìm ngập trong những tri giác (âm thanh, thị giác, khứu giác); chúng không nhất thiết lôi kéo chúng ta chú ý khi đang thức, nhưng không ngừng là thực sự. Vì vậy, không thể giản lược thực tại ý thức vào sự tỉnh thức có tính chú ý và những dụng cụ của tư tưởng. Chính cách thức trong đó tri giác thể giới và việc trao ban ý nghĩa xảy ra trong chúng ta hàm ẩn việc xem xét một lãnh vực rộng lớn của

³⁵ “Freud thất bại để đi vượt qua một định đề cơ bản của tâm lý học thế kỷ 19: giấc mơ là sử thi ca của hình ảnh. Nếu giấc mơ chỉ là thể, ta có thể tát cạn nó trong một sự phân tích tâm lý được dẫn dắt hoặc theo một phong thái máy móc của một khoa tâm sinh lý (psychophysiology) hay trong phong thái của một sự tìm kiếm các ý nghĩa. Nhưng giấc mơ có lẽ lớn hơn nhiều một sử thi ca của những hình ảnh, vì lý lẽ đơn giản rằng nó là một kinh nghiệm có hình ảnh (imaginary experience); và nếu nó không thể bị tát cạn – như ta đã thấy – bởi một sự phân tích tâm lý học, chính bởi vì nó rơi vào tầm nhìn của lý thuyết về tri thức. Cho đến thế kỷ 19, chính trong những hạn từ của lý thuyết về tri thức mà vấn đề giấc mơ được đặt định. Giấc mơ được miêu tả như một hình thức tuyệt đối biệt loại của kinh nghiệm, và nếu có thể nêu bật tâm lý học của nó, điều này được thực hiện cách thứ phụ và rút tia từ lý thuyết về tri thức mà định vị nó như một loại kinh nghiệm. Chính truyền thống bị lãng quên này mà Binswanger đảm nhận lại trong *Dream and Existence*” (M. Foucault, *Il sogno* [Raffaello Cortina, Milano 2003] 28).

³⁶ L. De Paula, *Il sogno tra radicalismo scettico e realismo onirico*, 16.

kinh nghiệm hơn những điều mà chúng ta có thể thống trị một cách thuộc lý.

Vì vậy, khi mơ màng, con người không ‘kém’ là chính mình hơn trong cuộc sống tỉnh thức, nhưng nó là thế theo một hình thức khác, giá trị biệt loại của nó phải được thừa nhận trong cái tiếp diễn (*continuum*) của hiện hữu. Bằng cách mơ, con người thiết lập một mối liên hệ khác với sự vật, áp dụng một cách cư trú khác trong thế giới mà không chỉ là ‘ảo tưởng’ (*illusion*), mặc dù nó không có hình thức sáng chói của sự trừu xuất nhận thức. Nay khoa thần kinh đồng ý sự kiện này nhờ thiết lập khảo cứu. Khoa chụp X quang (*Radioscopic visualisation*) cho thấy rằng đang khi chúng ta mơ, não chúng ta ghi nhận những đỉnh tối đa của hoạt động, có thể so sánh với những đỉnh nó chỉ đạt tới trong những thời khắc của sự tập trung chú ý tối đa khi thức.

Vì vậy, để ban lại cho giấc mơ cái khả năng lên tiếng của nó, thì khôi phục lại mối tương giao nguyên thủy của ý thức với thân xác và thế giới quả là thiết yếu. Triết học đương thời, với bối cảnh của nó trong hiện tượng luận, cố gắng những đóng góp quan trọng cho sự triển khai (*elaboration*) một lối tiếp cận quân bình vốn cho phép nhập hiệp những dữ liệu khoa thần kinh với sự chú ý đến những kinh nghiệm của chủ thể. Bằng cách này, giấc mơ chuyển từ việc là một ‘phi chỗ’ (*non-place*) của ý thức tới một việc thức tỉnh theo hiện tượng luận của Thế giới hữu vị (*Eigenwelt*). Dĩ nhiên, điều này hàm ẩn sự kính trọng đối với chiều kích *tối sáng* (*chiaroscuro*) mà giấc mơ mang với nó, việc nó trốn thoát khỏi những yêu cầu của bản ngã (*ego*) không ngủ để vây bọc nó cách mạnh mẽ trong những phạm trù của chính mình.

Ý tưởng rằng giấc mơ cho thấy việc tỏ lộ của cái *Lebenswelt* hay *thế giới sinh động* của ngôi vị trong cách thức họ được thiết lập, khôi phục và giải thích lại một trực giác của triết gia Hy Lạp Heraclitus, mà một trong những mảnh viết của ông tuyên bố: “đối với những ai đang thức, có một thế giới chung, nhưng cho những ai đang ngủ, một người được rút vào một thế giới riêng biệt của

chính mình” (*idios kosmos*).³⁷ Ludwig Binswanger, người dẫn giải lớn nhất³⁸ của sự phân tích hiện sinh và tâm thần hiện tượng học, và Michel Foucault, trong giai đoạn tư duy ban đầu, cống hiến một đóng góp quan trọng để khai triển trực giác này. Hơn là việc cố định trên những hình ảnh giấc mơ cá nhân để giải mã ý nghĩa thuộc lý ẩn dấu của chúng, họ cho thấy cơ hội để nhìn vào giấc mơ như một hành vi có ý hướng của ý thức để nêu ra những hướng ý nghĩa của nó.

Foucault viết về điều này:

Trong và qua tính siêu việt của nó, giấc mơ vén mở cái vận hành (chuyển động) nguyên thủy nhờ đó trong sự cô tịch không thể giản lược của nó, cuộc đời đoạt phóng mình tới một thế giới vốn cấu thành chính nó như nơi chốn của lịch sử của nó [...] Nhờ việc bề gãy với tính khách quan này vốn quyến rũ ý thức tỉnh thức, khôi phục cho chủ thể nhân linh sự tự do triệt để của nó, giấc mơ một cách nghịch lý tỏ lộ chuyển động của tự do hướng tới thế giới, điểm nguyên thủy từ đó tự do trở thành thế giới.³⁹

Bằng cách này, vai trò nguyên thủy của trí tưởng trong vận hành siêu việt tính của ý thức được khôi phục. Nó

Không phải là một cái gì chỉ thêm vào hay thứ phụ cho điều là đối tượng của tri giác hay cảm giác, nhưng đúng hơn là tiền điều kiện/điều kiện tiên quyết bất khả thể để bất kỳ “thực tại” nào, sự vật hay ngôi vị, xuất hiện, để trở nên hiện diện với tôi; kinh nghiệm giấc mơ bộc lộ sự trong suốt của trí tưởng không ngừng làm việc.⁴⁰

³⁷ Đây là mảnh IX, được trích dẫn trong M. Foucault, *Il sogno*, 42.

³⁸ L. Binswanger, *Il sogno. Mutamenti nella concezione e interpretazione dai greci al presente* (1928) (Quodlibet, Macerata 2009); *Sogno ed esistenza* (1930) (SE, Milano 1993).

³⁹ M. Foucault, *Il sogno*, 43.

⁴⁰ L. De Paula, *Il sogno senza inconscio. Immaginazione notturna tra psicologia e fenomenologia* (Alpes, Roma 2013) 31. Ngay cả chỉ để nhìn một người được yêu thương, tôi cần trí tưởng tượng. Chính nhờ nó mà, tận cốt lõi của tri giác, tôi có thể nắm hình một người và những đối vật bao quanh người đó. Trong kinh nghiệm tri giác, một chuyển động của sự bí mật (*ulteriority*) và sự siêu việt luôn hoạt động, một năng động lực có ý thường vốn tổ chức và phối hợp hoạt động giác quan, mở ra chân trời của nó.

Trí tưởng cho thấy chuyển vận cấu thành độc đáo của tính hiện hữu (beingness) trong thế giới, một loạt những hành vi có ý hướng nhờ đó một thế giới được nên hiện diện đối với ý thức. Sự khôi phục này rất quan trọng bởi vì nó nói rộng các chân trời của mối liên hệ giữa con người và chân lý: chân lý không thể xuất hiện cho con người mà không cho thấy sự nối kết của nó với thế giới và không làm cho chiều kích tưởng tượng can dự vào.

Nó cũng hồi phục nhu cầu nắm bắt chính giấc mơ trong chân trời sinh động của chủ thể, trong việc chủ thể toàn diện rộng mở với thế giới và đời sống. Đây là cách thức triết gia Maria Zambrano nói về nó:

Thay vì chỉ được phân tích, giấc mơ phải được hấp thụ, đó là một tiến trình thực sự. Lời giải thích những giấc mơ về thực tại một cách nào đó rõ ràng xảy ra trong một loại giấc mơ thuộc mức độ thứ hai trong lúc thức. Người mà tham gia vào giấc mơ tiếp nối nó cách sáng sủa [...] Tri thức có giá trị thích hợp cho những bước tiến của ngôi vị phải thật sinh động: chỉ khi đó nó mới tri thức chân thật và giải phóng.⁴¹

Vì vậy, trí tưởng giống giấc mơ (dreamlike) không thể đến gần sự tỉnh thức bằng sự phân tích vốn khủ cấu trúc nó, nhưng phải chuyển đổi (transfer) nó thành hành động của người mơ. Nó mở rộng tới phía trước hơn là phía sau; nó diễn đạt một chuyển động trong đó ngôi vị định vị chính mình hơn là một kho chứa (deposit) của điều mà nó đã kinh nghiệm. Vì thế, giấc mơ chỉ tới một “hướng chiều”, một “định hướng” về thế giới của mình: không phải với ý tưởng rõ ràng sáng chói nhưng như một vận hành bên trong của trí tưởng. Chính bằng cách lắng nghe vận hành như thế mà ta có thể hiểu giấc mơ.

Ở điểm này không khó để hiểu rằng, nếu ta trôi hiện từ định kiến (thành kiến) tân thời hướng tới người mơ, sức mạnh khơi hứng và hướng dẫn mà giấc mơ chín tuổi đã có trên đời của Don Bosco mới có những lý lẽ vững chắc cho sự có lý (plausibility) của

⁴¹ M. Zambrano, *Il sogno creatore* (Mondadori, Milano 2002) 24.

nó. Trong chân trời của những thành tựu nhân học gần đây nhất về “ý thức giấc mơ” nó là một sự kiện mà không nêu lên những chống đối. Giấc mơ thời niên thiếu diễn tả một “hướng tới”, một “vận hành” đời sống có ý hướng của người mơ (thực vậy, như chúng ta sẽ thấy, một sự sửa chữa của chuyển động) vốn đòi hỏi để trở thành thực tại. *Lebenswelt* (thế giới sống) của Gioan diễn đạt chính mình một cách hấp dẫn, trong rất nhiều qui chiếu: những qui chiếu về khung cảnh (sân chơi, căn nhà), những qui chiếu về tương quan (mẹ ngài), những qui chiếu tôn giáo (hai nhân vật uy nghiêm), những qui chiếu văn hoá (các thiếu niên, những con vật hung dữ, những con chiên), nhưng trên hết, qua chúng một hướng đời sống rõ ràng được diễn đạt: không phải với ý tưởng sáng chói, vì lẽ người mơ chẳng hiểu các sự vật chính ở bình diện này, nhưng được những hình ảnh đầy ngập với năng lực trợ giúp.

Sau khi thiết lập được một khả thể nhân học rằng giấc mơ có sức mạnh hướng dẫn thực sự trong đời sống, nay chúng ta đi đến trật tự thứ ba của những câu hỏi. Trong giấc mơ của Gioan chúng ta gặp hai nhân vật vốn trình bày mình như những nhân vật siêu việt, thật sự với ý nghĩa Kitô và Thánh mẫu học rõ ràng: người đàn ông uy nghi và người nữ với vẻ quý phái. Có phải các ngài đơn giản là những hình ảnh vốn trời hiện từ những tượng tượng ban đêm của một đứa trẻ, có lẽ như một kết quả của một biến cố nào đó trước kia vốn cố gắng hiển một gợi ý hay không? Hoặc như Don Bosco dường như đã tin ngày một thâm tín hơn, giấc mơ đó có phải là một hiện tượng siêu nhiên không? Với ý thức rằng đạt được những câu trả lời không thể phản bác (incontestable) trước những loại câu hỏi này quả là không thể được – nếu chỉ bởi vì những niềm tin, thái độ, kinh nghiệm và lập trường cá nhân hoạt động trong lãnh vực này hơn trong những lãnh vực khác – chúng tôi sẽ cố gắng cung cấp cho độc giả ít nhất một vài yếu tố vốn có thể đóng góp cho sự minh định, mà không bỏ đi việc đề xướng câu trả lời mà chúng tôi xét là thuyết phục nhất.

2.3. Hiện tượng ngoại thường

Để bàn đến câu hỏi về tính chất “siêu nhiên” của giấc mơ chín tuổi, thật đáng ghi nhớ rằng trước tiên trong đời sống Don Bosco có những hiện tượng ngoại thường là một sự kiện ‘nói có sách mách có chứng’ và rất nhất quán. Có vô số giai thoại trong đó những sự lạ lùng xâm nhập vào đời sống của vị thánh và, trong nhiều trường hợp, điều này xảy ra trước mắt của chính những kẻ sau này sẽ tuyên thệ làm chứng trong tiến trình phong thánh. Đây là trường hợp của những sự phục hồi bất ngờ khỏi những bệnh nặng hay không thể chữa được, chẳng hạn, như mù loà hay bại liệt; chúng xảy ra khi Don Bosco ban phép lành của Mẹ Phù hộ; hoặc những ổ bánh được tăng lên lạ lùng; giữa những người khác nữa, nó được cha Dalmazzo kể lại; như một thiếu niên, ngài trực tiếp chứng thực phép lạ đó; hoặc những lời ngài tiên báo về những biến cố tương lai mà các chứng nhân khác nhau chứng thực rằng chúng được hoàn thành cách chi tiết.

Gợi nhớ thái độ mà Don Bosco đã luôn có đối với những hiện tượng ngoại thường này vốn đi kèm với tác vụ của ngài cũng thật quan trọng. Theo các chứng nhân làm chứng, ngài rất ly thoát khỏi tất cả điều này; ngài không tìm kiếm danh tiếng rút ra từ đó, dưới bất kỳ cách nào; trái lại, ngài lo sợ những sự kiện như thế nảy sinh sự náo loạn về ngài. Một chứng từ trực tiếp hơn đối với thái độ của Don Bosco trước những giấc mơ của ngài đến từ cha Cagliero, người thốt lên lời cung của mình trước tiến trình thông thường (phong thánh):

Tôi có mặt năm 1861 khi ngài kể cho chúng tôi một giấc mơ khác trong đó ngài đã thấy tương lai của Tu hội đang bắt đầu, dù chưa được Tòa Thánh công nhận (ca ngợi, hoan hô). Ở đây tôi lưu ý đến sự tế nhị của Thầy Tứ Chúa; từ lúc ngài bắt đầu có những giấc mơ này, ngài đã tham khảo cha Linh Hướng Cafasso tinh tường và thánh thiện, người đã bảo Don Bosco tiến bước một cách ý thức khi gán tầm quan trọng cho những giấc mơ này mà ngài xét là để Thiên Chúa vinh quang hơn và ích lợi cho

các linh hồn. Don Bosco nói điều này cho chúng tôi là những bạn hữu thân cận nhất của ngài.⁴²

Vì vậy, Don Bosco cho thấy thái độ trách nhiệm, niềm tri ân và sự khiêm nhường trước những giấc mơ và, tổng quát hơn, trước những “điều ngoại thường” vây bọc đời sống ngài, mà những bậc thầy thiêng liêng vĩ đại luôn dấn dõ trong những hoàn cảnh này. Từ viễn cảnh này ngài cũng bộc lộ tầm vóc thiêng liêng phi thường và sự tự do tinh thần đáng khen. Những giấc mơ của ngài, được chấp nhận với sự ngoan nguỳ khiêm cung và sự phân định khôn ngoan

đặt nền những xác tín và nâng đỡ các sự nghiệp. Không có chúng người ta không thể cắt nghĩa một số nét đặc trưng thuộc linh đạo của Don Bosco và những người Salêdiêng. Chúng đáng được học hỏi cẩn thận, không phải chỉ vì nội dung sự phạm và luân lý của chúng nhưng vì điều tự thân của chúng và vì cách thức Don Bosco, những người trẻ, những người tán thưởng và những kẻ thừa kế thiêng liêng của ngài hiểu chúng.⁴³

Tính thực tế và công cảm thực tiễn mà Don Bosco đã thừa hưởng từ dân tộc mình, được diễn đạt hùng hồn qua câu nói cùn của bà nội, “chúng ta đừng để ý đến mộng mị làm chi”, sẽ không cho phép những giấc mơ ảnh hưởng ngài sâu xa đến nỗi ngài không coi chúng là những người mang chở một sứ điệp thiêng liêng mà ta phải đi theo.⁴⁴

⁴² *Copia Publica Transumpti Processus Ordinaria*, 1195r-v.

⁴³ PST2, 507.

⁴⁴ Dù sao chẳng nữa, giữa những môn đệ của ngài, niềm tin rằng những giấc mơ, đối với đa phần, là những “thị kiến thần linh” chân thật thì phổ biến. Đây là cách thức Cagliero diễn đạt chính mình, chẳng hạn, trong lời cung khai được nói ở trên: “Giữa những mặc khải mà Tôi Tờ Chúa đã có khi là một đứa trẻ và khi là linh mục, và điều đó ngài gọi là những giấc mơ...” (*Copia Publica Transumpti Processus Ordinaria*, 1135r). Cerruti cũng chứng thực rằng đây là một khái niệm chung giữa các thiếu niên: “Tôi và đa phần các bạn tôi hầu như tin rằng chúng là những thị kiến, nghĩa là, những cách trong đó Chúa tỏ cho Don Bosco điều ngài muốn, và trên hết, điều gì cần thiết cho sự thiện thiêng liêng của chúng tôi.” (ibid., 1362v). Những chứng từ thuộc loại này có thể nhiều thêm.

Về giấc mơ chín tuổi một cách trực tiếp hơn, khởi điểm để lý luận về đặc tính siêu nhiên của nó chỉ có thể là đoạn sau đây trích từ *Hồi ký*:

Nhưng khi cha đến Roma năm 1858 để nói cho Đức Giáo hoàng về Tu hội Salêdiêng, ngài hỏi cha kể cho ngài mọi sự mà giới siêu nhiên đã gọi hứng về nó. Vậy chỉ lúc đó, lần đầu tiên, cha nói mọi sự về giấc mơ cha đã có lúc chín hay mười tuổi. Đức Giáo hoàng đã lệnh cho cha phải viết xuống giấc mơ ấy thật chi tiết và để lại nhằm kích lệ cho con cái của Tu hội mà sự thành lập Tu hội chính là lý do cho việc thăm viếng Roma này.

Don Bosco sâu xa thâm tín rằng không ai sẽ đặt tay để thành lập một tu hội mà không có những dấu chỉ rõ ràng từ trên cao; dường như qua những lời trên, ngài diễn đạt mình xác tín rằng giấc mơ ngài có khi còn là thiếu niên đã là một trong những dấu này. Xem ra mệnh lệnh của Đức Piô IX bắt soạn ra một bản nháp chính xác là một lời xác quyết có thẩm quyền, nếu mặc nhiên, về điều này.

Nhưng ta phải hiểu ra sao những thông giao siêu nhiên này, mà lịch sử linh đạo cố gắng hiển lộ và chứng từ về chúng, và tới mức nào diễn đạt một ý kiến đối với tính chân chính của nó là có thể được? Suy tư cẩn thận mà một thần học gia nổi tiếng K. Rahner đã khai triển về điều này trong bài viết "*Visions and Prophecies*" có thể giúp chúng ta trình bày một câu trả lời cho những câu hỏi này.⁴⁵

Để có được hiểu biết thần học về những hiện tượng này, Rahner đưa vào một sửa đổi quan trọng cho lối tiếp cận của khoa biện giáo theo giáo khoa vốn nhìn chúng trong khung của mối tương giao giữa mặc khải công và mặc khải tư. Khi ghi nhận tính bất nhất của lược đồ này, nhà thần học Đức nắm lấy cơ hội này để đóng khung vấn đề đó từ viễn cảnh của những hiện tượng đặc

⁴⁵ K. Rahner, *Visions and Prophecies* (Herder and Herder, New York, 1964) dù những trích dẫn ở đây là một bản dịch trực tiếp từ ấn bản tiếng Ý: K. Rahner, *Visioni e profezie* (Vita e Pensiero, Milano 1995). Những qui chiếu trang sách được lấy từ ấn bản tiếng Ý.

súng mà với chúng Thánh Thần đóng góp vào việc hướng dẫn Giáo Hội suốt bao thế kỷ, bằng cách cố gắng những ánh sáng đặc thù của mình để đối diện những thách đố Giáo Hội đối diện. Vì vậy, khi bàn đến các thị kiến, vấn đề không phải là hỏi xem chúng thêm điều gì vào mặc khải Kitô học, nhưng đúng hơn cách thức/ (làm thế nào) và tới mức nào chúng góp phần để nhập thể nó trong thế đại và tình huống biệt loại. Giá trị của chúng một cách cốt yếu không ở bình diện của xác quyết, như một sự chứng thực về một chân lý nào đó, nhưng ở trên bình diện *mệnh lệnh* (imperative). Chúng tiên vàn không diễn đạt một ý tưởng, nhưng đúng hơn một mệnh lệnh, một thái độ phải được đảm nhận; chúng là những dấu chỉ đồng hình đồng dạng với một kinh nghiệm thiêng liêng, khi khích lệ người thụ nhận, và có lẽ những người khác được can dự vào cá vị này để hoàn thành một trách vụ quan trọng nào đó vì sự sống của Giáo Hội. Cái mệnh lệnh được Thiên Chúa khởi hứng trong một chi thể Giáo Hội vì Giáo Hội để hành động trong một tình trạng lịch sử có sẵn dường như đối với chúng ta là yếu tính của một “mặc khải tư” có tính ngôn sứ của loại hậu Kitô hữu.⁴⁶

Những hiện tượng như thế thì có thể được, điều ấy là một sự kiện đức tin chắc chắn: “Mặc khải tư là có thể được qua những thị kiến và những kinh nghiệm liên quan đến nghe (auditory), đối với một Kitô hữu, điều ấy thì cốt yếu chắc chắn. Thiên Chúa, một Thiên Chúa hữu vị và tự do, có thể làm cho tinh thần thụ tạo có thể tri nhận ngài không chỉ qua những công việc của ngài nhưng cũng qua lời tự do và hữu vị.”⁴⁷ Đàng khác, họ là gì chỉ có thể kết quả của sự phân định cẩn thận, và không bao giờ đòi phải có sự phê chuẩn riêng và chân thật của *fides cattolica*, vì nội dung của chúng không được trao cho Giáo Hội chính thức (official) vì Giáo Hội để thông chuyển chúng một cách thẩm quyền cho các tín hữu,

⁴⁶ K. Rahner, *Visioni e profezie*, 52. Hậu Kitô hữu ở đây được hiểu theo nghĩa là “thuộc về một kỷ nguyên theo sau biến cố Kitô học”.

⁴⁷ K. Rahner, *Visioni e profezie*, 38f.

nhưng đúng hơn một uy tín vốn được liên kết với sự rõ ràng mà có thể đạt được. Trong một số trường hợp, đối với người thụ nhận thị kiến và có lẽ cũng đối với những người khác, một uy tín có thể là một vấn đề của *fides divina* chân thật và riêng, nghĩa là, một uy tín được ban cách hữu vị cho Thiên Chúa bằng cách nhìn nhận rằng người ta đã bị ngài thách đố.

Vì thế, Rahner đòi hỏi một thái độ quân bình lành mạnh mà, nhiều hơn trong quá khứ, nhận biết vai trò cốt yếu và không thể thay thế của đặc sủng ngôn sứ trong đời sống Giáo Hội, nhưng đồng thời gọi nhắc rằng “trong những câu hỏi này, những câu trả lời rõ nhất và xác thực nhất (apodictic), cũng như những giải đáp đơn giản nhất và thực tiễn nhất, không nhất thiết cũng là chính đáng nhất.”⁴⁸

Về những dạng thức (modalities) của khoé nhìn siêu nhiên, ta phải ghi nhận trước tiên rằng Thiên Chúa tỏ lộ qua những dấu chỉ và hình ảnh “tương ứng với đặc tính nền tảng của Kitô giáo hơn là một *sự kết hiệp thần bí* thuần khiết không có “những hình ảnh”, từ đó vấn đề cổ xưa luôn luôn trời hiện lại, như tính tôn giáo như thế của sự siêu việt thuần túy của tinh thần Kitô hữu cách chân chính.”⁴⁹ Sự loại suy giữa những thị kiến này và cấu trúc của sự nhập thể trong đó con người và thần linh được kết hiệp mà không lẫn lộn hàm ẩn việc nhìn nhận rằng trong hiện tượng chúng ta đang bàn nhất thiết phải ghi nhớ cả những luật tâm thần vốn rút từ những khả năng thiêng liêng của con người mà có thị kiến, cũng như sáng kiến mà qua đó Thiên Chúa can thiệp vào chủ thể.

⁴⁸ K. Rahner, *Visioni e profezie*, 31.

⁴⁹ Ibid, 39, ghi chú 12. Đáng khác, nhất thiết phải hiểu, chính từ cấu trúc nhập thể nền tảng này trong đó TC và tạo thành được qui tụ trong hiệp nhất mà không lẫn lộn, rằng người ta có thể đến gần TC chỉ trong dấu chỉ - ngay cả trong diện mạo của thị kiến - chỉ với điều kiện người ta không gắn bó mình với dấu chỉ (*noli me tangere*) như thể nó là một cái gì dứt khoát và tối hậu, chính TC, nhưng người ta chứng thực cho nó bằng cách siêu việt nó, và nắm bắt nó bằng cách để nó tự do” (ibid).

Điều này trước tiên có nghĩa rằng “để cho một thị kiến thật sự là thực tại thiêng liêng của một chủ thể đặc thù, nói cách siêu hình, nó phải thật sự là ‘hành vi’ (hiện thể) của chủ thể này, nghĩa là, không chỉ được Thiên Chúa gây ra trong chủ thể, nhưng cũng thực sự là công việc của chủ thể này, mà chính họ hoàn thành.”⁵⁰ Thực thể, ngay cả những thị kiến được Thiên Chúa gọi lên, được đắm rễ trong cấu trúc tâm-thể/sinh lý của chủ thể, vốn sẽ kinh nghiệm chúng trong những chân trời của đời sống mình (chẳng hạn, trong ngôn ngữ ông nói, với những hình ảnh mà ông có thể nhận biết và v.v.).⁵¹ Trong trường hợp chúng ta, bất kỳ phẩm chất thần học nào của biến cố đó, ta phải nắm vững rằng điều xảy ra được hoàn thành qua những khả năng của Gioan Bosco như một thiếu niên. Thật sự chính cậu đang mơ, ý thức của cậu không phải là một loại màn hình thụ động các hình ảnh thiên đài được phóng chiếu lên trên đó, có thể nói như thế; nhưng với khả năng tưởng tượng của mình, nó hoàn toàn đóng góp vào việc sản sinh diện mạo và diễn từ.

Một minh định quan trọng thứ hai liên quan đến sự kiện rằng lối diễn đạt “thị kiến này là do Thiên Chúa”, như Rahner ghi nhận, tự nó hàm hồ một cách ngoại thường, bởi vì mọi ân sủng đều do từ Thiên Chúa mà ra, ngay cả khi nó có thể giải thích/cắt nghĩa hoàn hảo trong luật tự nhiên. Con người tôn giáo chí lý nhận biết Thiên Chúa tự do ban ân sủng để cứu độ họ, ngay cả trong một biến cố mà ta có thể giải thích cách tự nhiên. Tuy nhiên, theo

⁵⁰ Ibid. 66.

⁵¹ “Cách cụ thể, hiển nhiên là hầu như không thể nói chính xác ở đâu, trong hành vi thị kiến, cái biên giới chạy giữa những luật tâm thần *tất yếu* có giá trị và những luật tự nhiên, ngay cả nếu tất yếu, vốn bị treo lại qua sự can thiệp kỳ diệu của Thiên Chúa.” (66) Hơn nữa, “nếu nhất thiết phải giả định một yếu tố chủ quan đã có trong thị kiến tưởng tượng, thì điều này có thể thậm chí hơn như thế *sau khi* thị kiến, ngay cả ở nơi chúng là những người tuyệt đối lương thiện: những sự sai không tự ý, những sai lỗi của trí nhớ, sử dụng những khuôn mẫu tư duy tiền quan niệm và một ngữ vựng đã được đóng gói trong câu chuyện đó mà với nó những viễn cảnh là những sự thêm vào không tự nguyện, được chuyên động cách ngẫu hứng của một loại thêm vào, sự miêu tả và giải thích có tính tâm lý về biến cố đó, mà tiếp nối để tốt hơn hay tệ hơn lệ thuộc vào khả năng tự quan sát của người thị kiến” (97ff).

một nghĩa rất đặc thù, những thị kiến này có cội nguồn của mình trong sự can thiệp siêu nhiên chân thật của Thiên Chúa, nghĩa là, vượt quá những luật lệ có bản tính thể lý (physical) và tâm thần; chúng phải được miêu tả như là “có cội nguồn thần linh.”⁵² Ngay cả trong trường hợp này, nhất thiết vẫn phải phân biệt giữa (a) điều gì là kết quả của việc Thiên Chúa cư ngụ thường hằng nơi một tín hữu mà ta có thể gọi thật đúng là những thị kiến siêu nhiên, chứ không phải là phép lạ theo nghĩa chuyên môn – và (b) cái gì là kết quả của việc Thiên Chúa can thiệp diệu kỳ vốn treo các luật tự nhiên và vì vậy cũng treo những luật tâm lý bình thường. Rahner nói rất thích đáng:

Thực tiễn, thật rõ: nói một thị kiến được coi là Thiên Chúa tạo ra theo nghĩa thứ nhất hay thứ hai của một biến cố siêu nhiên cách riêng từ hai thời khắc có thể đồng qui trong cùng một thị kiến quả là không dễ dàng. Hơn nữa, ta phải nhớ rằng ý nghĩa tôn giáo của một thị kiến siêu nhiên theo nghĩa thứ nhất, bởi bản chất của nó có thể là cốt yếu lớn hơn một thị kiến vốn là siêu nhiên theo nghĩa thứ hai, vì điều mà lạ lùng theo nghĩa chuyên môn cũng không nhất thiết là điều hoàn hảo nhất, theo quan điểm hữu thể học và đạo đức.⁵³

Cuối cùng, khi bỏ sang một bên những khía cạnh khác của vấn đề phức tạp này, thì nhận diện một yếu tố vốn giúp hiểu ta muốn nói gì khi một thị kiến được giả thích như “lời tiên tri” và điều gì phân biệt lời tiên tri kitô hữu chân chính với hiện tượng tâm thần là sự nhìn xa (đang được bàn cãi) quả là vẫn còn quan trọng. Rahner nói, trong trường hợp của những thị kiến có tính cận tâm lý (*parapsychological*) người linh thị nhìn thấy “một phần ngẫu nhiên nhỏ của tương lai, người ta có thể nói một mảnh nhỏ tuyệt đối tình cờ của một cuốn phim dài, nhưng không có mảnh này được xen nhập vào một sự triển khai rộng hơn, tự nó có ý

⁵² Ibid. 68.

⁵³ Ibid. 69.

nghĩa, có một lời giải thích về ý nghĩa.”⁵⁴ Bản chất của thị kiến tiên tri chân chính thì rất khác:

Ít nhất tận cốt lõi của nó, đây không phải là một “thị kiến” nhưng là một “lời”. Thích đáng, nó không cho thấy một mảnh tương lai như một hình ảnh, nhưng chia sẻ một cái gì của nó như nó giải thích nó. Chính vì vậy, một giải thích như thế thì tầm tối trong những chi tiết của nó – chính bởi vì nó đến từ Thiên Chúa, chứ không phải bất chấp sự kiện rằng nó đến từ Thiên Chúa – bởi vì nó nói về ý nghĩa của tương lai, nhưng không chút được hiểu như một phương thế để lẫn mình khỏi hay để thấy trước điều đó; đúng hơn, nó nhằm giữ cho con người tư do rộng mở dám tin tưởng vào Thiên Chúa. Vì vậy, nó không có một phong thái của một nhà biên niên sử vốn chuyển động lạ lùng vào tương lai và từ đó giải thích điều họ kinh nghiệm; nhưng đúng hơn, nó mạc khải cho người mà người đó ngó lời cho một cái gì của tình trạng hiện hành qua cái nhìn thoáng về tương lai mà ông cần nâng đỡ cái bây giờ hiện tại, trong trung tín và tin tưởng.⁵⁵

Ở điểm này chúng ta cần trở lại giấc mơ của chúng ta, khi tóm lược những dữ liệu ta đã có được và cố gắng để dứt khoát tiến tới. Chúng ta nói rằng giấc mơ lúc chín tuổi đóng một vai trò kiến tạo nền tảng để khai triển thuật trình đan xen nhau của *Hồi ký*, một vai trò vốn tương ứng với tầm quan trọng hiện sinh mà Don Bosco gán cho kinh nghiệm như giấc mơ này trong việc cấu trúc cái căn tính tường thuật của ngài. Ta cũng nói rằng câu chuyện, được viết 50 năm sau, không đơn giản là một thuật trình, nhưng là một *sự khôi phục mang tính thuật truyện* vốn đến từ ký ức thu góp lịch sử của chính nó lại với nhau trong một tính duy nhất và trao lại ý nghĩa của kinh nghiệm nguyên thủy theo một cách trưởng thành và tư duy. Điều này trở thành có thể hiểu được hơn nhiều vì chúng ta vừa thấy rằng ý nghĩa của giấc mơ ta không

⁵⁴ Ibid, 119. Người linh thị cận tâm lý một cách vô ngã nắm bắt/hiểu một mảnh nhỏ của tương lai, mà tuyệt đối nhân quả, vô nghĩa và mù quáng, lướt vào lãnh vực tri thức của ông. Điều mà được thấy trực tiếp thì được thấy rõ ràng và cụ thể, như thể ngay tại chỗ. Điều này có thể được qui chiếu như một *tường trình*. Nhưng điều được thấy rõ ràng như thế vẫn còn cô lập (tự thân) và vì thế, bất chấp tính rõ ràng của nó, vẫn không thể hiểu được.

⁵⁵ Ibid.

nên tìm ở những hình ảnh cá nhân hay những lời xác đáng, nhưng trong hướng chiều (định hướng) mà trong đó trí tưởng cho thấy đang vận chuyển trong một hành vi siêu việt và rộng mở. Chính trong bối cảnh năng động này mà các chi tiết cá nhân tỏ lộ tính duy nhất và định hướng của nó.

Nay, trong ánh sáng của điều được nói về những thị kiến siêu nhiên, chúng ta ngạc nhiên nếu những trang này về giấc mơ mà Don Bosco gán cho nó một tầm quan trọng như thể chỉ là một âm vang trống rỗng của một kinh nghiệm, trong đó, dù không ý thức nó, ngài chỉ lắng nghe chính mình hoặc nó thực sự cho chúng ta nội dung của một sự thông giao thần linh đặc biệt có một bản chất tiên tri và tiền dự.

Những minh định được cung cấp cho đến giờ cho phép chúng ta cấu trúc (đóng khung/frame) câu trả lời của chúng ta mà không có những thái quá *tối đa* hoặc *tối thiểu*. Tối đa và sai lầm sẽ là ý tưởng rằng nội dung của giấc mơ là một cuộc gặp gỡ Đức Chúa và Đức Nữ Trinh trong đó các ngài được nhìn thấy và nghe thấy theo cách thức loại suy với điều xảy ra trong tri giác giác quan bình thường. Vì vậy, những lời các ngài xác nhận sẽ được hiểu là những lời một cách ‘chất thể’ đến từ môi miệng của Đức Giêsu và Đức Maria, vốn từ trời xuống thăm cậu thiếu niên miền Becchi. Như chúng ta đã thấy, khái niệm này đi quá chiều kích nhân học của biến cố đó, nghĩa là, nó xao nhãng vai trò của ý thức nơi Gioan Bosco như một thiếu niên – chân trời nhận biết, trí tưởng, những tài năng – đã đóng trong hiện tượng đó, và như vậy, chấp nhận ý tưởng ấu trĩ về tính tức thời thiêng liêng. Đàng khác, giản lược giấc mơ đó vào sự kiến tạo của vô thức nơi người mơ hay vào một diễn đạt của trí tưởng tượng mang tính tôn giáo nhiệt huyết của ngài quả là tối thiểu và cũng sai không kém. Nội dung của giấc mơ không có một chút nào những nét của một điều được đón nhận, nhưng đơn giản của một điều được sản sinh. Xét cách siêu hình, luận đề này không phải là không thể được, nhưng nó đụng phải nhiều chứng cứ luân lý và thiêng liêng. Để hỗ trợ nó, thực thể, ta

phải nói rằng bằng cách đặt câu chuyện của giấc mơ đó lúc ngài chín tuổi như một chìa khoá cho việc đọc *Hồi ký Nguyễn xá* và vì vậy, câu chuyện tông đồ và thiêng liêng của ngài, Don Bosco bị lừa hay, thậm chí tệ hơn, lừa dối chính mình, về một yếu tố tuyệt đối dứt khoát cho lịch sử cá nhân và đời sống cùng sứ mệnh của Tu hội ngài, nghĩa là, sự hiện diện của tiếng gọi rất đặc biệt từ trên cao, mà giấc mơ là dấu chỉ và dấu ấn của nó. Vô thức của một thiếu niên đã sản sinh một bản văn đặc sủng quan trọng từ hư vô, một điều vốn khởi hứng hàng ngàn tín hữu, và đã cống hiến những trực giác thiêng liêng quan trọng cho một trong những đấng sáng lập vĩ đại trong lịch sử Giáo Hội, mà không có bất kỳ sự can thiệp đặc thù nào từ phía Thiên Chúa quả là rất khó mà tưởng được!

Bỏ sang một bên hai thái cực trên ở cả hai cực của quang phổ, và để ý đến tầm vóc (stature) của sứ mệnh mà Thiên Chúa ký thác cho Don Bosco – cái tầm vóc của một sứ mệnh được Thiên Chúa đặt định để phát triển một cách ngạc nhiên vì phúc lợi của Giáo Hội phổ quát – *tin rằng giấc mơ đó, như Don Bosco hiểu, thực sự là một sự thông giao siêu nhiên tương tự với những giấc mơ mà có thể được đọc thấy trong những câu truyện Kinh thánh lớn về các giấc mơ của các tổ phụ hay những thị kiến ban đêm của các ngôn sứ quả là hoàn toàn hợp lý*. Dựa trên những tiêu chuẩn được ta thường xét đến trong thần học thiêng liêng, thì sự lượng giá này dường như nhất quán nhất với toàn thể của câu chuyện thiêng liêng của vị thánh. Tuy nhiên, đối với chúng ta, có thể nói xem ta nên hiểu bản chất siêu nhiên của sự thông giao này như một phản ánh (suy tư) có tính đặc sủng về hành vi tạ ơn trong tâm hồn của kẻ được gọi, hay như một thị kiến thật sự 'kỳ diệu' theo nghĩa chuyên môn, dường như thật khó khăn, dù ít quan trọng hơn. Thực vậy, ta phải nói rằng ý nghĩa "tôn giáo" của nó không lệ thuộc chính vào điều này.

Cuối cùng, nêu bật rằng *chính vì sự soi sáng đến từ Thiên Chúa, nên đơn giản nó không có những nét của một sự khả tri tức thời vốn sẽ xá miễn Don Bosco khỏi những khó khăn khi phân*

định ơn gọi và khỏi phải qui chiếu đến sự trung gian giáo hội, quả thật quan trọng hơn. Cốt yếu, nội dung của giấc mơ đó không trình bày cậu thiếu niên từ Becchi với tương lai theo cách thức là thấy trước rõ ràng [mọi sự] nhưng qua *một khích lệ (injunction) trong hiện tại*. Cậu nghe nói điều cậu phải làm trong hiện tại để tương lai đó trở thành khả thể, như một tặng phẩm không xá miễn cậu khỏi cam kết, nhưng đúng hơn áp đặt nó, và rất đòi hỏi. Điều này cũng xác quyết rằng giấc mơ đó không phải là một tiếng vang rỗng tuếch trong đó cậu chỉ lắng nghe cái vô thức của mình nhưng là một kinh nghiệm tôn giáo thực sự mà trong đó cậu lắng nghe một sứ điệp từ Thiên Chúa.

Một hành vi của ý thức giống như giấc mơ của Don Bosco khi là một thiếu niên mà cùng lúc cũng là lời tiên tri của Thiên Chúa, được cho (rendered) trong một hình thức của một sự thủ tâm (recollection), một câu chuyện trong đó lời ngôn sứ đã được đọc dưới diện sự hoàn thành liên tục: tóm lại, đây là giấc mơ mà bây giờ chúng ta sắp vạch lại và chúng ta sẽ cố gắng giải thích sứ điệp của nó.

3. Đọc giấc mơ theo thần học

3.1. Cấu trúc trình thuật và chuyển động giấc mơ

Dựa trên những tiền đề thông diễn học được khai triển cho đến giờ, chúng ta nay có thể tiếp cận bản văn của giấc mơ lúc chín tuổi, mà chúng ta lưu giữ theo ấn bản có phê bình của Antonio da Silva Ferreira và chúng ta sẽ chỉ tách khỏi ở hai thay đổi nhỏ.⁵⁶ Chúng ta chia câu chuyện thành những đoạn; để thuận tiện, chúng

⁵⁶ Bản văn có tính phê bình thì ở trong MO-it 34-37. Hai biểndổi được chỉ ra bởi Aldo Giraudo trong G. Bosco, *Memorie dell'oratorio di S. Francesco di Sales dal 1815 al 1855* (LAS, Roma 2011) 62ff., ghi chú 18: “presemi”, ở đó Da Silva đọc là “presomi”; và ghi chú 19: thêm vào “ed ogni cosa disparve”, một cách ngẫu nhiên bị Da Silva bỏ đi.

ta ghi kèm chúng với một chữ viết tắt đặt trong ngoặc vuông [ghi chú của dịch giả: bản phiên dịch Anh ngữ từ New Rochelle 2010]

[C1] Chính vào tuổi đó cha có một giấc mơ. Nó đọng lại trên tâm trí cha một ấn tượng sâu xa suốt đời.

[I] Trong giấc mơ này dường như cha ở gần nhà cha trong một sân khá rộng. Một đám trẻ rất đông đang chơi ở đó. Đứa thì cười, số khác chơi trò chơi, chúng vắng tục chửi thề. Khi nghe những lời xấu xa đó, cha tức khặc lao vào giữa chúng, cố bắt ép chúng cảm miêng ngay bằng cách la hét và dùng nắm đấm của mình.

[II] Đúng lúc đó, một người đàn ông quý phái xuất hiện, ăn mặc sang trọng. Ông mặc một chiếc áo khoác trắng, dung nhan ông rực sáng đến nỗi cha không thể nhìn thẳng mặt ông. Ông gọi đích danh cha, bảo cha chịu trách nhiệm coi sóc những đứa trẻ này, và ông nói thêm: "Con sẽ phải chiếm được những người bạn này của con không phải bằng những cú đánh nhưng bằng sự dịu dàng và tình yêu. Con hãy bắt đầu dạy ngay cho chúng tội lỗi thật xấu xa còn nhân đức thật giá trị." Bối rối và hãi sợ, cha trả lời cha chỉ là một đứa trẻ nghèo và dốt nát. Cha không thể dạy giáo lý cho các thiếu niên đó. Lúc đó, các trẻ đó ngừng đánh nhau, la hét và chửi thề; chúng qui tụ quanh người quý phái đang nói.

[III] Không biết mình nói gì, cha hỏi: "Ông là ai mà lại lệnh cho con làm điều không thể được?"

Chính vì như không thể được đối với con mà con phải làm cho nó thành có thể được bằng vàng phục và chiếm được hiểu biết.

Ở đâu, bằng cách nào con có thể đạt được hiểu biết?

Ta sẽ cho con một bà giáo. Nhờ bà hướng dẫn con có thể trở nên khôn ngoan. Không có bà, mọi khôn ngoan là sự ngu dại.

Nhưng ông là ai mà lại nói thế

Ta là con của người đàn bà mà mẹ con dạy con phải chào một ngày ba lần.

Mẹ của con cũng bảo con không được giao du với những người mà con không biết trừ phi được bà cho phép. Vậy xin ông cho con biết tên ông.

Tên Ta à, con hãy hỏi mẹ Ta.

[IV] Lúc đó, cha thấy một bà dáng vẻ cao sang đứng bên cạnh ông. Bà mặc một áo choàng óng ánh như thể được đính bằng các vì sao sáng. Khi thấy qua các câu cha hỏi và trả lời cha thật bối rối, bà ra hiệu cho cha đến gần bà. Bà dịu dàng cầm tay cha và nói: “con hãy nhìn xem này”. Nhìn quanh cha thấy các thiếu niên đã biến mất. Thay vào đó là vô số thú vật, nào dê, chó, mèo, gấu và những con vật khác.

Đây là cánh đồng con làm việc. Con hãy nên khiêm nhường, mạnh mẽ và nhiệt tâm. Và điều gì con sẽ thấy xảy ra cho những con vật này trong chốc lát là điều con phải làm cho các trẻ của ta.”

Cha nhìn quanh lần nữa và ở nơi trước kia cha thấy toàn thú hoang, nay là những con chiên hiền lành. Chúng nhảy tung tăng và kêu be be như thể chào đón người đàn ông uy nghiêm và người đàn bà quý phái.

Vào lúc này, vẫn còn mơ, cha bắt đầu khóc. Cha xin bà giải thích để cha có thể hiểu, bởi vì cha không biết tất cả điều có nghĩa gì cả. Đoạn bà đặt tay lên đầu cha và bảo: “vào đúng lúc, con sẽ hiểu mọi sự.”

[C2] Đến đó, một tiếng động làm cha choàng tỉnh và mọi sự biến mất. Cha hoàn toàn hoang mang. Tay cha như thể đau vì đâm đá túi bụi, mặt cha cũng sưng lên vì bị chúng đâm đá. Ký ức về người đàn ông và người phụ nữ, cùng những điều cha nói và nghe, chiếm trọn tâm trí cha đến nỗi cha không thể nào ngủ lại được nữa.

Đến sáng cha đã kể ngay giấc mơ đó cho mọi người. Trước tiên, cha kể cho các anh của mình. Họ cười nhạo điều ấy. Rồi cha kể cho mẹ cha và bà nội. Mỗi người giải thích một kiểu. Anh Giuse nói: “em sẽ trở thành kẻ chặn dê, chiên cừu và những thú vật khác.” Mẹ cha bình luận: “Ai mà biết, con có thể trở nên một linh mục”. Riêng Antô cay độc: “có lẽ mày trở thành tướng cướp.” Nhưng bà nội, dù không

thể đọc hay viết, lại hay biết thần học tốt đẹp và phán quyết chung cục: “chú tâm đến mệnh mị làm gì.”

Cha đồng ý với bà nội. Tuy nhiên, cha không thể bỏ giấc mơ đó khỏi tâm trí cha. Những điều mà cha sẽ phải kể sau đây sẽ trao ban một ý nghĩa nào đó cho những điều này. Cha giữ im lặng về những điều này, và những người thân của cha chẳng chú ý đến chúng. Nhưng khi cha đến Roma năm 1858 để nói cho Đức Giáo hoàng về Tu hội Salêdiêng, ngài yêu cầu cha kể cho ngài mọi sự vốn đã có thậm chí sự gợi ý nào về siêu nhiên. Chỉ lúc đó, lần đầu tiên, cha kể mọi sự về giấc mơ này mà cha đã có lúc 9 tuổi hay 10 tuổi. Đức Giáo hoàng ra lệnh cho cha viết ra giấc mơ đó trong tất cả các chi tiết và để nó lại như một lời khích lệ cho con cái của tu hội mà lý do cha thăm viếng Roma chính là để thành lập nó.

3.1.1. Các nhân vật và cấu trúc

Câu chuyện giấc mơ trình bày một sự khai triển vốn đi theo cấu trúc thuật trình rất đơn giản, dù không thiếu tính phức tạp nào đó. Nền tảng, chúng được dựa trên lược đồ ba phần (tripartite) vốn cung cấp bài trình bày về người hành động, hành động và phản ứng thỉnh thoảng. Không thể loại bỏ một cấu tố văn chương là sự hoàn thành cốt truyện, cách riêng trong những đối thoại, mọi tinh hoa nhân loại trong sự kiến tạo (xây dựng) cốt truyện đều vắng bóng ở đây, điều ấy quả thật hoàn toàn rõ ràng. Cả trên bình diện phân tích, điều này xác quyết tính khả tín (plausibility) của sự giao tiếp cốt yếu với kinh nghiệm giấc mơ của một đứa trẻ.

Mặc dù ta hiển nhiên tìm thấy những yếu tố nền tảng của linh đạo Salêdiêng trong tường thuật này, thì hơn thế, ta có thể nhận ra một số từ ngữ vốn sẽ trở thành “chuyên môn” trong việc giải thích sứ mệnh của Don Bosco, như “lòng mến thương”, “hộ trợ”, “giáo dục”, “các linh hồn”, “ơn cứu độ”, v.v đều vắng bóng. Những ý tưởng tương đương với chúng được diễn đạt qua ngôn ngữ mà một đứa trẻ miền quê có thể đến gần được là: “lãnh trách nhiệm”, “chiếm được các bạn của con”, “cánh đồng” trong đó phải

“làm việc”, làm cho con “khiêm nhường, mạnh mẽ, nhiệt tình”, “dạy... tội lỗi và nhân đức.”

Vai chính của giấc mơ này rõ ràng là chính người mơ, những nơi chốn thật thân quen với cậu, đầy dân chúng với sự hiện diện vui tươi và lễ hội trẻ trung, nhưng cũng sẵn sàng bị sự xấu làm hư hoại (đánh nhau, chửi thề). Những nhân vật khác cách nào đó đều được cậu biết đến. Tách khỏi đám trẻ, không ai trong họ được nhận diện, và mẹ ngài, mà sự hiện diện của bà được gọi lên nhưng không tích cực trong giấc mơ, hai người đối thoại của người mơ là người đàn ông quý phái và người nữ có dáng vẻ cao sang, rõ ràng có thể đồng nhất với Đức Giêsu và Mẹ Maria. Những nét của người đàn ông là *età virile* [không được dịch sang tiếng anh là “manly age” “đứng tuổi”, nhưng được hàm ẩn “dignified”/quý phái.], ăn mặc quý phái, được biệt hoá bằng chi tiết là áo choàng trắng mà “*gli copriva tutta la persona*” [lần nữa, không được dịch từng chữ như “vây bọc cả người”, nhưng được hàm ý bởi hạn từ “áo choàng”], khuôn mặt chói sáng đến nỗi “cha không thể nhìn thẳng vào ông”: tất cả những chi tiết ấy dường như qui chiếu đến hình ảnh trong Phúc âm về sự biến hình của Chúa. Hành động của ngài được ghi dấu bằng quyền bính (“ngài bảo cha”), nhưng cũng bởi sự gần gũi đối với Gioan (“ngài gọi cha đích danh”), và chúng tạo nên một hiệu quả gây ra an bình trên những đứa trẻ qui tụ quanh người đang nói. Còn người Nữ có dáng vẻ cao sáng được giới thiệu là người mẹ của người đàn ông quý phái kia; bà cũng có một áo choàng dường như được đính bằng những vì sao sáng và là bà giáo từ đó ta học được sự khôn ngoan chân thật. Yếu tố trực tiếp nhất chỉ tới căn tính của bà, rõ ràng tỏ lộ bà là Đức Maria, đó chính là việc qui chiếu tới thói quen hằng ngày của cậu thiếu niên; cậu đã học thuộc *kinh Truyền tin* từ bà mẹ của mình, và cậu dùng kinh ấy để chào Đức Nữ Trinh ba lần một ngày.

Ghi nhận trong giấc mơ không qui chiếu đến người cha quả thật thú vị; điều ấy rõ ràng tương ứng với hoàn cảnh của Gioan,

mồ côi cha lúc hai tuổi, như ngài cho ta biết. Có lẽ điều này cũng chuyển thành việc không nói đến Chúa Cha trên trời, vì không gian của Đấng Siêu việt hoàn toàn được Đức Giêsu và Maria thống lĩnh. Dường như đây cũng là một nét trong kinh nghiệm tôn giáo của thiếu niên Gioan không trải qua bất kỳ sự hoàn thành thần học nào vào lúc viết. Có lẽ vắng bóng sự hiện diện rõ ràng của người cha hiền có thể đề xướng một sự khởi hứng nào đó để suy tư về sự kết nối của nó với sứ mệnh mà Gioan nhận được trong giấc mơ đó: thực thể, mạnh mẽ và nhiệt huyết làm việc vì sự thiện của con cái, đây là điều riêng của người cha. Thực thể, tư cách là cha chính là nét đặc trưng hiển nhiên nhất mà Don Bosco sẽ nhập thể vì muôn vàn thanh thiếu niên. Tuy nhiên, chúng ta treo diễn từ này lại, theo như giấc mơ đã làm, khi giới hạn chúng ta vào việc đề xướng rằng sự vắng bóng người cha có lẽ chính là không gian biểu tượng mà Giáo Hội phải làm đầy một cách hữu vị.

Trình thuật được trình bày với một cấu trúc mà ta có thể chia thành những phần sau:

- [C1] Khung nguyên thủy
- [I] Thị kiến về những đứa trẻ và sự can thiệp của Gioan
- [II] Người quý phái xuất hiện
- [III] Đối thoại về căn tính của nhân vật
- [IV] Người phụ nữ cao sang xuất hiện
- [C2] Đóng khung

Lúc này, bỏ sang một bên cái khung ban đầu (rất ngắn) và cuối cùng (rộng hơn), chúng ta chú ý đến nội dung của kinh nghiệm giấc mơ. Sự phân chia thành bốn phần tương ứng với hệ quả/tiếp diễn rõ ràng của các quang cảnh.

Phần thứ nhất [I] trình bày thị kiến khởi sự, với một tình trạng thách đố mà Gioan lập tức và hấp tấp đáp trả. Khung thứ hai [II] giới thiệu “cái vặn xoay” (twist) là người quý phái xuất hiện làm gián đoạn sáng kiến của Gioan và hướng nó đi theo một hướng khác, qua một mệnh lệnh và lời dạy vốn khiến cậu bối rối

và sợ hãi. Cảnh đó có thể được tiếp tục, bao gồm phần đối thoại với nhân vật đó, nhưng bài miêu tả về những đứa trẻ ngừng đánh nhau và qui tụ quanh người đang nói, theo chúng tôi, mang đến một sự ngừng nghỉ trong thuật trình và mở ra một tính duy nhất mới. Phần ba [III] khác biệt với những phần khác bởi vì nó không chứa đựng những hành động; nó chỉ có một cuộc đối thoại nhanh gọn được tạo nên bởi bốn câu hỏi tạo áp lực và những câu trả lời chúng. Ở trung tâm của cuộc đối thoại là câu hỏi về căn tính của nhân vật, nhưng những câu trả lời dần dần chuyển chú ý sang sự hiện diện của bà mẹ của ngài. Phần cuối cùng của giấc mơ [IV] trình bày sự xuất hiện của nhân vật thứ hai, người phụ nữ cao sang; qua bà, các nỗi nghi ngờ của Gioan được trả lời. Nó cũng chỉ tới một trách vụ phải được thực thi; nó đề ra sự chuẩn bị; nhưng diễn từ của nó được đan xen với một quang cảnh vốn là một “thị kiến trong thị kiến”; nó rõ ràng được dẫn nhập bởi một mệnh lệnh: “con nhìn này”. Những lời và thị kiến diễn đạt một sứ điệp mang tính giải thích (explanatory) nhưng thực sự kết luận của nó lại được ghi dấu bởi người mơ càng thêm bối rối và qui chiếu tới những điều được hiểu trong tương lai.

3.1.2. Thế căng thẳng trong trình thuật

Khi đảm nhận từng đơn vị cách chi tiết hơn để mang tới sự căng thẳng của trình thuật xuyên qua chúng, ta có thể nói rằng trong phần một [I] nhận biết vị trí không gian của giấc mơ là một sân rất rộng gần nhà quả là có thể được. Từ đầu, sự gần gũi và rộng mở mang tính gia đình của chân trời phẩm chất hoá môi trường của trí tưởng mà trong đó thế giới sống (*Lebenswelt*) của người mơ tỏ lộ. Khung cảnh thật náo động ồn ào với đám trẻ đang chơi. Tuy nhiên, yếu tố lộn xộn lập tức chiếm hữu vì chúng vắng tục chửi thề. Thái độ được người mơ nhìn nhận là không thể chấp nhận và rất thách đố; và cậu can thiệp bằng hành động dứt khoát và bạo lực; trong đó nhận ra tính cách hung hăng tự nhiên của

đưa trẻ miền Becchi quả là không khó chút nào.⁵⁷ Vì vậy, giai thoại đầu tiên có thể được phân một cách lược đồ thành ba thời khắc: (1) nơi chốn không gian của người mơ, (2) thái độ tiêu cực của nhóm trẻ em, (3) phản ứng tự phát của Gioan.

Có một song luận hiển nhiên về cấu trúc giữa phần II và IV. Thực thể, trong cả hai, có một yếu tố ba phần rõ ràng: sự xuất hiện của nhân vật, mệnh lệnh/chỉ thị (được trình bày trong hình thức ba phần), phản ứng trước những lời của nhân vật. Trong trường hợp của người đàn ông sang trọng, bản văn có thể được sắp xếp như sau:

[1] Người đàn ông sang trọng xuất hiện và những nét đặc trưng của ngài.

[2] Ông ra lệnh/chỉ thị

a. Đảm trách những đứa trẻ (câu nói gián tiếp)

b. Không phải bằng những cú đánh

c. Bắt đầu ngay...

[3] Phản ứng của Gioan và phản ứng của trẻ.

Trong trường hợp của người phụ nữ cao sang:

[1] Thị kiến về người phụ nữ và những nét đặc trưng

⁵⁷ Về dự thế vội vàng và nóng nảy của tính cách nơi DB, chúng ta có những chứng từ quan trọng này của những người đã biết ngài rất thân: “Do chính ngài thú nhận, mà tôi đã nghe, ngài tự nhiên rất nóng nảy và ngạo mạn và không thể chịu bị chống đối, nhưng với nhiều hành vi ngài có thể kìm giữ mình nhiều đến nỗi trở thành một con người an bình và hiền lành và làm chỉ chính mình đến nỗi đường ngài không bao giờ làm bất kỳ điều gì như thế” (Marchisio, in *Copia Publica Transumpti Processus Ordinaria*, 629r). Cha Cagliero và Rua cũng phán đoán tương tự: “Do ngài thú nhận, ngài tự nhiên rất nóng nảy và kiêu ngạo, vì thế ngài không thể chịu bị chống đối, và ngài cảm thấy một đấu tranh nội tâm không diễn đạt được khi ngài phải xin ai giúp đỡ” (Cagliero, *ibid.*, 1166r); “Ngài thật nóng nảy, như tôi, và nhiều người khác ở với tôi, có thể thấy; bởi vì trong nhiều trường hợp chúng tôi ý thức ngài phải cố gắng biết bao để đè nén giận dữ bởi vì những thất bại/chậm trễ xảy ra cho ngài. Và nếu điều này xảy ra trong lúc tuổi ngài đã cao, thì có chỗ để tin rằng tính chất tuổi trẻ của ngài còn mạnh mẽ hơn nhiều” (Rua, *ibid.* 2621 r-v).

[2] Bà ra lệnh (chỉ thị) với một quang cảnh biểu tượng

- Thị kiến về những thú hoang
 - a. Đây là cánh đồng của con
 - b. Hãy làm cho con nên khiêm nhường, mạnh mẽ và nhiệt huyết
 - c. Con thấy gì ... con sẽ phải làm
- Các thú dữ đổi thành chiên hiền lành

[3] Phản ứng của Gioan và người Nữ đảm bảo rằng tương lai sẽ hiểu hết.

Thứ song luận về cấu trúc và lược đồ thì rõ ràng: hai nhân vật được trình bày với những nét đặc trưng tương tự vốn nổi kết tính siêu việt (áo quần cao sang và ánh ngời sáng của nhân vật) và sự gần gũi (Người đàn ông gọi đích danh cậu, Bà mời cậu đến gần, cầm lấy tay cậu, đặt tay trên đầu cậu); trong cả hai trường hợp đều có sự chỉ định bó buộc: (“Hãy bắt đầu ngay”, [đây là] điều con phải làm”) về một sứ mệnh giới trẻ và lời dạy phải theo phương pháp dịu hiền và tử tế. Thậm chí trong cả hai cảnh, cuộc gặp gỡ đều kết thúc như nhau: Gioan bị tách ra, bối rối và mất tinh thần (dismayed), đang khi những người thừa hưởng sứ mệnh của cậu đã có một sự biến đổi an bình (trong cảnh một các trẻ ngừng đánh nhau và qui tụ quanh người đàn ông quý phái, còn trong cảnh hai, những thú dữ biến thành chiên hiền lành đang tung tăng và kêu vang quanh người đàn ông và người phụ nữ). Tuy nhiên, mặc dù sự song đối của những yếu tố từ quan điểm chức năng và năng động, hai thời khắc đó không đơn giản là sự lặp lại. Thực tế, thời khắc thứ hai xem ra là sự bắt đầu lại (resumption) của thời khắc thứ nhất vốn *mãnh liệt hoá tính năng động và đối chọi, gia tăng ánh sáng, nhưng một cách nghịch lý cũng thêm đen tối và lộn xộn*. Vì vậy, với sự biện chứng này, hai giai thoại giữ cho sự căng thẳng của chuyển động giấc mơ sinh động.

Theo một cách hoàn toàn hợp với tâm lý của đứa trẻ, vốn tự phát quay sang mẹ mình để tìm giải thích, *chức năng của cảnh thứ hai là cố gắng minh định về cảnh thứ nhất*. Người mẹ của người đàn ông sang trọng xuất hiện như *một người trung gian để hiểu sự điệp mà bà đã hiểu nó cách thích đáng*. Tuy nhiên, đang khi bà giải thích nội dung qua các hình ảnh (thị kiến về những thú vật), như những bà mẹ thường làm với con cái mình, bà *cũng giữ lấy chiều kích màu nhiệm* vốn vây quanh nó. Tên của nhân vật, mà Gioan muốn biết từ người phụ nữ vẫn còn chưa được biết, đang khi trách vụ được ký thác cho cậu chỉ mới rõ ràng một phần thôi. Điều thoạt đầu xem ra là một chỉ thị luân lý phải được thực hiện “ngay” trên nhóm thiếu niên, sau này xem ra là sứ mệnh tương lai lâu dài, một cánh đồng phải được làm việc cần mẫn, thực hiện một công việc được minh hoạ một cách bí ẩn: “Con *phải làm* cho con cái của ta điều mà con thấy *xảy ra* cho các thú vật này trong chốc lát.” Trách vụ được giao phó là mang đến một sự biến đổi (*metamorphosis*) (thiên sinh) mà chắc chắn xem chừng là không thể được trên bình diện nhân loại. Chẳng có gì ngạc nhiên cả: một đứa trẻ chín tuổi không hiểu gì: *thế căng thẳng giữa sự rõ ràng và tâm tối* của cảnh thứ nhất (phần II) *được triệt để hoá* trong cảnh thứ hai (phần IV), dẫn tới những hệ quả cực độ.

Sự gia tăng trong căng thẳng giữa những lần hiện ra thứ nhất và thứ hai được hoàn thành qua cuộc đối thoại căng thẳng của phần III, với bốn câu hỏi/yêu cầu thúc bách: “ông là ai”; “Ở đâu, và bằng cách nào...?” “Ông là ai...?” “Xin nói cho con tên của ông.” Rõ ràng, câu hỏi trung tâm liên quan đến *căn tính của nhân vật* vốn đưa ra “cú xoay vận định mệnh” trong giấc mơ đó, đòi hỏi người mơ phải thay đổi cách hành động của mình. Theo cách này, chủ đề sứ mệnh mà cậu Gioan sẽ phải thực hiện (cốt yếu cho phần II và IV) kết nối bất khả phân với câu hỏi về người khởi sự (instigator) vốn chỉ định sứ mệnh đó cho cậu. Nhưng cùng với câu hỏi về người khởi đầu, cũng có câu hỏi về tính khả thi (feasibility) của trách vụ đó, vốn dường như hoàn toàn bất tương xứng với

những nguồn năng lực của người mơ. *Một sự căng thẳng giữa tính khả thể và tính bất khả thể* của sự nghiệp đó được thêm vào cái biện chứng giữa sự sáng tỏ và tăm tối của sứ mệnh mà trên kia ta đã nhắc đến; những dòng đầu tiên của cuộc đối thoại hiển nhiên lộ rõ thể căng thẳng ấy: “Ông là ai mà lại ra lệnh cho con làm điều không thể?” “Chính vì xem ra đối với con là không thể được mà con phải làm cho nó thành khả thể qua sự vâng lời và chiếm được hiểu biết.”

Đàng khác, những câu trả lời cho phần III này dần dần chuyển chú ý tới câu hỏi về người mẹ, vốn sẽ xuất hiện trong phần IV, với việc nhân đôi các nhân vật quan trọng. Thực thế, có hai bà mẹ được nói đến: người mẹ của người đàn ông quý phái và người mẹ của Gioan. Người sau đã là một bà giáo khả tín đối với cậu; cậu nại tới chính lời mẹ mình dạy để biện chính cho yêu cầu của mình: “Mẹ cháu bảo cháu không được giao du với những người mà cháu không biết trừ phi được bà cho phép. Vậy xin cho cháu biết tên ông?” Người đàn ông quý phái cho thấy rằng ông biết và phê chuẩn lời dạy của bà mẹ ấy vì ông cũng nại tới bà: “Ta là con của người phụ nữ mà mẹ con dạy con phải chào ba lần một ngày.” Nhưng đây là bà mẹ khác, người đàn ông nói, “Mẹ của Ta” mà tại trường của Bà, Gioan phải đặt mình để học sự khôn ngoan vốn làm cho những điều không thể thành có thể.

Vì vậy, phần III này, nếu một đàng nó dường như một sự chuyển tiếp giữa hai cuộc xuất hiện, thì đàng khác nó đưa vào những yếu tố chủ đề một chiều sâu lớn: người mơ sẽ tìm thấy chìa khoá để đến gần căn tính của người đàn ông quý phái và đạt được sự khôn ngoan vốn làm cho điều không thể thành có thể từ người Mẹ/Bà giáo huyền nhiệm, mà mẹ/bà giáo của cậu đã làm cho cậu biết đến Bà. Sự ghép nối (concatenation) cho thấy làm thế nào *sự căng thẳng giữa một “thặng dư của những kẻ không biết” và tính “quen thuộc (familiarity) của những người đã được ban cho” là cung điệu thuật trình của giấc mơ*, hình thức trong đó cái *novum*

siêu việt đi vào *Lebenswelt* (thế giới sống) của người mơ để thay đổi nó từ những nền tảng.

Vậy, tóm tắt cấu trúc thuật trình vốn trời hiện từ sự phân tích, chúng ta có thể đạt tới lược đồ này:

[I] *tình trạng ban đầu*

1. nơi chốn không gian của giấc mơ
2. thái độ sai lạc của những đứa trẻ
3. phản ứng tự phát của Gioan

[II] *phần liên quan đến người đàn ông sang trọng*

1. Người quý phái xuất hiện và những đặc trưng của ông
2. Mệnh lệnh/ba chỉ thị của ông
 - a. đảm trách những đứa trẻ (câu nói gián tiếp)
 - b. không phải bằng bạo lực...
 - c. bắt đầu ngay...

[III] *Cuộc đối thoại ở giữa*

“Ông là ai...?”

“Ở đâu, bằng cách nào...?”

“Ông là ai...?”

“Xin cho con biết tên của ông đi.”

[IV] *Phần về người phụ nữ có dáng vẻ cao sang*

1. Thị kiến về người phụ nữ và những đặc trưng của bà
2. Mệnh lệnh của bà/ba lời dạy bện vào nhau với quang cảnh biểu tượng:
 - Thị kiến về những thú dữ
 - a. Đây là cánh đồng của con
 - b. Hãy làm cho con nên khiêm nhường, mạnh mẽ và nhiệt huyết

c. Điều con thấy... con phải làm

- Những thú dữ biến thành chiên hiền lành

3. Phản ứng của Gioan và người nữ đảm bảo rằng sau này cậu sẽ hiểu

3.1.3. Chuyển động có ý hướng

Sự phân tích cấu trúc của bản văn và xem xét sự căng thẳng trình thuật vốn chạy xuyên suốt qua câu chuyện nay cho phép chúng ta nắm bắt “vận hành hướng tới”, “cái hướng đi”, “chuyển động có ý hướng” vốn đặc trưng hoá kinh nghiệm giấc mơ đó. Chúng ta đã thấy rằng quang cảnh đó xảy ra trong một môi trường gia đình nhưng từ ban đầu thì rất mở và nhiều người hiện diện (trẻ em đang chơi). Sự tri nhận về một yếu tố là sự xáo trộn (chửi thề) kéo theo Gioan can thiệp một cách dữ tợn bởi vì cậu muốn đàn áp thái độ (hành xử) tiêu cực này. Vì vậy, đây là một “chuyển động hướng tới” đầu tiên vốn diễn đạt một khuynh hướng tự nhiên tới sự can thiệp tích cực, để lấy trách nhiệm và có lẽ một khuynh hướng lôi kéo công chúng chú ý, tất cả điều ấy hoàn toàn tương ứng với những dữ liệu ta biết về tính khí tự nhiên của người mơ.

Tuy nhiên, đang khi cử chỉ này nắn hình tất cả sức thúc bách của nó được tạo nên bằng cùi chỏ và la to (“cha lập tức nhảy vào giữa chúng... lúc đó), thì xảy đến một sự kiện gây ngạc nhiên *vốn đòi phải thay đổi dứt khoát “chuyển động” có ý hướng và chuyển sang một “hướng” mới*. Hai yếu tố phải thay đổi. Trước tiên, mục tiêu phải là “chiến thắng” những người bạn bằng cách trở nên vị lãnh đạo của chúng, chứ không chỉ đàn áp sự dữ; thứ hai, phương pháp: “không phải bằng đấm đá, nhưng bằng sự hiền dịu và tình yêu.” Ta có thể coi mọi sự khai triển nữa trong giấc mơ là sự minh định và đào sâu sự thay đổi hướng đi này, những kỳ vọng (prospect) tương lai và những nhu cầu hiện tại của nó.

Tuy nhiên, khi đối diện với sự thay đổi chuyển động có ý hướng này được đòi hỏi “từ bên ngoài”, thì lập tức trời hiện lên một sự chống cưỡng “từ bên trong” người mơ. Nó lộ ra dưới hình thức của những vấn nạn vốn dựa trên hai yếu tố: sự không thích đáng (“đứa trẻ nghèo và dốt nát, không thể nói về đạo giáo”) và khó khăn trong hiểu biết (“Cha không biết tất cả điều này có nghĩa gì”). Chống đối thứ nhất được trả lời bằng việc chỉ tới phương thế vốn làm cho điều không thể nên có thể: vâng phục và tri thức/khôn ngoan. Chống đối thứ hai được trả lời với một qui chiếu tới tương lai: điều không rõ bây giờ sẽ sáng sửa đúng lúc. Ta không thể dấu kín *cái nghịch lý* được chứa đựng trong những câu trả lời này, vì tận yếu tính chúng xác quyết rằng điều thật sự đòi hỏi (!) sẽ trở nên hoàn toàn rõ ràng chỉ bằng cách vâng phục mệnh lệnh đó mà thôi. Tuy nhiên, có một sự đảm bảo có sức mạnh/tính khả thể, được đảm bảo từ trên cao; nó bù lại tính không thích đáng/tính bất khả thể được người kể chuyện tri nhận và một ánh sáng hiện tại và tương lai được ban tặng làm cho mức độ tâm tối có thể chịu được (sustainable). Mặc dù chuyển động mới – hay nói rõ theo hạn từ Kitô hữu: sứ mệnh mới - có thể dường như là cực kỳ khó khăn và tăm tối, vì thế nó phải được thực hiện. Đây là đặc tính của *mệnh lệnh* mà giấc mơ mang với nó.

Mệnh lệnh đến từ hai nhân vật huyền bí. Người đàn ông quý phái thật sự là cội nguồn và là sự qui chiếu dứt khoát: ngài không chỉ can thiệp trước tiên và cực kỳ mạnh mẽ, nhưng sự phản kháng tiếp sau đối với thị kiến về các thú vật một lần nữa lại nói đến ngài (“Cha xin Người Nữ lên tiếng để cha có thể hiểu”). Người nữ với dáng vẻ quý phái, được ký thác cho Gioan như là bà giáo vững chắc và có thẩm quyền, thực sự tùy thuộc vào người Con, vì rất cục bà không làm gì hơn là trung gian ý muốn của ngài. Từ quan điểm thần học, việc bà có thể dạy điều dường như là không thể được và tăm tối với con người (Lc 1:37) thì hoàn toàn đúng.

Ấn tượng của mệnh lệnh đó trên ý thức của người mơ được miêu tả trong khung cuối cùng của giấc mơ. *Hồi ký* thuật rằng

Gioan thức dậy và mọi sự biến mất. Thị kiến giấc mơ kết thúc, nhưng không phải hiệu quả của nó, in đậm không chỉ trong tâm trí mà cả trên thể xác nữa:

cha hoàn toàn bối rối. Tay cha ê ẩm do những cú đấm, còn mặt cha đau vì những cú đấm cha nhận được. Ký ức về người đàn ông và người nữ, và những điều cha xem thấy và nghe được, chiếm trọn tâm trí đến nỗi tối đó cha không thể ngủ lại được nữa.

Điều này hoàn toàn hợp lý, vì trung tâm thần kinh của bộ não suốt giấc ngủ thực sự gửi những dấu hiệu tới những cơ quan của thân xác, theo một cách thức đến nỗi bố trí chúng tới hành động. Giống như một giấc mơ có thể làm cho bạn la to, thì cũng vậy, nếu kinh nghiệm thật lôi cuốn, nó có thể làm cho tay và mặt bạn đau nhức. Thực thể, không có gì như thân xác, xét như một chứng từ khả tín về cái va chạm (impact) – thể lý và tâm thần – của cái thực, bởi vì nó không chỉ là đám cơ năng, nhưng là “thân xác/xác thật” vốn giao động và rung động. Trong trường hợp này, chứng từ của thân xác thì đặc biệt mạnh mẽ, ngang bằng với tính mãnh liệt của sự thúc đẩy nó cho thấy: một sự thúc đẩy sẽ đạt tới hướng dẫn toàn đời sống; thực vậy, nó sẽ đạt tới hướng dẫn nhiều người.

Sau khi thức dậy khá lâu rồi, vì lẽ tối đó cậu chẳng thể ngủ lại, Gioan “không phí giờ” khi kể cho anh em cậu về giấc mơ đó. Họ cười nhạo, rồi cậu kể cho mẹ và bà nội như một ngày kia ngài sẽ kể cho những độc giả tương lai. Vậy, những giải thích mâu thuẫn nhau bắt đầu; Don Bosco không dấu điều đó: giải thích vui đùa (giữ chiền dê) và giải thích vô trách nhiệm (tướng cướp), giải thích hoài nghi (không chú ý vào mộng寐) và thiêng liêng (trở thành một linh mục). Người đến gần cốt lõi của kinh nghiệm ấy hơn cả chính là mẹ của cậu, đã được gọi lên trong kinh nghiệm giấc mơ. Người vốn sẽ cố gắng hiến cho giấc mơ cái bóng phủ thẩm quyền nó cần để trở thành một sứ điệp công cộng và một lời tiên tri có tính giáo hội là người mà sẽ đóng vai trò biểu tượng của người cha trong Giáo Hội, Đức Giáo hoàng.

Nhưng chúng ta đã bắt đầu làm một bài đọc đức tin, và vì lý do đó mở ra cho thấy rõ hơn, cần phải có một bối cảnh. Vì vậy, những hình ảnh và năng động của giấc mơ đó phải được liên hệ với điều mà trong đời sống Giáo Hội, tạo thành “qui điển” của ngôn ngữ đức tin, nghĩa là, những bản văn Kinh thánh.

3.2. *Bối cảnh Kinh thánh*

Giữa những bản văn Kinh thánh vốn phải được coi là một tiêu chuẩn thông điển cho kinh nghiệm thiêng liêng của giấc mơ lúc chín tuổi, hiển nhiên trước hết có những bản văn vốn qui chiếu tới tính khả thể rằng Thiên Chúa thông giao với con người qua sự trung gian của trí tưởng giấc mơ. Niềm thâm tín này được diễn đạt, mặc dầu với sự cẩn thận đúng đắn, rõ ràng trong cả giao ước thứ nhất và giao ước mới và có một loạt chứng thực trải rộng và được liên kết. Đối với giao ước thứ nhất gọi nhớ những giấc mơ là đủ: giấc mơ của Abraham (St 15,12tt), Giacop (St 28,10), Giuse (St 37,5-11; trong St 39-41 Giuse sau này xuất hiện như người giải thích các giấc của hai vị quan tước và của Pharaon), Gideon (Tl 6,25tt), Samuel (1 Sm 3,2tt), Nathan (2 Sm 7,14-17) và Salomon (1V 3). Sau cuộc lưu đầy, những thị kiến ban đêm của Dacaria (Dcr 1-6) và Danien (Dn 7) – trong Dn 2 Danien giải thích những giấc mơ của Nabuchodonoso – được miêu tả, đang khi ngôn sứ Gioen loan báo rằng giấc mơ và thị kiến sẽ đi kèm với thời của việc đổ tràn Thần khí: “Sau đó, Ta sẽ đổ thần khí Ta trên hết thủy người phạm. Con trai con gái các ngươi sẽ trở thành ngôn sứ, người già được báo mộng, thanh niên thấy thị kiến. Trong những ngày đó, Ta cũng sẽ đổ thần khí Ta trên tôi nam tở nữ” (Ge 3,1). Tầm quan trọng đặc biệt của sách này xuất hiện nếu chúng ta xem xét rằng nó được lấy từ sách *Công vụ* trong phần tả lại phép lạ Ngũ tuần (Cv 2,17-21), và ta thấy trong việc Đấng phục sinh tuôn đổ thần khí lời ngôn sứ Gioen được hoàn thành và những dấu chỉ vốn đi kèm nó khi đến thời các đặc sủng ngôn sứ trải rộng trong đó giữa dân Chúa. Giấc mơ đoán biết trước của Giuđa Maccabê, vốn tiên

báo cuộc chiến thắng trước trận chiến chống lại Nicano vẫn được kể vào giữa bản văn giao ước thứ nhất (2 Mcb 15,11tt).

Vì vậy, việc Thiên Chúa có thể nói cho con người qua giấc mơ hoàn toàn được chấp nhận trong Kinh thánh, mặc dù có những cảnh báo vốn khuyên chống lại việc tin tưởng vào những giấc mơ đối trá (Đnl 13,2-4) và mọi hình thức đồng bóng tuyệt đối bị cấm ngặt (Đnl 18,10).

Trong Tân ước, *Tin mừng Matthêu* trình bày ba lần Thiên Chúa thông giao cho Giuse trong một giấc mơ (Mt 1,20; 2,13; 2,20) và một cho các đạo sĩ (Mt 2,12); Mt tường trình rằng, trong cuộc khổ nạn của Đức Giê-su, vợ của Philatô gửi cho ông một ghi nhận nói rằng: “ông đừng liên quan gì đến người vô tội ấy, vì hôm nay tôi khổ nhiều bởi một giấc mơ về ông ấy.” (Mt 27,19). Trong *Công vụ*, những thị kiến ban đêm được tường trình bởi Ananias (Cv 9,10-12) và Phaolô (Cv 16,9; 18,9).⁵⁸

Vì vậy, thái độ Kinh thánh đối với giấc mơ thật phức tạp: thận trọng khôn ngoan, nhưng không ỨC đoán. Nó dành chỗ cho tính khả thể rằng những người của Thiên Chúa nhận được những mạc khải đặc biệt trong lúc ngủ, nhưng nó tuyệt đối loại đi rằng ta có thể yêu cầu hay kêu xin những thông giao như thế.

Sự loại suy hiển nhiên nhất mà có thể tìm thấy giữa một giai thoại Kinh thánh và giấc mơ của đứa trẻ ở Becchi có lẽ được tìm thấy trong ơn gọi ban đêm của Samuen, được miêu tả trong 1 Sm 3,1tt. Mặc dù bản văn linh hứng ấy không miêu tả một giấc mơ của Samuen, thì đoạn văn được đưa vào với một lời xác quyết

⁵⁸ Nếu, đáng khác, Gióp xác quyết rằng Thiên Chúa “Đang đêm, trong giấc mộng, xảy ra một thị kiến, khi một giấc ngủ mê ập xuống trên người phạm, lúc họ thiếp đi trên giường ngủ. Bấy giờ Người mở tai cho phạm nhân, làm cho họ sợ hãi vì những lời cảnh cáo, để kéo họ xa những việc đã làm giúp họ tránh được thói kiêu căng” (G 33,15-17); Đáng khác, các ngôn sứ cảnh báo: Các ngươi chớ để cho mình bị lầm lạc vì các ngôn sứ đang ở giữa các ngươi, cũng như vì các tay bói toán; đừng tin theo mộng mị các ngươi mơ thấy, bởi vì chúng chỉ nhân danh Ta mà tuyên sấm điều đối trá cho các ngươi. Ta chẳng hề sai chúng” (Gr 29,8-9; cf. Gr 27,9).

ràng vào những ngày đó, “thị kiến không rộng khắp”, vậy đề xướng rằng loại hiện tượng này thuộc về kinh nghiệm mà trẻ Samuen có trong đêm trường, khi chính mình nhiều lần nghe được gọi đích danh. Đàng khác, ý tưởng về một thị kiến ban đêm chân thật đang khi đưa trẻ ngủ được xác quyết bởi sự kiện là sáng hôm sau Samuen “sợ phải nói thị kiến đó cho Eli” (3,15). Đối với Samuen cũng thế, kinh nghiệm về một ơn gọi ban đêm trong lúc cậu ngủ được kéo dài trong những thị kiến khác. Vào cuối cảnh ơn gọi ban đêm, ta nói rằng “Chúa tiếp tục hiện ra tại Silô, vì Chúa mặc khải chính mình cho Samuen tại Silô nhờ lời của Đức Chúa.” (3,21)

Nobert Hofmann⁵⁹ nêu bật sự song đối mà ta có thể tìm thấy giữa giấc mơ chín tuổi và những thuật trình Kinh thánh về ơn gọi ngôn sứ. Giữa những trình thuật đó, giấc mơ của Giêrêmia có thể được dùng như một nguyên mẫu:

Có lời ĐỨC CHÚA phán với tôi rằng: “Trước khi cho ngươi thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết ngươi; trước khi ngươi lọt lòng mẹ, Ta đã thánh hoá ngươi, Ta đặt ngươi làm ngôn sứ cho chư dân.” Nhưng tôi thưa: “Ôi! Lạy ĐỨC CHÚA là Chúa Thượng, con đây còn quá trẻ, con không biết ăn nói!” ĐỨC CHÚA phán với tôi: “Đừng nói ngươi còn trẻ! Ta sai ngươi đi đâu, ngươi cứ đi; Ta truyền cho ngươi nói gì, ngươi cứ nói. Đừng sợ chúng, vì Ta ở với ngươi để giải thoát ngươi”, – sấm ngôn của ĐỨC CHÚA. Rồi ĐỨC CHÚA giơ tay chạm vào miệng tôi và phán: “Đây Ta đặt lời Ta vào miệng ngươi” (Gr 1,4-9).

Nội dung phác hoạ của câu chuyện về ơn gọi nằm dưới những câu văn này; nó cũng xảy ra trong những quang cảnh ơn gọi khác được Giao ước thứ nhất trình bày một danh sách bao gồm những yếu tố sau: miêu tả tình trạng của khởi hành và cuộc gặp gỡ với Đấng kêu gọi, sứ mệnh, kẻ được gọi chống lại, sự bảo đảm được trợ giúp, dấu chỉ. So sánh với lược đồ Kinh thánh của

⁵⁹ N. Hofmann, “Der Berufungstraum Don Boscos,” *Schriftenreihe zur Pflege salesianischer Spiritualität* 29 (1991) 1-48. Một ấn bản được giản lược bằng tiếng Ý có thể được tìm thấy trong: N. Hofmann, “Il sogno della vocazione di don Bosco,” trong *ABS, Bollettino di collegamento* n. 11, 43-65.

Giao ước thứ nhất, ơn gọi và cấu trúc của giấc mơ, Hofmann kết luận rằng giữa hai [lược đề], “xuất hiện một sự đồng qui rộng lớn không chỉ về tính chất mô thể, nhưng cả trong diện nội dung, mà ta cũng có thể chứng nghiệm thấy khi phân tích các chi tiết.”⁶⁰ Cách riêng, giữa những điểm tương tự ấy, những nét có ý nghĩa thần học rõ ràng hơn đáng được nêu bật, chẳng hạn nhân vật thần linh đột nhiên và đột xuất ngự đến và mang lại lời kêu gọi; tính chất xã hội của sứ mệnh, vốn không bao giờ chỉ liên quan đến vụ việc hữu vị của kẻ được gọi mà thôi, nhưng liên quan đến một dân tộc được trao cho ngài; người được gọi ý thức về sự bất xứng triệt để của mình bởi lẽ không hề có sự tỉ lệ giữa trách vụ rất vĩ đại với cá nhân thiếu nhiều khả năng. Trong trường hợp của Giêrêmia, sự song đối giữa những chống đối của vị ngôn sứ trẻ: “A, Chúa! Con không biết nói ra sao cả vì con chỉ là một thiếu niên” – và những chống đối của Gioan trong giấc mơ – “bối rối và sợ hãi, cha đáp rằng cha là một đứa trẻ nghèo và dốt nát, cha không thể nói cho những thiếu niên này về tôn giáo” – thì hoàn toàn hiển nhiên. Điều này không nhất thiết hàm ý rằng tác giả của *Hồi ký Nguyễn* xá ý thức sử dụng lược đề Kinh thánh, bởi vì bản tính chung của kinh nghiệm ơn gọi thì đủ để biện chính tính tương tự của bản văn. Dù sao chăng nữa, ta không nên ngạc nhiên rằng những câu chuyện Kinh thánh đóng một vai trò khởi hứng, ít là một cách tiềm ẩn, trong hành vi trình thuật của Don Bosco.

Về câu hỏi về sự thay đổi của “chuyển động có ý hướng” – từ một cử chỉ tự phát đàn áp điều xấu tới một hướng dẫn giải phóng hành động tới điều thiện – sự qui chiếu hiển nhiên nhất của Giao ước thứ nhất là câu chuyện của Môsê. Sách Xuất hành không nói về tuổi trẻ của vị lãnh đạo. Giai thoại duy nhất vốn đứng giữa việc Môsê sinh ra và khi ông đến tuổi khôn lớn là việc giết người Ai cập và cuộc trốn chạy của ông (Xh 2,11-15), được theo sau bởi trình thuật về hôn nhân với Zipporah, con gái của Reuel.

⁶⁰ N. Hofmann, “Il sogno...”, 53.

Bài ca đáng được tường trình, bởi vì nó có thể mang đến một vài nhận xét quan trọng:

Hồi đó, ông Mô-sê đã lớn, ông ra ngoài thăm anh em đồng bào và thấy những việc khổ sai họ phải làm. Ông thấy một người Ai-cập đang đánh một người Híp-ri, anh em đồng bào của ông. Nhìn trước nhìn sau không thấy có ai, ông liền giết người Ai-cập, rồi vùi dưới cát. Hôm sau, ông lại đi ra, gặp hai người Híp-ri đang xô xát nhau, ông nói với người có lỗi: “Tại sao anh lại đánh người đồng chủng?” Người đó trả lời: “Ai đã đặt ông lên làm người lãnh đạo và xét xử chúng tôi? Hay là ông tính giết tôi như đã giết tên Ai-cập?” Ông Mô-sê phát sợ và tự bảo: “Vậy ra người ta đã biết chuyện rồi!” Nghe biết chuyện này, Pha-ra-ô tìm cách giết ông Mô-sê. Ông Mô-sê liền đi trốn Pha-ra-ô và ở lại miền Ma-đi-an. Ông ngồi bên bờ giếng. (Xh 2,11-15)

Bản văn nêu bật Môsê tăng trưởng, không chỉ thể lý nhưng cả thiêng liêng. Sự tăng trưởng này được diễn đạt trong *một sự vươn ra* tới anh em mình, mà bản văn thuật lại hai lần: c. 11 và c. 13. Vậy, động từ “đi ra” vốn là cốt lõi trong thần học của sách Xuất hành xuất hiện lần đầu tiên trong đoạn văn này. Ở đây nó diễn đạt chuyển động tự phát và tự nhiên của Môsê; chuyển động này sinh ra từ ý muốn thực hiện công lý và chế phục một sự dữ, tuy nhiên ông hiện thực nó một cách bạo lực và không liên kết với những hệ quả (outcomes) tiêu cực. Vì thế, cuộc “xuất hành” thứ nhất của Môsê được miêu tả trong những câu này, những giới hạn của nó được lộ ra bởi vì “bạo lực không lấy đi bất công, đúng hơn nó làm cho tình trạng còn tệ hơn trước kia, và trên hết bởi vì tận cội nguồn của cuộc xuất hành (exodus) này vẫn không có sứ mệnh về phía Thiên Chúa – thật ý nghĩa: trong toàn vụ việc này ngài im lặng – nhưng chỉ là lý tưởng và nhiệt tình của một người.”⁶¹ Chỉ qua tiếng gọi tới bụi gai đang cháy, nơi chốn nguyên mẫu cho chủ đề mặc khải Danh Thiên Chúa, Môsê nhận được một hướng nội tâm mới, chuyển động đó sẽ đặt ông đứng đầu dân và cho phép

⁶¹ *Esodo*, một phiên bản mới, *introduction and commentary* do M. Priotto (Paoline, Milano 2014) 72.

ông hướng dẫn dân trong đường xuất hành ngay chính, trong cuộc xuất hành chân thật.

Trong Tân ước, ta có thể nhận ra cùng một chủ đề về sự thay đổi hướng nội tâm trong câu chuyện của Phaolô thành Tarxô. Thoạt đầu, ông gắn bó với Lễ Luật Thiên Chúa được các tổ phụ truyền lại; ông diễn đạt nó trong một nhiệt tình bạo lực và gây hấn vốn tìm cách để chèn ép điều xem ra không thể tương thích với nền giáo dục tôn giáo ông nhận được. Nhưng, khi Phaolô giải phóng động lực bên trong, ông kinh nghiệm một cuộc gặp gỡ trên đường tới Damas vốn lật nhào ông hoàn toàn. Chính cuộc gặp gỡ này với một luồng ánh sáng khiến ông mù loà và dẫn ông đi tới trường của Ananias, để học hiểu Thiên Chúa thật sự muốn gì nơi ông một cách mới mẻ. Từ nay trở đi, Phaolô sẽ định nghĩa mình là “kẻ được gọi là tông đồ” (x. Rm 1,1; 1 Cr 11) hay “tông đồ của Đức Kitô Giêsu bởi ý Thiên Chúa muốn” (2 Cr 1,1; Ep 1,1; Cl 1,1); vậy, ông nhấn mạnh rằng sự thay đổi này không phải là kết quả của việc ông tìm kiếm nội tâm, việc ông khai triển những tư tưởng hay suy tư, nhưng là hoa quả của việc Thiên Chúa can thiệp một cách không thể tiên đoán được và tập hướng đời ông theo một hướng mới. Vì lẽ này, trước kia Phaolô là “kẻ bách hại và người của bạo lực” (1 Tm 1,13), nay ông học để “trở nên mọi sự cho hết mọi người hầu bằng mọi phương thế tôi có thể cứu được một số người.” (1 Cr 9,22).

Cả hai kinh nghiệm của Môsê và Phaolô soi sáng theo một cách thấm nhập sự biến đổi bên trong; Gioan buộc phải có sự biến đổi này để từ bỏ sự thúc đẩy (ép đẩy) tự phát hướng tới thực tại; Gioan tuyên bố hầu cải thiện nó bằng sức lực của mình, và đi vào sự chuyển động cũng như phong thái mà Thiên Chúa hành động trong lịch sử.

Cốt yếu, phong thái này được bao hàm trong giấc mơ như trong Kinh thánh, qua biểu tượng có tính chất mục tử. Dù trong giấc mơ chín tuổi hạn từ “mục tử” không xuất hiện rõ ràng, thì chính hình ảnh tương ứng với hạn từ đó thì rõ ràng được chứng

thực, cách riêng ở chỗ những đứa trẻ, mà Gioan sẽ phải làm việc cho, được biểu thị như những con chiên hiền lành.⁶² Đàng khác, hình ảnh này thì quen thuộc với một đứa trẻ mà, như tất cả bạn đồng trang lứa, đã dành nhiều giờ trong ngày chăn đoàn vật trên cánh đồng. Vì vậy, hoạt động hằng ngày này là một yếu tố của sự liên kết tự phát với kinh nghiệm tôn giáo của dân Israel, ở đó chăn chiên là một trong những biểu tượng nền tảng để diễn tả tư cách lãnh đạo cộng đoàn và chăm nom cho cộng đoàn được sống. Đoàn vật cần những người tài khéo để hướng dẫn chúng và bảo vệ chúng khỏi thú dữ; cùng một cách thức đó dân chúng cần những người lãnh đạo khôn ngoan, và họ chăm sóc đời sống của dân chúng một cách tận hiến và trách nhiệm. Vì lẽ này, trong giao ước thứ nhất, tước hiệu “mục tử” thường được gán các vua và những vai trò trách nhiệm khác; họ không quên rằng hai nhà lãnh đạo vĩ đại nhất Israel – Môsê và David – là những người chăn chiên/mục tử đầu tiên theo nghĩa đen của nó. Hơn nữa, tước hiệu này qui chiếu trên hết tới Thiên Chúa, bởi vì qua những vị mục tử được đặt làm lãnh đạo cho dân, thì chính ngài thực sự hướng dẫn họ. “Lạy Mục Tử nhà Ít-ra-en, Ngài là Đấng chăn giữ nhà Giu-se như chăn giữ chiên cừu, xin hãy lắng tai nghe!” (Tv 80,2); “còn ta là dân Người lãnh đạo, là đoàn chiên tay Người dẫn dắt” (Tv 95,7); “CHÚA là mục tử chăn dắt tôi” (Tv 23,1); “Như mục tử, Chúa chăn giữ đoàn chiên của Chúa, tập trung cả đoàn dưới cánh tay” (Is 40,11). Ed 34 trời hiện lên cách đặc biệt giữa tất cả những bản văn

⁶² Mặc dù từ ngữ “mục tử” không minh nhiên xảy ra trong câu chuyện này, thì biểu tượng của nó không chút hoài nghi nằm ở hậu cảnh. Hơn nữa, nó sẽ trở thành minh nhiên trong một giấc mơ thứ hai, mà Hồi ký Nguyễn xá kể lại sau này, phẩm chất hoá nó như một thứ “phụ lục cho giấc mơ mà cha đã có ở Becchi” (MO [2010] 109). Trong giấc mơ này, mà Don Bosco đã có vào đêm tối trước Chúa nhật thứ hai trong tháng Mười năm 1844, một lần nữa ngài thấy cảnh các thú vật đang gặm gừ trở thành những con chiên hiền lành, nhưng một yếu tố diệu kỳ mới mẽ được thêm vào điều này, vì nhiều con chiên “được biến thành những mục tử chăm sóc cho những chiên khác, khi chúng lớn lên.” (130). Cùng nhân vật nữ của giấc mơ đó khi ngài được chín tuổi cũng trở lại trong giấc mơ này, dưới hình dạng của “người nữ chăn chiên”. Hình ảnh mục tử, mà trong giấc mơ thứ nhất đã hiện diện như một bối cảnh mặc nhiên đã trở thành rõ ràng ngày một hơn.

của giao ước thứ nhất dùng đến ẩn dụ này. Trong đó vị ngôn sứ diễn tả một phán xét nặng nề về những vị mục tử sai lầm/giả dối; thay vì hiến mình vì sự tốt lành của dân chúng, họ lại chạy theo những tư lợi; vị ngôn sứ thuật lại Thiên Chúa quyết định đảm trách vai trò mục tử trong ngôi thứ nhất: “Chính Ta sẽ chăn dắt chiên của Ta ... Con nào bị mất, Ta sẽ đi tìm; con nào đi lạc, Ta sẽ đưa về; con nào bị thương, Ta sẽ băng bó; con nào bệnh tật, Ta sẽ làm cho mạnh”. Sự cam kết này được hoàn tất với lời hứa rằng Thiên Chúa sẽ gầy lên một vị mục tử theo lòng ngài: “Ta sẽ cho xuất hiện một mục tử để chăn dắt chúng; nó sẽ chăn dắt chúng, đó là Đa-vít, tôi tớ của Ta: chính nó sẽ chăn dắt chúng; chính nó sẽ là mục tử của chúng.” (Ed 34,23).

Trong Tân ước hình ảnh vị mục tử, mà Đức Giêsu dùng trong những dụ ngôn và mặc khải thái độ nội tâm của ngài khi ngài động lòng trước đám đông bị bỏ rơi, đạt đến tột đỉnh trong diễn từ Kitô học của Ga 10. Trong cuộc tranh cãi với những vị hướng dẫn chính trị và tôn giáo, được miêu tả là những kẻ làm thuê, Đức Giêsu trình bày mình là “mục tử nhân lành”, nghĩa là, vì mục tử chân chính được Thiên Chúa sai đến, ngài biết rõ chiên của mình, từng con một, và hiến mạng sống mình cho chúng. Vì vậy, hình ảnh vị mục tử là một trong những hình thức ưu tuyển mà qua đó thần học về sứ mệnh của Đức Kitô được diễn đạt. Con được Cha sai đến là vị lãnh đạo; nhờ ngài Thiên Chúa dẫn toàn nhân loại tới chính mình, giải phóng nhân loại khỏi sự dữ và dẫn họ vào đồng cỏ sự sống. Tuy nhiên, trong Tân ước hình ảnh này cũng được dùng cho những người mà Đức Giêsu liên kết với sứ mệnh của ngài, đó là các tông đồ và những người kế vị; ngài thiết lập họ như những người hướng dẫn và mục tử của cộng đoàn của ngài. Lời của Đức Giêsu cho Phêrô “hãy chăm sóc chiên của Thầy” (Ga 21,15) là một trong những diễn đạt cao nhất về mệnh lệnh mục vụ này. Trách vụ mà Đấng Phục sinh giao cho vị Tông đồ xuất hiện như một sự thông phần chân thật vào cử chỉ mà chính Đức

Giêsu tiếp tục thực thi, dẫn những kẻ thuộc về đàn chiên của ngài xuyên qua những nẻo đường của lịch sử.

Chiều sâu Kinh thánh của ẩn dụ có tính mục vụ mang đến một ánh sáng quan trọng trên quang cảnh của giấc mơ vốn trình bày những con chiên hiền lành tung tăng kêu be be quanh người đàn ông sang trọng và người nữ quý phái. Số mệnh mà cậu thiếu niên trong giấc mơ nhận lãnh và hoàn toàn vượt quá sức mạnh của cậu được làm thành có thể bởi sự kiện rằng một cách tối hậu cậu không được cậy dựa vào sức mạnh của mình, nhưng đúng hơn phải hành động “bên trong” không gian sống động của Đấng Phục sinh. Hiểu rằng chính vị Mục tử mới biến đổi những con thú dữ và vì lẽ đó, các con chiên sẽ vui tươi qui tụ quanh ngài và mẹ ngài, chứ không phải quanh Gioan, quả là không khó khăn gì.

Vậy, nhận xét này dẫn chúng ta tới chủ thể của biểu tượng Kitô học và thánh mẫu học trong giấc mơ; chúng ta đã nhất thiết qui chiếu chúng trong bài bình giải về những phần của câu chuyện, thật quan trọng đối với hiểu biết nó. Chúng ta đã nhắc đến những nét đặc trưng huyền bí và quen thuộc vốn đặc trưng hoá hai nhân vật. Các ngài được đặc trưng bởi một ánh sáng chói chang làm cho Gioan không thể nhìn thẳng vào người đàn ông, đang khi ánh sáng đó lại toả rạng mọi phía trong chiếc áo choàng của người nữ. Rõ ràng, ánh sáng là một trong những nét đặc trưng nhất của biểu tượng tôn giáo để diễn tả Thiên Chúa và Đấng Siêu việt: Thiên Chúa khoác “cầm bào: muôn vạn ánh hào quang” (Tv 104,2). Tuy nhiên, ở đây chúng ta không cần tóm tắt tất cả sự phong phú Kinh thánh của ẩn dụ này, cũng như để giải thích tất cả những qui chiếu Kinh thánh (cách riêng khả huyền) mà ta có thể tìm thấy những nét và hoạt động miêu tả hai nhân vật đó. Độc giả nào quen thuộc chút ít với Kinh thánh sẽ nắm bắt những đề nghị của nó ngay. Đáng khác, tại điểm suy tư này, dừng lại để hiểu một số chủ đề thần học và thiêng liêng mà giấc mơ trình bày và thông truyền cho các độc giả như một gia sản hầu gìn giữ và vun trồng [điều đó] còn quan trọng hơn.

3.3. Những chủ đề thiêng liêng

Một bình giải về những chủ đề thần học và thiêng liêng được tìm thấy trong giấc mơ lúc chín tuổi có thể có những khai triển rộng lớn để bao gồm một khảo luận bao quát về “tính Salêdiêng”. Được đọc từ viễn cảnh của lịch sử có những hệ quả của nó, giấc mơ mở ra vô số đại lộ để khám phá những nét sự phạm và tông đồ vốn đặc trưng hoá cuộc đời của thánh Gioan Bosco cũng như kinh nghiệm đoàn sủng bắt nguồn từ ngài. Tuy nhiên, tính chất và chỗ đứng của bài chúng ta khảo cứu trong một dự phóng tìm tòi lớn rộng hơn, đòi buộc chúng ta phải giới hạn mình vào một ít yếu tố thô, tập trung chú ý của mình vào những chủ đề chính và đề nghị những hướng để đào sâu sự hiểu biết chúng ta về chúng. Vì thế, để suy tư thiêng liêng, chúng ta chọn tập trung vào năm lãnh vực quan trọng, theo thứ tự sau đây, (1) sứ mệnh mang tính Nguyên xá, (2) ơn gọi tới điều không thể được, (3) mầu nhiệm của Tôn Danh, (4) sự trung gian từ mẫu và, cuối cùng (5) sức mạnh của sự hiền lành.

3.3.1. Sứ mệnh Nguyên xá

Giấc mơ chín tuổi đầy ngập các thiếu niên. Chúng hiện diện từ quang cảnh đầu tiên đến cuối cùng; chúng thừa hưởng mọi sự xảy ra. Sự hiện diện của chúng được đặc trưng bởi vui nhộn và chơi đùa; đây là tiêu biểu (đặc trưng) của lứa tuổi chúng; nhưng bất trật tự và lối cư xử (thái độ) tiêu cực cũng đặc trưng hoá sự hiện diện của chúng. Vì thế, trong giấc mơ trẻ em không phải là hình ảnh lãng mạn của một tuổi quyến rũ, hoặc không bị những sự dữ của thế giới chạm tới, hoặc chúng không tương ứng với huyền thoại hậu tân đại về tuổi trẻ như một mùa của hoạt động tự phát và rộng mở triền miên để thay đổi mà sẽ được gìn giữ qua tuổi niên thiếu vĩnh cửu. Trong giấc mơ đó, trẻ em thật là “thực” (real) một cách ngoại thường, cả nơi bề ngoài thể lý cũng như khi chúng được trình bày một cách biểu tượng dưới hình những thú hoang. Chúng chơi và đấu đá nhau, cười hô hố và chửi thề, giống y như trong thực tế vậy. Chúng dường như không ngây thơ, như

một khoa sư phạm về tính tự phát tưởng nghĩ chúng là thể; chúng cũng không thể hành động như thể tự giáo dục mình (tự dạy dỗ mình), như Rousseau nghĩ chúng như thể. Từ lúc các trẻ xuất hiện ở “một sân rất rộng” vốn nhìn tới trước những sân chơi lớn của các Nguyễn xá Salêdiêng tương lai, chúng *kêu nài một ai đó hiện diện và hành động*. Tuy nhiên, lời đáp trả hấp tấp của người mơ chẳng phải là một sự can thiệp đúng; phải cần đến một Đấng Khác hiện diện.

Sự xuất hiện của trẻ em được liên kết với sự xuất hiện của một nhân vật mang tính Kitô học, như chúng ta bây giờ có thể gọi ngài không úp mở. Đấng phán trong Tin mừng: “Hãy để trẻ nhỏ đến với Thầy” (Mc 10:14), ngự đến để chỉ ra cho người mơ chính thái độ mà qua đó ta phải đến gần chúng và đồng hành với chúng. Ngài xuất hiện như một nhân vật mạnh mẽ, nam tính, uy nghi với những nét rõ ràng nêu bật tính cách thần linh và siêu việt của ngài; cách ngài hành động được nêu bật bởi sự chắc chắn và quyền năng và ngài tỏ lộ uy quyền trên các sự việc xảy ra. Tuy nhiên, người đàn ông uy nghi quý phái đó không làm ta khiếp sợ; đúng hơn, ngài mang an bình ở nơi mà trước đó chỉ có hỗn độn và ồn ào; ngài tỏ lộ sự thông cảm nhân lành khi nhìn Gioan và hướng dẫn cậu tới nẻo đường hiền lành và bác ái.

Mối tương quan giữa những nhân vật này – một bên là những đứa trẻ và bên kia là Chúa (và Mẹ ngài cũng được thêm vào đó) – xác định những biên giới của giấc mơ. Những cảm xúc mà Gioan cảm nhận trong kinh nghiệm giấc mơ, những câu cậu hỏi, trách vụ mà cậu được gọi để hoàn thành, tương lai vốn mở ra trước cậu [tất cả] hoàn toàn được liên kết với cái biện chứng giữa hai cực này. Có lẽ sứ điệp quan trọng nhất mà giấc mơ giải bày cho người mơ, sứ điệp mà có lẽ cậu hiểu trước tiên bởi vì nó vẫn in đậm trong tâm trí của cậu, trước cả khi hiểu nó theo một cách phản tỉnh, chính là những nhân vật này sẽ trở nên thiết thân với ký ức của cậu và *cậu sẽ không thể quên họ suốt cuộc đời còn lại*. Cuộc gặp gỡ giữa giới trẻ bị thương tổn và Thiên Chúa quyền

năng, giữa nhu cầu cần được cứu độ và việc ngài trao ban ân sủng, giữa việc chúng ước ao được vui tươi và việc Thiên Chúa ban tặng sự sống của mình, nay phải trở thành trung tâm tư duy của Gioan, trở thành không gian của căn tính ngài. Hợp âm của đời ngài sẽ hoàn toàn được viết trong những nốt mà chủ đề khai sinh này ban cho cậu: hài hoà nó trong tất cả những tiềm năng hoà hợp sẽ là sứ mệnh của ngài, sứ mệnh mà ngài phải đổ vào đó tất cả những âm điệu của bản tính và ân sủng.

Như vậy, tính năng động của cuộc đời Gioan xuất hiện trong thị kiến-giấc mơ như một chuyển động liên tục, một loại tới-lui thiêng liêng giữa các thiếu niên và Chúa. Từ nhóm trẻ mà cậu lập tức bổ nhào vào đó, Gioan phải đặt mình bị lôi kéo tới Chúa Đấng gọi đích danh cậu, và rồi cậu phải khởi hành lại từ Đấng đã sai cậu đi và với nhiều thẩm quyền hơn, đặt mình làm đầu/thủ lãnh của những bạn đó. Mặc dù cậu đã nhận những cú đấm mạnh mẽ từ những đứa trẻ trong giấc mơ đến nỗi cậu vẫn cảm thấy đau khi thức dậy, và mặc dù cậu lắng nghe những lời từ người đàn ông quý phái khiến cậu phải bối rối, thì việc cậu 'đi tới đi lui' không phải là một hành trình vô mục đích nhưng là một nẻo đường vốn dần dần biến đổi cậu và mang theo một năng lực tác sinh sự sống và tình yêu đối với giới trẻ.

Tất cả điều này xảy ra trong một *sân chơi* [bản dịch tiếng Anh dịch từ *cortile* cũng có nghĩa là *sân nhỏ*] thì rất ý nghĩa và có một giá trị giáo dục rõ ràng, vì sân chơi nguyện xá sẽ trở nên nơi chốn ưu biệt và biểu tượng gương mẫu thuộc sứ mệnh của Don Bosco. Toàn cảnh được diễn ra trong khung cảnh này, vừa rộng rãi (một sân rất rộng) và quen thuộc (gần nhà). Sự kiện rằng thị kiến ơn gọi không có một nơi chốn linh thánh hay thiên đài (celestial) như bối cảnh của nó, nhưng không gian trong đó trẻ sống và chơi, rõ ràng chỉ ra rằng *sáng kiến thần linh thừa nhận thế giới của chúng như một chỗ gặp gỡ*. Sứ mệnh được trao cho Gioan, mặc dù nó rõ ràng được hiểu theo nghĩa giáo lý và tôn giáo ("dạy chúng tội lỗi thật xấu xa, còn nhân đức thật giá trị"), có thể giới

giáo dục như *môi sinh tự nhiên (habitat)* của nó. Đứa trẻ chín tuổi chắc chắn không thể “kiến tạo” sự liên kết của diện mạo Kitô học với sân chơi và tính năng động của chơi đùa. Thực tế, nó tổng kết những năng động lực của mẫu nhiệm nhập thể trong đó Chúa Con đảm nhận bản tính thân xác chúng ta hầu cống hiến cho chúng ta bản tính của ngài; nó nêu bật làm sao không có gì thuộc nhân bản cần phải hy sinh để dành chỗ cho Thiên Chúa.

Vậy, sân chơi nói về sự gần gũi của ân sủng thần linh với cách thức trẻ con “cảm nhận”: chấp nhận ân sủng này không nhất thiết phải bỏ sang một bên tuổi tác theo biên niên, hay xao nhãng những nhu cầu của nó, hay chống lại nhịp điệu của nó. Khi đã lớn tuổi, Don Bosco viết trong *Giovane provveduto* (người bạn đường của tuổi trẻ) rằng một trong những lừa đảo của ma quỷ là làm cho người trẻ nghĩ rằng sự thánh thiện thì không tương thích với ước ao của chúng là sống vui tươi và với sự tươi mát dồi dào thuộc tính sinh động của chúng, thì đó chỉ là một sự trở lại dưới hình thức trưởng thành của bài học đã được chỉ ra trong giấc mơ và rồi trở thành cấu tố cốt lõi trong huấn quyền thiêng liêng của ngài. Sân chơi nói về nhu cầu *hiểu giáo dục ở chính cốt lõi sâu nhất*, nghĩa là, thái độ của cõi lòng hướng tới Thiên Chúa. Nơi đó, giấc mơ dạy không chỉ có chỗ cho một sự rộng mở nguyên thủy với ân sủng, mà còn có chỗ cho một sự chống cưỡng mà tội lỗi xấu xa cùng sự bạo tàn của nó ẩn núp trong đó. Vì vậy, chân trời giáo dục của giấc mơ rõ ràng mang tính tôn giáo, chứ không chỉ nhân đạo; nó trình bày biểu tượng là sự hoán cải, chứ không chỉ là biểu tượng của sự phát triển chính mình.

Nơi giấc mơ, giữa sân đầy trẻ và được Thiên Chúa cư ngụ, Gioan được ban cho một mặt khám về điều sẽ là năng động lực sự phạm và thiêng liêng của những sân chơi Nguyễn xá sau này. Chúng ta vẫn thích để nhấn mạnh hai yếu tố nữa rõ ràng được cho thấy trong giấc mơ qua những hành động trước hết của đám trẻ, và rồi của những con chiên hiền lành.

Yếu tố thứ nhất ta phải ghi nhận là sự kiện các thiếu niên “ngừng đánh nhau, la hét và chửi thề: chúng qui tụ quanh người đàn ông đang nói.” Chủ đề “*qui tụ*” là một trong những yếu tố thần học và sư phạm quan trọng nhất của thị kiến/khoé nhìn giáo dục của Don Bosco. Trong một đoạn văn nổi tiếng được viết vào năm 1854, *lời giới thiệu cho những qui chế được soạn thảo cho các trẻ nguyện xá của thánh Phanxicô Salê ở Turin trong vùng Valdocco*,⁶³ ngài trình bày tính chất giáo hội và ý nghĩa thần học của Nguyện xá như một thể chế bằng cách trích dẫn những lời của thánh sử Gioan: “*Ut filios Dei, qui erant dispersi, congregaret in unum*” (Ga 11:52). Như vậy, hoạt động của Nguyện xá được đặt dưới dấu chỉ là sự “qui tụ cánh chung” của con cái Thiên Chúa vốn là trung tâm của sứ mệnh của Con Thiên Chúa:

Dường như đối với tôi những lời Tin mừng vốn bảo cho chúng ta rằng Đấng cứu độ thần linh từ trời xuống thế để qui tụ con cái Thiên Chúa đang rải rắc khắp cùng thế giới lại, có thể được áp dụng từng chữ (nghĩa đen) cho giới trẻ của thời đại chúng ta.

Giới trẻ, “thành phần dễ tổn thương nhất song lại quý báu nhất của xã hội con người” thường bị rải rắc bởi cha mẹ thiếu quan tâm giáo dục chúng, hay bởi bạn bè xấu ảnh hưởng. Điều đầu tiên ta phải làm là cung cấp nền giáo dục cho những người trẻ này chính bằng cách “qui tụ chúng, có thể nói chuyện với chúng, dạy chúng đời sống luân lý.” Trong những lời này của *Lời giới thiệu bản Quy chế nháp*, âm vang của giấc mơ, mà nay đã chín muồi trong ý thức của nhà giáo dục trưởng thành, thì rõ ràng hiện diện và có thể nhận ra được ngay. Nguyện xá được trình bày như một “sự qui tụ” vui tươi của người trẻ quanh một lực hấp dẫn có khả năng cứu chúng và biến đổi chúng, sức mạnh của Chúa: “Những nguyện xá này là sự qui tụ trong đó các trẻ, sau khi tham dự những lễ nghi giáo hội, hân hoan vui chơi chạy nhảy.” Như một đứa trẻ, Don Bosco hiểu rằng “đây là sứ mệnh của Con Thiên

⁶³ Bản văn phê bình được xuất bản trong P. Braido (ed.), *Don Bosco educatore. Scritti e testimonianza*, 3rd ed. (LAS, Roma 1996) 108-111.

Chúa; điều này, chỉ tôn giáo thánh thiện của ngài mới có thể thực hiện được mà thôi”.

Yếu tố thứ hai mà sẽ trở thành một nét trong lối thiêng Nguyễn xá là điều được mặc khải trong giấc mơ qua hình ảnh của các con chiên nô đùa nhảy cẫng và sung sướng kêu be be “như thể đón chào người đàn ông và bà quý phái đó.” *Khoa sư phạm của sự cử hành* sẽ là một chiều kích nâng đỡ Hệ thống Dự phòng của Don Bosco. Điều này sẽ tìm cách cố gắng hiến cho trẻ em cơ hội hít thở hoàn toàn niềm vui của đức tin qua nhiều cử hành tôn giáo suốt cả năm. Don Bosco sẽ nhiệt huyết làm cho cộng đoàn trẻ trung của Nguyễn xá can dự vào việc chuẩn bị các biến cố, chẳng hạn những cuộc trình diễn kịch nghệ và những biến cố khác vốn cung cấp sự thoát ra khỏi những bốn phận mệt nhọc hằng ngày và điều đó sẽ gia tăng những tài năng của trẻ em trong âm nhạc, kịch nghệ, và thể thao, nhờ đó hướng dẫn trí tưởng của chúng vào hướng sáng tạo tích cực. Nếu chúng ta xét rằng thông thường giáo dục được đề xuất trong những phạm vi tôn giáo của thế kỷ 19 có một cảm nhận khá nhiệm nhặt đối với nó và dường như trình bày thái độ sốt mẩn như một lý tưởng sư phạm phải đạt đến, thì lễ hội lành mạnh của Nguyễn xá nổi bật lên như một điển đạt của thuyết nhân bản rộng mở để đáp lại những nhu cầu tâm lý của giới trẻ và một thuyết nhân bản có thể giúp cho tính sáng tạo của chúng. Vì vậy, niềm vui lễ hội vốn kéo theo sự biến đổi của các thú hoang trong giấc mơ là điều mà khoa sư phạm Salêdiêng nhắm đến.

Thực thế, sự cử hành và tính lễ hội cố gắng hiến cho con người dịp thoát ra khỏi những trói buộc (constraints) của đời sống hằng ngày, để bỏ đi những vai trò vốn vây nhốt (hem) họ trong những tương quan của họ và chiếu sáng điều gì là cốt yếu, điều gì thật sự là nền tảng của niềm vui sống và cho phép họ nhận biết chính mình như một cộng đoàn. Tuy nhiên, ở tận gốc rễ của thái độ lễ hội, có một câu hỏi bất khả né tránh vốn liên quan đến những cội nguồn của nó. Trong tất cả văn hóa, thái độ lễ hội giả định một sự ủy quyền mà những người tham dự vào các lễ hội không thể cung

cấp lời tường trình của chính mình. Lễ mừng không thể chỉ là kết quả của một quyết định tự quản; nó không thể được cử hành mà không có một lý lẽ thật sự để làm như thế, và lý lẽ này phải nảy sinh từ một kinh nghiệm vốn thực sự làm trương rộng (nói rộng) những không gian của cõi lòng và đưa vào sự tự do. Bằng không, sự tự do mà ta kinh nghiệm trong suốt cuộc cử hành sẽ chỉ là một vỏ sò bên ngoài trống rỗng vốn phủ lấp những khát vọng bị chưng hửng; rốt cục, một cử hành như thế sẽ là một ảo tưởng chỉ có thể gây thêm thất vọng. Thay vì tự do, chúng ta kinh nghiệm sự hạn chế, thay vì cộng đoàn, nó cung cấp “một bầy đoàn”, thay vì niềm vui chỉ có tiếng động vốn bắt chước niềm vui nhưng không thể sản sinh niềm vui. Những cử hành lễ hội tại Nguyễn xá tập trung vào sự biến đổi đó mà qua đó đám đông ồn ào được biến đổi thành những con chiên của giấc mơ. Trung tâm, cội nguồn và mục tiêu của những cử hành lễ hội vui tươi là Đức Giêsu và Mẹ ngài hiện diện. Don Bosco biết rằng niềm vui chân chính nảy sinh từ lương tâm an bình vốn sống trong tình bạn với Chúa. Vì lẽ này, ngài chuẩn bị cho những ngày lễ bằng những tuần chín ngày giúp đưa cõi lòng của giới trẻ tới đời sống ân sủng, và qua bí tích Giao hòa được trình bày như một trải nghiệm chân thật về sự chữa lành bên trong. Vì vậy, sự cử hành lễ hội là thời khắc tột đỉnh của một hành trình biến đổi thiêng liêng chân thật trong đó ân sủng Thiên Chúa là động lực, đang khi bù lại nó qui chiếu tới một sự hoàn thành tương lai vốn sẽ xảy ra trong niềm vui thiên đài, khi sự biến đổi của nhân loại sẽ được hoàn thành trọn vẹn. Kinh thánh dạy rằng toàn thể tạo thành, từ ban đầu, được tập trung tới ngày Sabbat, ngày Thiên Chúa nghỉ ngơi, nhưng không phải là một “thời gian rỗng tuếch”, song đúng hơn là một không gian cho tặng phẩm tự do là gặp gỡ và sự cử hành của tình bạn. Nhân loại tự phát mang trong chính mình nỗi khát khao đi vào “Ngày của Chúa”, khát khao hành trình tới một sự sống sung mãn vốn không còn kinh nghiệm sự nặng nề của cuộc đời cũng như nỗi nhọc nhằn thường nhật. Sự căng thẳng này đặc biệt sống động trong người trẻ; một cách mãnh liệt hơn họ tìm kiếm sự nô đùa và vui chơi

vốn là sự tiền dự một niềm hạnh phúc lớn lao hơn. Don Bosco có thể sử dụng nền tảng thụ tạo ấy và không gian giáo dục ấy trong sự căng thẳng này để kiến tạo một kinh nghiệm thiêng liêng về tính lễ hội chân thật được làm thành khả thể bởi tặng phẩm ân sủng.

Sự nối kết giữa *giải trí trong sân chơi và cử hành trong phụng vụ* chắc chắn là một trong những hệ quả chín muồi của những trực giác mà giấc mơ mang trong mình. Trong một đoạn từ *Hồi ký Nguyễn xá*, miêu tả một ngày sinh động tiêu biểu giữa các thiếu niên, Don Bosco viết: “Cha lợi dụng thời kỳ giải trí không tổ chức để dẫn các học sinh của cha cách lặng lẽ tới những ý tưởng về tôn giáo và lợi dụng các bí tích thánh.”⁶⁴ Trong lá thư nổi tiếng từ Roma 1884, vốn là một trong những diễn đạt có giá trị nhất về sự khôn ngoan thiêng liêng của ngài, ngài nhận diện mối liên hệ rất chặt chẽ giữa “sự không sẵn lòng” (unwillingness) để dẫn thân vào giải trí và “sự lãnh đạm” (lạnh lẽo) trong việc đến gần các bí tích. Trong sứ mệnh của Nguyễn xá mà giấc mơ này trao phó cho ngài, sân chơi và nhà thờ, chơi đùa và phụng vụ, vui cười lành mạnh và đời sống ân sủng phải được nối kết chặt chẽ như hai yếu tố bất khả phân của một khoa sư phạm mà thôi.

3.3.2. Tiếng gọi để làm điều bất khả thể

Đang khi đối với các thiếu niên trong giấc mơ nó kết thúc với sự cử hành, thì đối với Gioan nó kết thúc với sự mất tinh thần (nản chán) và thậm chí với nước mắt. Đây là một kết quả (outcome) mà chỉ có thể sống. Thực thể, với một sự đơn giản hóa nào đó nghĩ rằng những cuộc thăm viếng từ Thiên Chúa là những người mang chở niềm vui và an ủi mà thôi quả là rất quen thuộc. Vì thế, thật nghịch lý: đối với một vị tông đồ của niềm vui, đối với một người khi là một học sinh cấp hai sẽ giúp lập nên “hội vui” và như một linh mục sẽ dạy cho trẻ của mình rằng sự thánh thiện hệ

⁶⁴ MO-en 136.

tại ở “việc sống vui tươi hạnh phúc”, thì quang cảnh ơn gọi lại kết thúc với nước mắt.

Chắc chắn điều này có thể chỉ ra rằng niềm vui được nói đến không phải là một sự nhàn rỗi (leisure) thuần túy và một sự nhẹ dạ xuống, nhưng là một đáp trả nội tâm trước vẻ đẹp của ân sủng. Đúng như vậy, điều này chỉ có thể được thành tựu qua việc đòi hỏi những cuộc chiến thiêng liêng, mà Don Bosco tới một mức lớn rộng sẽ phải trả giá cả vì phúc lộc của những người trẻ của ngài. Vậy, cách cá nhân, ngài sẽ sống lại sự trao đổi những vai trò mà cội rễ của nó nằm trong mầu nhiệm vượt qua của Đức Giêsu và được kéo dài trong những hoàn cảnh của các tông đồ: “Chúng tôi điên dại vì Đức Ki-tô, còn anh em thì khôn ngoan trong Đức Ki-tô; chúng tôi yếu đuối, còn anh em thì mạnh mẽ; anh em được kính trọng, còn chúng tôi thì bị khinh khi” (1 Cr 4,10), nhưng chính trong cách này, “chúng tôi góp phần tạo niềm vui cho anh em” (2 Cr 1,24).

Tuy nhiên, sự lúng túng mà với nó giấc mơ khép lại, gọi nhắc trên hết sự bối rối gây xáo trộn (disturbing upset) mà những nhân vật Kinh thánh lớn lao kinh nghiệm khi đối diện với ơn gọi thần linh vốn mặc khải chính mình trong đời của họ, và hướng họ theo một hướng hoàn toàn bất ngờ và chừng hững. Tin mừng Luca xác quyết rằng ngay cả Đức Maria cảm thấy bối rối sâu xa bên trong trước lời của thiên sứ (“nhưng bà thấy bối rối về lời này” Lc 1,29). Isaia đã thấy lạc lõng trước mặc khải của Thiên Chúa chí thánh trong đền thờ (Is 6). Amos đã so sánh sức mạnh của Lời Thiên Chúa bởi đó ông bị chụp bắt với tiếng gầm của sư tử (Am 3,8), đang khi Phaolô kinh nghiệm trên đường Damas sự đảo lộn hiện sinh vốn khai sinh từ cuộc ông gặp gỡ Đấng Phục sinh. Khi làm chứng cho sự hấp dẫn về cuộc gặp gỡ Thiên Chúa vốn hoàn toàn quyến rũ họ, những người nam và nữ của Kinh thánh, vào thời khắc tiếng gọi của họ, xem chừng như ngật ngừng, sợ hãi vì một điều gì tràn ngập họ, hơn là ném mình vội vàng ngay vào trong cuộc thám hiểm của sứ mệnh.

Sự bối rối mà Gioan kinh nghiệm trong giấc mơ xem chùng là một kinh nghiệm tương tự. Nó nảy sinh từ tính chất nghịch lý của sứ mệnh được giao cho ngài, mà ngài không ngần ngại định nghĩa là “không thể được” (“ông là ai mà ra lệnh cho con làm điều không thể được?”). Tính từ, “không thể được” dường như “bị phóng đại”, như đôi khi là những phản ứng của những đứa trẻ, cách riêng khi chúng diễn đạt một cảm thức về sự không thích hợp khi đối diện với một trách vụ thách đố. Nhưng chân lý này của tâm lý đứa trẻ dường như không đủ để tỏa sáng nội dung của cuộc đối thoại trong giấc mơ và chiều sâu của kinh nghiệm thiêng liêng mà nó thông truyền. Còn hơn thế vì Gioan được làm thành phẩm chất của người lãnh đạo thật sự và có một ký ức tuyệt hảo, mà sẽ cho phép ngài trong những tháng sau giấc mơ đó lập tức bắt đầu thành lập một nguyện xá tí hon, làm cho các bạn vui chơi (giải trí) với những trò chơi tích cực và lặp lại các bài giảng của cha xứ. Vì thế, theo những lời mà ngài thẳng thắn công bố rằng ngài “không thể nói về tôn giáo” cho bạn đồng trang lứa, thì nghe âm vọng xa về sự chống đối của Giêremia trước lời Thiên Chúa kêu gọi vang lên lại: “con đây còn quá trẻ, con không biết ăn nói.” (Gr 1:6).

Ở đây cái đòi hỏi điều bất khả thể bị lâm nguy không phải trên bình diện của những thái độ tự nhiên, nhưng trên bình diện của điều mà có thể rơi vào chân trời của cái thực, của điều ta có thể mong đợi theo hình ảnh của mình về thế giới, của điều rơi vào trong giới hạn của kinh nghiệm. *Vượt quá biên giới này, miền của điều không thể được mở ra*, vốn là không gian của Thiên Chúa hoạt động, theo hạn từ Kinh thánh. Đối với Abraham không thể có một đứa trẻ bởi một người nữ đã già và hiếm muộn như Sarah; đối với Đức Nữ Trinh không thể thụ thai và ban cho thế giới Con Thiên Chúa làm người; ơn cứu độ xem như “không thể được” đối với các môn đệ, nếu đối với con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn cho người giàu đi vào vương quốc Thiên Chúa. Abraham được trả lời, “Nào có điều gì kỳ diệu vượt sức ĐỨC CHÚA?” (St 18,14); Thiên

thần nói cho Maria rằng “vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được” (Lc 1,37); còn Đức Giêsu trả lời cho các môn đệ không tin rằng “Những gì không thể được đối với loài người, thì đều có thể được đối với Thiên Chúa.” (Lc 18,27).

Tuy nhiên, biến cố quan trọng nhất trong đó vấn đề thần học của điều bất khả thể nảy sinh là thời khắc dứt khoát (quyết liệt) trong lịch sử cứu độ, nghĩa là, bi kịch Phục sinh ở đó biên giới bất khả thể phải bị vượt qua là chính cái vực thẳm cực kỳ tăm tối của sự dữ và cái chết. Làm thế nào có thể thắng sự chết? Liệu chính cái chết không phải là biểu tượng (emblem) bó buộc của tính không thể được, cái giới hạn không thể vượt qua cho mọi khả thể tính của con người, sức mạnh thống trị thế giới, cái chiếu bí (bàn cờ) của nó hay sao? Và liệu cái chết của Đức Giêsu không đóng ấn một cách bất khả thay đổi cái giới hạn này sao? Với cái chết này, hơn bất kỳ cái gì khác, sự chết chiến thắng như là sự kết tận (tận cùng) của mọi tính khả thể, bởi vì với cái chết của Đấng Thánh nó là một câu hỏi về sự phá hủy tính khả thể của mọi sự và mọi người.⁶⁵

Nhưng Thiên Chúa đã tạo dựng sự mới mẻ tuyệt đối đúng vào cái lõi tủy của sự bất khả thể tối cao này. Bằng cách làm cho Con đã thành người trở dậy trong quyền năng Thánh Thần, ngài đã tận căn đảo ngược điều mà ta gọi là thế giới của khả thể, và xuyên thủng những giới hạn mà trong đó chúng ta đóng kín (vây kín) niềm kỳ vọng thực tại của chúng ta. Vì ngay cả sự bất lực của thập giá không thể cản ngăn người Con hiến dâng mình, thì tính bất khả thể của cái chết bị vượt quá bởi sự mới mẻ của sự sống phục sinh, vốn làm nảy sinh một cuộc tạo dựng dứt khoát và làm cho mọi sự nên mới. Từ nay trở đi và “một lần là đủ” sự sống không còn lụy phục cái chết, nhưng cái chết lụy phục sự sống.

Chính trong không gian này được sự phục sinh tạo dựng lên mà điều bất khả thể trở thành thực tại hiệu quả. Chính ở đây,

⁶⁵ J.L. Marion, “Nulla è impossibile a Dio,” *Communio* 107 (1989) 57-73, 62.

người đàn ông quý phái của giấc mơ, huy hoàng với ánh sáng Phục sinh, yêu cầu Gioan làm điều không thể được thành có thể. Và ngài làm thế với một công thức gây ngạc nhiên: “Chính bởi vì điều ấy xem ra không thể được đối với con, mà con phải làm cho nó thành có thể được nhờ vâng phục.” Với những lời này, cha mẹ hằng thúc đẩy con cái mình, khi chúng lần lữa (ngần ngại), để làm điều chúng cảm thấy không thể làm được, hay chúng không muốn làm. “Vâng phục và con sẽ thấy con thành công.” Người mẹ hay người cha nói như thế: Tâm lý học của thế giới trẻ em được kính trọng trọn vẹn. Nhưng chúng cũng là, và còn hơn nhiều, những lời mà nhờ đó *Người Con mặc khải cái bí quyết của điều bất khả thể, cái bí quyết vốn hoàn toàn ẩn dấu trong sự vâng phục của ngài*. Người đàn ông quý phái ra lệnh một điều không thể được; qua kinh nghiệm nhân loại của chính mình, ông biết rằng tính bất khả thể đó là nơi chốn mà ở đó Cha cùng hoạt động với Thần khí, miễn là ta mở cánh cửa ra qua sự vâng phục của ngài.

Một cách tự nhiên, Gioan vẫn còn lúng túng và hoang mang, nhưng đây là chính cảm nhận mà bất kỳ ai cũng trải nghiệm khi đối diện với phép lạ bất khả thể của phục sinh, nói cách khác, khi đối diện với phép lạ của các phép lạ mà mọi biến cố cứu độ khác đều là một dấu chỉ của nó. Sau khi phân tích chi tiết hiện tượng luận về điều bất khả thể, J.L. Marion bình giải: “vào sáng phục sinh, chỉ Đức Kitô vẫn có thể nói *Tôi*: hầu, đứng trước ngài, mọi cái *tôi* siêu nghiệm phải nhận biết chính mình như [...] một cái *tôi* bị thách đố, bởi vì bị hoang mang.”⁶⁶ Phục sinh có nghĩa là điều vốn là *thật sự* nhất trong lịch sử là một điều mà *ego* không tin xét một cách tiên thiên/*a priori* là không thể được. Tính bất khả thể của Thiên Chúa, để được nhận biết trong thực tại của ngài đòi hỏi một sự thay đổi chân trời, mà ta gọi là *đức tin*.

Vì vậy ta không chút ngạc nhiên rằng trong giấc mơ cái biện chứng khả thể-bất khả thể được xoắn kết với cái biện chứng khác

⁶⁶ Ibid., 72.

là rõ ràng và tăm tối. Trước tiên nó đặc trưng hóa chính hình ảnh của Đức Chúa có khuôn mặt chói lọi đến nỗi Gioan không thể nhìn vào ngài. Một ánh sáng thần linh từ khuôn mặt đó một cách nghịch lý lại sản sinh sự tối tăm. Rồi những lời của người đàn ông và người phụ nữ lại để cậu lẩn lộn và sợ hãi, đang khi rõ ràng giải thích điều Gioan phải làm. Cuối cùng, có một sự biến đổi mang tính biểu tượng của những thú hoang, mà, đến lượt mình dẫn tới một sự không hiểu còn lớn hơn nữa. Gioan chỉ có thể xin mình định: “Con xin bà nói để con có thể hiểu bà, bởi vì con không biết tất cả điều ấy có nghĩa gì”; thế nhưng câu trả lời cậu có được từ người phụ nữ có dáng vẻ cao sang chỉ hoãn lại thời khắc hiểu biết: “vào đúng lúc con sẽ hiểu mọi sự”.

Thật vậy, điều này có nghĩa rằng chỉ bằng cách thực thi điều đã hiểu trong giấc mơ, nghĩa là, qua vâng phục, một cơ hội sẽ được ban cho để mình định sự điệp của nó. Thực thế, điều này không chỉ hệ tại ở một ý tưởng được giải thích, nhưng ở trong một lời có tính hiện thực, một diễn đạt hiệu quả, mà chính bằng cách hiện thực sức mạnh linh hoạt của nó biểu lộ ý nghĩa sâu xa nhất của nó.

Cái biện chứng ánh sáng và tối tăm này cũng như những phương thể tương ứng để tới gần chân lý là những yếu tố vốn đặc trưng hóa cấu trúc thần học của hành vi đức tin. Thực thế, tin có nghĩa là bước đi trong đám mây sáng chói theo một cách thức vốn chỉ cho một người lối đường phải theo nhưng đồng thời loại đi khỏi người đó tính khả thể là làm chủ nó với cái nhìn của mình. Bước đi trong đức tin là bước đi như Abraham, ông “đã ra đi mà không biết mình đi đâu” (Hr 11:8); tuy nhiên, điều này không có nghĩa rằng họ khởi hành một cuộc thám hiểm, chuyển động tùy ý (bất chợt/at random), song đúng hơn, theo nghĩa rằng họ khởi hành trong vâng phục “vì một nơi họ thừa hưởng.” Họ không thể biết trước mảnh đất được hứa ban cho họ, bởi vì, thực thế, chính sự sẵn sàng và sự lụy phục nội tâm của họ mới đóng góp vào việc làm cho nó hiện hữu như một mảnh đất của gặp gỡ và giao ước

với Thiên Chúa, chứ không chỉ như một không gian địa lý được đặt tới theo một cách vật chất. Vì vậy, lời Đức Maria nói cho Gioan – “Vào đúng lúc con sẽ hiểu mọi sự” - không chỉ là những lời khích lệ hiền mẫu nhân từ, như những lời của các bà mẹ cho con cái mình khi họ không thể giải thích hơn nữa, nhưng là những lời vốn thật sự chứa đựng ánh sáng tối đa mà có thể được hiến ban cho những ai phải bước đi trong đức tin.

3.3.3. Tôn Danh nhiệm màu

Tại điểm này trong suy tư, chúng ta có thể giải thích tốt hơn một yếu tố quan trọng khác của kinh nghiệm giấc mơ. Sự kiện là ở tâm điểm của thế căng thẳng giữa điều khả thể và điều bất khả thể, giữa điều được biết và điều không được biết, và cũng vậy, ở cốt lõi của chính thuật trình giấc mơ, là chủ đề về “tôn danh” nhiệm màu của người đàn ông quý phái. Thực thể, cuộc đối thoại rất chặt chẽ trong phần III được đan xen với những câu hỏi nêu lên cùng một vấn đề: “Ông là ai mà lại nói như thế?”, và cuối cùng “Mẹ cháu bảo cháu không được chung đụng với những người cháu không biết, trừ phi bà cho phép. Vì vậy, xin hãy nói cho cháu tên của ông.” Người đàn ông quý phái bảo Gioan hãy hỏi mẹ ngài “tôn danh” của ngài; nhưng thực thể, người sau (người nữ) sẽ chẳng nói cho cậu. Nó vẫn được trùm kín trong màu nhiệm cho đến cuối.

Trong phần dành cho việc tái cấu trúc bối cảnh Kinh thánh của giấc mơ, chúng ta đã ghi nhận rằng chủ đề về “tôn danh” được liên kết chặt chẽ với giai thoại Môsê được gọi tới bụi gai đang cháy (Xh 3). Đoạn văn này là một trong những bản văn cốt yếu (trung tâm) của mạc khải trong Giao ước thứ nhất và đặt nền cho tất cả tư tưởng tôn giáo của Israel. André Lacoque đề nghị rằng ta nên định nghĩa nó là “mạc khải của những mạc khải”, bởi vì nó cấu thành nguyên lý duy nhất của trình thuật và cấu trúc có tính quy tắc vốn phẩm chất hóa trình thuật Xuất hành, “tế bào mẹ” của toàn

Kinh thánh.⁶⁷ Ghi nhận bản văn kinh thánh đó diễn đạt như thế nào tính duy nhất chặt chẽ giữa điều kiện (phận) nô lệ của dân trong Ai cập, ơn gọi của Môsê và mặc khải tôn danh Thiên Chúa quá là quan trọng. Mặc khải tôn danh Thiên Chúa cho Môsê không xảy ra chỉ đơn giản như sự chuyển giao thông tin ta phải biết hay những dữ liệu ta phải thủ đắc, nhưng như mặc khải về một sự hiện diện hữu vị mà nhằm vào việc làm nảy sinh một mối liên hệ vững chắc và khởi đầu một tiến trình giải phóng. Theo nghĩa này, *mặc khải về Danh Thiên Chúa được tập trung tới giao ước và sứ mệnh*.⁶⁸ “Danh” đó có tính chất mặc khải Thiên Chúa và thực hiện, vì những ai tiếp nhận nó không chỉ được dẫn vào sự bí mật thần linh, nhưng là những người nhận lãnh một hành vi cứu độ.⁶⁹

Thực thể, “Danh” đó không như khái niệm, không chỉ một yếu tính ta tư duy tới, nhưng là một sự khác biệt ta phải qui chiếu tới, một sự hiện diện để cầu khẩn, một chủ thể vốn đề xướng chính mình là Đấng giải thích (interlocutor) chân thật về cuộc sống. Đang khi hàm ẩn việc công bố một sự giàu có không thể so sánh về hữu thể học, một Hữu thể giàu có vốn không bao giờ ta có thể định nghĩa thích đáng, thì sự kiện Thiên Chúa mặc khải chính mình như một “cái Tôi” chỉ ra rằng chỉ nhờ một tương quan hữu vị với ngài thì mới có thể đến gần căn tính của ngài, tới gần màu nhiệm Hữu thể ngài. Vì vậy, mặc khải “Danh” Thiên Chúa hữu vị là một hành vi của diễn từ vốn thách đố người thụ nhận, và đòi buộc họ đặt chính mình đối diện với Đấng đang nói. Thực vậy, chỉ bằng cách này, ta mới có thể nắm bắt ý nghĩa của “Danh” ấy mà thôi. Hơn nữa, mặc khải này một cách minh nhiên đứng như nền tảng cho sứ mệnh giải phóng mà Môsê phải thực thi: “Đấng Hiện

⁶⁷ A. LaCocque, “La révélation des révélations: Exode 3:14,” trong P. Ricoeur - A. LaCocque, *Penser la Bible* (Seuil, Paris 1998) 305.

⁶⁸ Với qui chiếu tới Xh 3:15, trong đó Danh TC được nối kết với một con người (số ít) “người sẽ nói”, A. LaCocque xác quyết: “Nghịch lý lớn nhất là đáng mà một mình ngài có quyền đề nói “TÔI-TA”, vốn độc nhất là ‘ehjeh’ (Ta là đáng Ta là) có một tôn danh vốn bao gồm một ngôi thứ hai, một ‘anh’” (A. LaCocque, “La révélation des révélations: Exode 3,14,” 315).

⁶⁹ A. Bertuletti, *Dio. Il mistero dell'unico*, 354.

Hữu sai tôi đến với anh em.” (Xh 3,14). Khi trình bày mình như một Thiên Chúa hữu vị, chứ không phải một Thiên Chúa gắn vào một địa dư, như chính Thiên Chúa của lời hứa, chứ không phải thuần túy như Đức Chúa của sự lặp lại bất biến, Giavê sẽ có thể cung cấp một lối đường cho dân ngài khi họ hành trình tiến tới tự do. Vì vậy, ngài có một “Danh” vốn làm cho mình được biết đến bởi vì nó thiết lập một giao ước và hướng dẫn lịch sử.

Tuy nhiên, tôn danh này chỉ được mặc khải trọn vẹn chỉ qua Đức Giêsu. Lời cầu nguyện được gọi là lời nguyện linh mục của Đức Giêsu, mà ta đọc trong Ga 17, đồng nhất lối tùy của sứ mệnh mang tính Kitô học trong sự mặc khải danh Thiên Chúa (c. 6, 11,12,26). Như Ratzinger bình giải, trong đoạn này, “Đức Kitô xuất hiện cho chúng ta hầu như bụi gai rực lửa, từ đó Danh Thiên Chúa chảy tuôn trên con người.”⁷⁰ Nơi ngài, Thiên Chúa trở thành hoàn toàn “có thể kêu cầu” (invocable), vì nơi ngài Thiên Chúa hoàn toàn đi vào hiện hữu với chúng ta, sống lịch sử chúng ta và dẫn nó vào trong sự xuất hành dứt khoát của nó. Cái nghịch lý ở đây là Danh Thiên Chúa vốn được Đức Giêsu mặc khải trùng khớp với chính màu nhiệm của con người ngài. Thực thể, Đức Giêsu có thể gán cho chính mình tôn danh thần linh – “Tôi là” – được mặc khải cho Môsê trong bụi gai. Như vậy, Danh Thiên Chúa được mặc khải trong chiều sâu ba ngôi không thể tưởng nghĩ được, mà biến cố Vượt qua sẽ hoàn toàn tỏ lộ Màu nhiệm của ngài. Qua sự vâng phục đến chết trên thập giá, Đức Giêsu được tôn dương trong vinh quang và nhận được một “danh vượt trên hết mọi danh khác”, hầu mọi người sẽ buộc phải quì gối trước ngài, trên trời, dưới đất và dưới âm phủ.” Vì vậy, chỉ trong “danh” Đức Giêsu, mới có ơn cứu độ, bởi vì trong lịch sử của ngài Thiên Chúa trọn vẹn (sung mãn) hoàn thành mặc khải về màu nhiệm Ba ngôi của mình.

⁷⁰ J. Ratzinger, *Introduzione al cristianesimo. Lezioni sul simbolo apostolico* (Queriniana, Brescia 1971) 93.

“Xin cho con biết tên ngài”: câu hỏi này của Gioan, ta không thể trả lời chỉ qua một công thức, danh xưng được dùng như một nhãn hiệu bên ngoài của một người. Để biết “tôn danh” của Đấng đang nói trong giấc mơ, đối với Gioan tiếp nhận thông tin là không đủ; đối với ngài nhất thiết phải làm một cái gì đó trước hành vi nói của ngài. Nghĩa là, đối với ngài nhất thiết phải đi vào mối liên hệ mật thiết và lụy phục (giao nộp) mà các Tin mừng miêu tả là “ở lại” với ngài. Chính vì thế, khi các môn đệ hỏi Đức Giêsu về căn tính của ngài – “Thầy ở đâu?” hay từng chữ “ngài đang ở đâu?” – ngài trả lời “Đến mà xem” (Ga 1:38 tt). Chỉ bằng cách “ở lại” với ngài, sống trong màu nhiệm của ngài, đi vào trong tương quan của ngài với Chúa Cha, ta mới có thể thật sự biết ngài là ai.

Sự kiện là nhân vật trong giấc mơ không trả lời cho Gioan bằng cách nói tôn danh của mình, như chúng ta thường làm bằng cách chia sẻ điều được viết trên thẻ căn cước của ta chỉ ra rằng “Danh” của ngài, ta không thể chỉ biết như thông tin bề ngoài. Thiên Chúa mạc khải chân lý của ngài chỉ khi nó được đóng ấn với một kinh nghiệm giao ước và sứ mệnh. Vì vậy, Gioan chỉ biết “Danh” đó bằng cách kinh nghiệm cái biện chứng của điều khả thể và điều bất khả thể, của sự rõ ràng và tăm tối; cậu sẽ biết nó bằng cách thực hiện sứ mệnh nguyện xá được trao phó cho cậu. Gioan sẽ biết người lạ quý phái đó là ai bằng cách mang ngài trong chính mình, nhờ vào một câu chuyện được sống như một lịch sử được cư trú (sống) bởi ngài. Một ngày kia Cagliero sẽ làm chứng rằng cách Don Bosco yêu mến thì “rất dịu dàng, vĩ đại, mạnh mẽ, song hoàn toàn thiêng liêng, tinh tuyền và thật sự thanh khiết,” mạnh mẽ đến nỗi “nó trao ban một ý tưởng hoàn hảo về tình yêu mà Đấng Cứu thế mang đến cho trẻ em.”⁷¹ Điều này chỉ rằng “Danh” của người đàn ông quý phái, mà khuôn mặt của ông chói ngời đến nỗi làm cho ánh nhìn của người mơ sầm tối lại, thật sự đi vào đời sống của Don Bosco như một *ấn dấu*. Ngài có *experientia cordis*

⁷¹ *Copia Publica Transumpti Processus Ordinaria*, 1146r.

qua néo đường đức tin và là *sequela Christi*. Đây là cách thức duy nhất trong đó câu hỏi trong giấc mơ có thể được trả lời.

3.3.4. Sự trung gian hiền mẫu

Khi không vững chắc về Đấng sai cậu, điểm mạnh mẽ duy nhất mà Gioan có thể nắm bắt trong giấc mơ là sự qui chiếu tới một người mẹ, thực vậy, tới hai người mẹ: người mẹ của người đàn ông quý phái và mẹ của cậu. Thực thế, câu trả lời cho những câu hỏi của cậu, vang vọng như thế này: Ta là con của người đàn bà mà mẹ con đã dạy con phải chào ba lần một ngày” và rồi “hãy hỏi mẹ ta tên ta là gì.”

Việc định vị của sự minh định hóa khả thể là Đức Maria và hiền mẫu hẳn nhiên là một yếu tố đáng suy tư. Maria là đấng nơi mẹ, nhân loại đạt đến sự liên lạc (trao đổi) cao nhất với ánh sáng vốn đến từ Thiên Chúa; mẹ là thụ tạo mà qua ngài Thiên Chúa đã trao ban Lời thành nhục thể cho thế giới. Cũng thật ý nghĩa rằng khi thức dậy khỏi giấc mơ, người hiểu đúng nhất ý nghĩa và viễn cảnh của giấc mơ là mẹ của Gioan, Mẹ Magarita. Trên những bình diện khác nhau, nhưng một cách loại suy, Mẹ của Chúa và mẹ của Gioan biểu thị khuôn mặt nữ giới của Giáo Hội vốn cho thấy mình có khả năng về trực giác thiêng liêng và là cung lòng trong đó những sứ mệnh lớn lao hiện hữu và được sinh ra.

Vì thế, không ngạc nhiên rằng hai bà mẹ giống nhau, và chính ở điểm trả lời câu hỏi mà người mơ trình bày, nghĩa là, căn tính của Đấng trao cho Gioan sứ mệnh đời sống ngài. Những cử chỉ chung của cầu nguyện, lời chào chúc của thiên thần vốn thường ba lần một ngày trong mọi gia đình, đột nhiên hiện ra họ là gì: một cuộc đối thoại với Mẫu nhiệm. Gioan khám phá rằng ở trường của mẹ mình, cậu đã thiết lập một mối tương quan với người Phụ Nữ cao sang vốn có thể giải thích mọi sự cho cậu. Vì vậy, đã có một loại hành xử nữ giới vốn nổi kết sự xa cách rõ ràng giữa “một đứa trẻ nghèo nàn, dốt nát” và con người “ăn vận sang quý.” Sự trung gian nữ giới Maria và hiền mẫu sẽ đồng hành với

Gioan suốt cuộc đời và sẽ làm chín muồi trong cậu như một dự thể đặc biệt để tôn kính Đức Nữ Trinh dưới tước hiệu Phù hộ các Giáo hữu, và trở thành vị tông đồ của mẹ cho các con cái của mẹ và cho toàn Giáo Hội.

Sự trợ giúp đầu tiên mà Đức Mẹ ban cho cậu là điều mà một đứa trẻ tự nhiên cần đến: một bà giáo. Điều bà phải dạy cậu là một kỷ luật vốn sẽ làm cho cậu nên thật sự khôn ngoan, một điều mà không có nó “mọi sự khôn ngoan chỉ là ngu dốt.” Chính kỷ luật đức tin, vốn hệ tại ở việc ca ngợi Thiên Chúa và trong sự vâng phục, ngay cả khi đối diện với điều không thể được và tăm tối. Đức Maria trình bày điều này như sự diễn đạt cao nhất của tự do và như nguồn giàu có nhất của sự phong phú thiêng liêng và giáo dục. Thực thể, mang trong mình tính bất khả thể của Thiên Chúa và bước đi trong bóng tối của đức tin là nghệ thuật trong đó Đức Nữ Trinh vượt trên mọi thụ tạo khác.

Đức Maria dùng kinh nghiệm này như một loại huấn luyện thực tiễn trong *peregrinatio fidei* của ngài, mà thường xuyên được tính tâm tối và hiểu lầm (không hiểu) ghi dấu. Ta chỉ cần nghĩ đến giai thoại tìm gặp lại Đức Giêsu 12 tuổi trong đền thờ (Lc 2,41-50). Trước câu người mẹ hỏi: “Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy? Con thấy không, cha con và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con!” Đức Giêsu trả lời một cách gây ngạc nhiên: “Sao cha mẹ lại tìm con? Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà của Cha con sao?” Và thánh sử ghi nhận: “Nhưng ông bà không hiểu lời Người vừa nói.” Thậm chí ít cái nhiên hơn nữa rằng Đức Maria hiểu khi tư cách làm mẹ của ngài, vốn đã được loan báo long trọng từ trên cao, được trương rộng lớn lao để trở thành một gia sản chung của cộng đoàn môn đệ: “Vì phạm ai thi hành ý muốn của Cha tôi, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi.” (Mt 12,50). Và rồi ở chân thập giá, lúc khắp mặt đất trở nên tối sầm, câu “Này tôi đây” mà ngài đã tuyên bố vào lúc đầu tiên của ơn gọi ngài, mặc lấy hình thức từ bỏ cực độ, nghĩa là, tách khỏi con mình mà thế vào

chỗ của con, bà nhận lấy những đũa con tội lỗi vì họ bà đã để một lưỡi gươm xuyên thấu trái tim bà.

Khi bà quý phái của giấc mơ bắt đầu thực thi trách vụ của mình là bà giáo và đặt tay trên đầu Gioan, và rồi nói với cậu: “vào đúng lúc con sẽ hiểu mọi sự”, bà kéo ra những lời này từ chiều sâu thiêng liêng của đức tin vốn làm ngài trở thành mẹ của mọi môn đệ ở dưới chân thập giá. Gioan sẽ phải ở lại dưới sự kỷ luật của bà suốt cuộc đời còn lại: như một người trẻ, như một chủng sinh, như một linh mục. Một cách đặc biệt cậu phải ở lại đó khi sứ mệnh của ngài mặc lấy những chiều kích mà vào thời gian của giấc mơ ngài không hề có thể tưởng tượng, khi, nghĩa là, ngài trở thành vị sáng lập của các gia đình tu sĩ, trong lòng Giáo hội, được đặt định để làm việc cho giới trẻ thuộc mọi lục địa. Chỉ như một linh mục, Gioan hiểu ý nghĩa sâu xa nhất của cử chỉ mà với nó người đàn ông quý phái đã cho cậu người mẹ của ngài như một “bà giáo” của cậu.

Khi một người trẻ đi vào một gia đình tu sĩ, người đó tìm thấy một vị tập sự mà họ được trao phó cho ngài và người đó sẽ dẫn họ tới tinh thần của Tu hội và giúp họ lãnh hội (hấp thụ) nó. Khi xảy ra với một vị Sáng lập, mà phải nhận từ Thánh Thần ánh sáng đoàn sủng nguyên thủy, Chúa sắp đặt chính Mẹ ngài, Nữ Trinh của lễ Ngũ Tuần, và Khuôn mẫu Vô nhiễm của Giáo Hội, hành xử như Bà giáo của ngài. Một mình mẹ, người “đầy ơn phúc” mới hiểu mọi đoàn sủng từ bên trong, như một người biết mọi ngôn ngữ và nói với từng người như thể nó là của chính mình.

Thực thế, người nữ trong giấc mơ biết cách nào để chỉ ra những sự giàu có của đoàn sủng Nguyên xá một cách chi tiết và thích hợp. Ngài không thêm gì vào lời của Con mình, nhưng soi sáng chúng với quang cảnh của đám thú hoang vốn trở thành những con chiên hiền lành và chỉ tới những phẩm tính mà Gioan sẽ phải triển khai để thi hành sứ vụ, nghĩa là trở nên “khiêm nhường, mạnh mẽ và nhiệt tâm”. Ba tính từ này, vốn miêu tả sức mạnh của tinh thần (khiêm nhường), của tính tình (sức mạnh) và

của thân xác (năng lượng), có một thực tế lớn lao. Đây là những lời khuyên được ban cho một tập sinh trẻ vốn đã có một kinh nghiệm dài về công cuộc nguyện xá và biết “cánh đồng” mà cậu phải “làm việc” trong đó đòi hỏi điều gì. Truyền thống thiêng liêng Salêdiêng cẩn thận canh giữ những lời của giấc mơ này vốn qui chiếu tới Đức Maria. Hiến luật Salêdiêng rõ ràng qui chiếu đến điều này khi nói: “Đức Trinh nữ Maria tỏ cho Don Bosco cánh đồng lao nhọc của ngài giữa thanh thiếu niên,”⁷² và gợi nhắc rằng “dưới sự hướng dẫn của Đức Maria là bà giáo của mình, Don Bosco sống với giới trẻ của nguyện xá đầu tiên một kinh nghiệm thiêng liêng và giáo dục mà ngài gọi là Hệ thống Dự phòng.”⁷³

Don Bosco nhận biết Đức Maria đóng một vai trò quyết định trong hệ thống giáo dục của mình, và nhìn thấy nơi tư cách là mẹ của ngài sự khởi hứng rõ ràng nhất về “dự phòng” (prevent) có nghĩa là gì. Sự kiện là Đức Maria can thiệp vào thời khắc đầu tiên của ơn gọi mang tính đoàn sủng của ngài và ngài đóng một vai trò trung tâm trong giấc mơ này, sẽ mãi mãi làm cho Don Bosco hiểu rằng Đức Mẹ thuộc về cội rễ của đoàn sủng; nếu vai trò khởi hứng của mẹ không thuộc về nguồn cội đoàn sủng, nếu ta không nhìn nhận vai trò khởi hứng của mẹ thì đoàn sủng ấy không được hiểu trong tính chân chính của nó. Được ban cho Gioan như bà giáo trong giấc mơ này, mẹ cũng phải được ban cho tất cả những ai chia sẻ ơn gọi và sứ mệnh của ngài. Như các đấng kế vị của Don Bosco không bao giờ mỗi một để xác quyết “ta không thể giải thích ơn gọi Salêdiêng hoặc trong lúc khai sinh hoặc trong khi phát triển liên tục mà không có Mẹ Maria liên lý hướng dẫn.”⁷⁴

⁷² C 70.

⁷³ C 20.

⁷⁴ E. Viganò, “Mary renews the Salesian Family of Don Bosco”, *AGC* 289 (1978) 1-35, 28. Đối với một sự tiếp nhận có phê bình về lòng sùng kính Đức Maria trong lịch sử của HL Salêdiêng, xem. A. van Luyn, “Maria nel carisma della ‘Società di San Francesco di Sales’,” trong *AA.VV., La Madonna nella “Regola” della Famiglia Salesiana* (LAS, Roma 1987) 15-87.

3.3.5. Sức mạnh của sự dịu hiền

“Con sẽ phải chiến thắng các bạn của con không phải bằng những cú đánh nhưng bằng sự dịu dàng và yêu thương”: Hẳn nhiên, những lời này của người lạ quý phái là những lời nổi tiếng nhất trong giấc mơ chín tuổi này của Don Bosco; một cách nào đó, những lời này tóm kết sứ điệp và giải bày sự khởi hứng của nó. Đó cũng là những lời đầu tiên mà người đàn ông quý phái nói cho Gioan; chúng làm ngưng đọng mọi nỗ lực bạo lực của cậu hồng chấm dứt bất trật tự và chủi thề mà các thiếu niên đã dẫn vào. Chúng không chỉ là một công thức giải bày một câu nói khôn ngoan có giá trị mãi mãi, nhưng là lời khuyên vốn loại biệt hóa chính cách thức mà trong đó Gioan phải thực thi mệnh lệnh ấy (“Ông bảo cha đứng đầu những trẻ này và thêm những lời này”); như đã ghi nhận, nhờ những lời này, chuyển động có ý hướng tính nơi ý thức của Gioan đã được tập hướng lại. Sức nóng và đam mê dâng sau việc sử dụng nắm đấm phải trở thành động lực tình yêu, và năng lực gây chia rẽ của sự can thiệp đàn áp phải nhường chỗ cho sự dịu hiền.

Hạn từ “*mansuetudine*” [mà trở thành “sự dịu hiền” hơn là sự “hiền lành” trong tiếng Anh] ở đây có sức nặng quan trọng, cách riêng khi chúng ta nhớ rằng vào cuối giấc mơ này, tính từ tương ứng được sử dụng để miêu tả những con chiên tung tăng quanh Đức Chúa và Mẹ Maria. Điều này gợi ý tới câu mà có lẽ là một nhận xét rất có lý: *Đối với những thiếu niên mà nguyên thủy là những thú hoang dữ tợn, để trở thành những con chiên “hiền lành”, trước hết nhà giáo dục của chúng phải trở nên dịu hiền.* Dẫu từ những điểm khác nhau, cả hai bên đều phải trải nghiệm một sự biến đổi thật sự hầu đi vào quỹ đạo mang tính Kitô học là sự dịu hiền và tình yêu. Thật dễ hiểu sự thay đổi này đòi hỏi gì đối với một nhóm những trẻ cãi nhau và cục cằn. Còn đối với một nhà giáo dục nó có lẽ ít hiển nhiên hơn. Thực thế, đối với nhà giáo dục mà đã ôm ấp những giá trị tốt lành, tích cực, trật tự và kỷ luật, thì ta đòi họ sự thay đổi nào?

Đây là một điều gì đó vốn sẽ có một ấn tượng dứt khoát trên cuộc đời Don Bosco, trước tiên ở trên bình diện thực hành cách ngài hành động và, tới một mức nào đó, cũng ở trên bình diện suy tư lý thuyết. Nó sẽ dẫn Don Bosco tới *tuyệt đối loại trừ một hệ thống giáo dục dựa trên cưỡng bức và hình phạt*, và thực sự xác tín chọn một phương pháp hoàn toàn dựa trên tình yêu mà Don Bosco sẽ gọi là “Hệ thống Dự phòng”. Tách khỏi những hàm ý sự phạm khác nhau vốn rút từ chọn lựa này, thì ở đây nêu bật chiều kích thần học và thiêng liêng nằm dưới định hướng này quả thật thú vị. Những lời của giấc mơ một cách nào đó là cội nguồn và sự kích hoạt cho điều này.

Bằng cách đặt mình về phía điều tốt và “luật lệ”, những nhà giáo dục có thể bị cám dỗ là đóng khung cách thức họ hoạt động với giới trẻ theo một cách thức đến nỗi qua luật lệ, trật tự và kỷ luật cốt yếu được thiết lập. Nhưng luật lệ chứa đựng một sự hàm hồ bên trong nó vốn làm cho luật lệ thành không đủ để hướng dẫn một người tới tự do; và điều này, không phải chỉ bởi vì những giới hạn mà mọi luật lệ của con người chứa đựng bên trong nó, nhưng cũng bởi vì một giới hạn mà rốt cục thuộc về trật tự thần học. Toàn thể suy tư của Phaolô về lẽ luật là một sự suy niệm lớn lao về chân lý này, vì Phaolô đã học từ kinh nghiệm cá nhân của mình rằng lẽ luật không ngăn cản ông khỏi là “kẻ nói lộng ngôn, bắt đạo và ngạo ngược” (1 Tm 1,13). Kinh thánh dạy rằng cùng một lẽ luật được Thiên Chúa ban thì không đủ để cứu độ con người, nếu không có một nguyên lý hữu vị khác để nhập hiệp và nội tâm hóa nó trong cõi lòng con người. Paul Beauchamp tóm kết đẹp đẽ năng động lực này khi ông nói: “Lẽ luật được đi trước bởi một điều là *‘bạn được yêu’* và được theo sau bởi một điều là *‘bạn phải yêu’*: “*Bạn được yêu*” là nền tảng của Lẽ luật, còn “*bạn phải yêu*” là sự chu toàn của Lẽ luật.”⁷⁵

⁷⁵ P. Beauchamp, *La legge di Dio* (Piemme, Casale Monferrato 2000) 116.

Không có nền tảng và sự hoàn thành này, Lễ luật mang nơi mình những dấu chỉ của một bạo lực vốn mặc khải nó không có khả năng để sinh ra điều tốt mà nó đòi buộc người ta hoàn thành. Trở về lại quang cảnh của giấc mơ, cú đấm cái tát mà Gioan dùng nhân danh một điều răn thánh thiêng của Thiên Chúa là cấm phạm thượng [thề thốt, như người Anh nói], mặc khải *tính không thích đáng và hàm hồ của bất kỳ sức thúc đẩy luân lý hóa nào mà không được nhập thể một cách nội tâm từ bên trên.*

Vì vậy, đối với Gioan và đối với những ai sẽ học “lối thiêng dự phòng” từ ngài, nhất thiết phải ôm ấp một luận lý giáo dục chưa có tiền lệ vốn đi vượt quá chế độ của lễ luật. Luận lý này được nên khả thể chỉ nhờ Thần khí của Đấng Phục sinh, được đổ vào lòng chúng ta. Thực thế, chỉ Thánh Thần mới cho phép chúng ta chuyển từ một sự công bằng hình thức và bên ngoài (nó là sự công bằng cổ điển của “kỷ luật” và “hành xử tốt” hay sự công bằng tâm thời của “những thủ tục” (tiến trình) và “những mục tiêu đạt được”) tới một sự thánh thiện nội tâm chân thật vốn làm tốt bởi vì nó hấp dẫn tận bên trong. Don Bosco sẽ cho thấy rằng ngài có ý thức này khi rõ ràng công bố trong điều ngài viết về Hệ thống Dự phòng, là hệ thống hoàn toàn dựa trên lời của thánh Phaolô: *“Charitas benigna est, patiens est; omnia suffert, omnia sperat, omnia sustinet.”*

Chỉ đức ái đối thần, vốn làm chúng ta nên những người thông phần vào sự sống của Thiên Chúa, mới có thể in dấu trên công cuộc giáo dục cái tính chất vốn đồng nhất hóa cái phẩm chất Tin mừng độc đáo của nó. Không phải vô lý mà Tân ước định vị những nét đặc trưng của “sự khôn ngoan đến từ trên” trong sự hiền dịu: Sự khôn ngoan “Chúa ban làm cho con người trở nên trước là thanh khiết, sau là hiếu hoà, khoan dung, mềm dẻo, đầy từ bi và sinh nhiều hoa thơm trái tốt, không thiên vị, cũng chẳng giả hình” (Gc 3,17). Chính vì thế, đối với những người thực hành nó cuối cùng gặt hái “mùa công chính” (Gc 3,18), khi hoàn thành công cuộc hòa bình. Như thế, “sự hiền dịu”, hay trong hạn từ

Salêdiêng “lòng mến thương”, vốn đặc trưng hóa sự khôn ngoan là chính dấu chỉ xác định một cõi lòng đã trải qua một sự biến đổi chân thật của sự phục sinh, và để mình bị tước mất mọi hình thức bạo lực.

Sức mạnh của mệnh lệnh đầu tiên này, mà có lẽ chúng ta đã đồng hóa quá nhiều như một chỉ thị, phản ánh những lời Tin mừng rất mạnh mẽ: “Vì tôi bảo anh em, đừng chống cự người ác.” (Mt 5,39) hay “hãy xô grom vào bao” (Mt 26,52; x. Ga 18,11). Nó qui chiếu tới một trong những phẩm tính mới mẻ của biến cố Đức Kitô, mà vì điều đó *tính tuyệt đối của lời tuyên bố chân thật chỉ được diễn đạt trong hình thức của agapè*, nghĩa là, của sự dâng hiến chính mình vì sự sống của người khác. Khởi đi với những lời khai mở của giấc mơ, chúng ta thấy mình ở tận chính tâm điểm của mặc khải Kitô hữu, ở đó nó là một câu hỏi về “diện mạo chân chính của Thiên Chúa” và sự hoán cải nó kéo theo. “Phong thái” giáo dục Kitô hữu, khả năng của nó để sinh ra những thực hành và thái độ được đậm rẽ chân thật trong biến cố Kitô học, xác đáng tùy thuộc vào sự tương ứng với “khuôn mặt của Thiên Chúa.”

Ngôn ngữ tôn giáo mà thôi không thể tôn vinh ngài. Câu chuyện Đức Giêsu rõ ràng cho thấy rằng ngay cả trong ngôn ngữ đó, với những mật mã (codes) và những nghi thức và những thể chế của nó, một cái gì có thể bám rẽ vốn không đến từ Thiên Chúa song trái lại kình chống và đối nghịch ngài. Biến cố Kitô học làm nổi tung những đối nghịch này trong sự thực hành điều linh thánh như con cái Adam chuyển giao nó cho con cái mình, khi thích ứng nó vào những tiêu chuẩn của nó về sự công bằng và gia phật; sẵn sàng, nhân danh Luật, ném đá cô gái ngoại tình và đóng đinh Đấng Thánh của Thiên Chúa!

Đối diện với cách hiểu tôn giáo một cách méo mó này, Đức Giêsu đến khai mào Vương quốc khác mà ngài là Chúa của nó, và luận lý của nó được mặc khải bởi việc ngài tiến vào Giêrusalêm như đấng thiên sai. Bằng cách đi vào Thành Thánh trên lưng con lừa con, Đức Giêsu trình bày mình là đấng thiên sai vốn không

chiến thắng dân chúng bằng khí giới và quân đội, nhưng chỉ qua sức mạnh dịu dàng của chân lý và tình yêu mà thôi. Sự dâng hiến đời mình, mà ngài sẽ mang nó đến hoàn thành trong thành của David, là con đường độc nhất mà qua đó vương quốc Thiên Chúa có thể đến trong thế giới. Sự dịu hiền của ngài như một Con Chiên Vượt Qua là sức mạnh độc nhất mà với nó Chúa Cha muốn chiếm được lòng của chúng ta.

“Con sẽ phải chiến thắng các bạn của con không phải bằng những cú đánh nhưng bằng dịu hiền và tình yêu.” Đọc những lời này trên bối cảnh của mặc khải tin mừng có nghĩa là nhận biết rằng qua chúng Gioan được ban cho một hướng đi nội tâm mà nguồn mạch độc nhất của nó là ở nơi Thánh Tâm Đức Kitô.⁷⁶ “Không phải bằng cái tát song bằng sự dịu hiền” là sự chuyển dịch có tính giáo dục của chính phong thái ‘rất hữu vị’ của Đức Giêsu.

Dĩ nhiên, “việc chiếm” được những người trẻ bằng cách này là một trách vụ rất đòi hỏi. Nó hàm ẩn không đầu hàng trước sự lạnh lùng của một giáo dục chỉ dựa trên luật lệ, hay trước sự tốt lành rõ ràng của một đề xướng vốn từ chối cáo giác “sự xấu xa của tội lỗi” và trình bày “giá trị của nhân đức.” Khi thiết lập điều tốt bằng cách đơn giản tỏ cho thấy sức mạnh của chân lý và tình yêu, được làm chứng qua sự tận hiến “đến hơi thở cuối cùng”, là hình ảnh về một phương pháp giáo dục mà đồng thời là một linh đạo chân thật và thích hợp.

Chẳng chút ngạc nhiên rằng Gioan trong giấc mơ đó củng cố lại việc đi vào trong tính năng động này và đòi phải hiểu biết hơn về căn tính của Người đòi hỏi điều ấy. Nhưng khi cậu đã hiểu tính năng động này, trước hết, bằng việc chuyển sự điệp này vào Nguyên xá như một thể chế và rồi bằng việc thiết lập một gia đình tu sĩ, ngài đi tới tin rằng việc kể lại giấc mơ mà trong đó ngài học

⁷⁶ Vì lẽ này, HL 11 nói rằng “tinh thần Salêdiêng tìm thấy mẫu mực và nguồn mạch của mình nơi Thánh Tâm Chúa Kitô, vị Tông đồ của Chúa Cha”, khi biệt hoá rằng nó được mặc khải trong thái độ của “vị mục tử nhân lành chinh phục cõi lòng bằng sự dịu hiền và tự hiến.”

được bài học này sẽ là con đường (cách thức) đẹp nhất để chia sẻ với con cái mình ý nghĩa chân chính nhất của kinh nghiệm của ngài. *Chính Thiên Chúa đã luôn hướng đạo chúng ta, chính ngài đã khởi sự bước chuyển động đầu tiên của* điều mà sẽ trở thành đoàn sủng Salêdiêng.